

BỘ TÀI CHÍNH
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Nguyễn Thị Giang

Lớp: CQ52.22.02

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP



ĐỀ TÀI

HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC
HÀNG TỒN KHO TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Chuyên ngành: kiểm toán

Mã số: 22

NGƯỜI HƯỚNG DẪN: TS. TẠ VĂN KHOÁI

HÀ NỘI -2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu, kết quả nêu trong luận văn tốt nghiệp là trung thực xuất phát từ tình hình thực tế của Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc tế Unistars.

Tác giả luận văn tốt nghiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Giang

MỤC LỤC

	Trang
Lời cam đoan.....	ii
Mục lục.....	iii
Danh mục các chữ viết tắt.....	vi
Danh mục các bảng.....	vii
Danh mục các hình.....	viii
Mở đầu.....	1
Chương 1: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC HÀNG TỒN KHO TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	3
1.1. Khái quát chung về hàng tồn kho.....	ts
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hàng tồn kho.....	3
1.1.2 Chức năng của hàng tồn kho.....	4
1.1.3 Tổ chức chứng từ kế toán.....	7
1.2 Khái quát về kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính.....	8
1.2.1 Ý nghĩa, vai trò của kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính.....	8
1.2.2 Mục tiêu kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính.....	9
1.2.3 Căn cứ kiểm toán hàng tồn kho.....	10
1.2.4 Quá trình kiểm soát nội bộ hàng tồn kho.....	11
1.2.5 Khảo sát kiểm soát nội bộ hàng tồn kho.....	14
1.3. Quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính... ..	16
1.3.1 Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán.....	16
1.3.2 Giai đoạn thực hiện kiểm toán.....	19
1.3.3 Giai đoạn kết thúc kiểm toán.....	25
Chương 2: THỰC TRẠNG VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC HÀNG TỒN KHO DO CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS THỰC HIỆN.....	27
2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars.....	27
2.1.1 Giới thiệu chung.....	27
2.1.2 Cơ cấu tổ chức quản lý.....	27

2.1.3 Các loại hình dịch vụ của Công ty	29
2.1.4 Các khách hàng chủ yếu của Công ty	30
2.1.5 Quy trình chung kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.....	30
2.1.6 Chương trình kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars	33
2.2. Thực trạng về kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars	33
2.2.1 Lập kế hoạch kiểm toán	33
2.2.2 Thực hiện kiểm toán	37
2.2.3 Kết thúc kiểm toán	42
2.3 Đánh giá về quy trình kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars	43
2.3.1 Đánh giá về ưu điểm	43
2.3.2. Đánh giá về những hạn chế và nhược điểm.....	45
2.3.3 Nguyên nhân của thực trạng	47
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC HÀNG TỒN KHO TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS	49
3.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính	49
3.1.1 Định hướng phát triển của Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars.....	49
3.1.2 Sự cần thiết phải hoàn thiện.....	49
3.2 Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện quy trình kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars.....	50
3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện	50
3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện.....	50
3.3 Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars	51
3.3.1 Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán.....	51
3.3.2 Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán	51
3.3.3 Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán	54
3.4 Điều kiện thực hiện các giải pháp	54

3.4.1 Về phía Nhà nước	54
3.4.2 Về phía hiệp hội nghề nghiệp	54
3.4.3 Về phía các kiểm toán viên.....	55
KẾT LUẬN	56
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	57
PHỤ LỤC	58

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BGD	:	Ban Giám Đốc
CĐKT	:	Cân đối kế toán
GTGT	:	Giá trị gia tăng
GTLV	:	Giấy tờ làm việc
HTK	:	Hàng tồn kho
JT	:	Công ty TNHH JT
KH	:	Khách hàng
KQKD	:	Kết quả kinh doanh
KSNB	:	Kiểm soát nội bộ
KTV	:	Kiểm toán viên
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
Unistars	:	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars

DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Bảng 1.1: Mục tiêu kiểm toán đối với từng cơ sở dẫn liệu khi kiểm toán khoản mục hàng tồn kho	9
Bảng 1.2: Các thủ tục kiểm soát nội bộ cơ bản đối với hàng tồn kho	12
Bảng 1.3: Cơ sở đánh giá mức trọng yếu	17
Bảng 1.4: Kỹ thuật quan sát vật chất hàng tồn kho	23

DANH MỤC CÁC HÌNH

	Trang
Sơ đồ 1.1: Quy trình luân chuyển phiếu nhập kho	7
Sơ đồ 1.2: Quy trình luân chuyển phiếu xuất kho	8
Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars	28

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trước bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển và diễn biến ngày càng phức tạp, đòi hỏi phải có sự minh bạch của hệ thống tài chính quốc gia. Do vậy hoạt động kiểm toán độc lập là một công cụ không thể thiếu giúp các tổ chức, cá nhân trong việc nắm rõ tình hình, kết quả kinh doanh bằng hệ thống báo cáo trung thực, hợp lý; giúp các nhà quản trị doanh nghiệp tăng cường hiểu biết về tài chính kế toán trong bối cảnh mới. Kiểm toán đã trở thành một hoạt động chuyên sâu, một khoa học chuyên ngành đóng vai trò quan trọng trong việc làm lành mạnh nền tài chính quốc gia.

Qua việc vận dụng kiến thức đã học ở nhà trường vào thực tế em thấy hàng tồn kho là một khoản mục có diễn biến phức tạp, chiếm tỷ trọng lớn, có ảnh hưởng lan tỏa rộng rãi đến nhiều chỉ tiêu trên các Báo cáo tài chính.

Hàng tồn kho là khoản mục mang tính trọng yếu trên toàn bộ hệ thống Báo cáo tài chính, thường xuyên biến động phức tạp nên có khả năng xảy ra sai sót và gian lận rất lớn hơn nữa các nhà quản trị doanh nghiệp luôn mong muốn có thể tăng giá trị hàng tồn kho so với thực tế nhằm mục đích làm tăng giá trị doanh nghiệp để minh chứng cho việc mở rộng quy mô sản xuất hay làm tăng tiềm lực tài chính.

Nhận thức được tầm quan của việc kiểm toán Báo cáo tài chính đặc biệt là khoản mục hàng tồn kho trên Báo cáo tài chính, cùng với quá trình thực tập và làm quen với thực tế kiểm toán Báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars, em lựa chọn đề tài: **“Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars thực hiện”**.

2. Đối tượng và mục đích nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài: quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính.

- Mục đích nghiên cứu của đề tài: trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính qua đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại Công ty Kiểm toán Quốc tế Unistars.

3. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là các nội dung, phương pháp, quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars thực hiện.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận: việc nghiên cứu luận văn dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

- Phương pháp nghiên cứu: luận văn sử dụng các phương pháp như phân tích, tổng hợp lý thuyết, chuẩn tắc, thống kê, so sánh.

5. Nội dung kết cấu của đề tài luận văn tốt nghiệp

Ngoài phần mở đầu và kết luận, bài luận văn của em gồm 3 chương:

- Chương 1. Những lý luận cơ bản về kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính

- Chương 2. Thực trạng về quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho do Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars thực hiện.

- Chương 3. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars.

CHƯƠNG 1: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC HÀNG TỒN KHO TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HÀNG TỒN KHO

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hàng tồn kho

Theo Chuẩn mực kế toán quốc tế về hàng tồn kho (IAS 02) và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” thì:

Hàng tồn kho: Là những tài sản:

- (a) Được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường;
- (b) Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang;
- (c) Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Hàng tồn kho bao gồm:

- + Hàng hóa mua về để bán: Hàng hóa tồn kho, hàng mua đi trên đường, hàng gửi đi bán, hàng hóa gửi đi gia công chế biến;
- + Thành phẩm tồn kho và thành phẩm gửi đem bán;
- + Sản phẩm dở dang: Sản phẩm chưa hoàn thành và sản phẩm hoàn thành chưa làm thủ tục nhập kho thành phẩm;
- + Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho gửi đi gia công chế biến và đã mua đang đi trên đường;
- + Chi phí dịch vụ dở dang.

Do những đặc điểm riêng biệt mà HTK được đặt trong mối quan tâm đặc biệt trong cả hai lĩnh vực kiểm toán và kế toán:

Thứ nhất, HTK thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số tài sản lưu động của một doanh nghiệp đặc biệt là trong các doanh nghiệp sản xuất, điều này làm cho HTK rất dễ bị xảy ra các sai sót và gian lận lớn.

Thứ hai, trong kế toán có rất nhiều phương pháp có thể lựa chọn để định giá HTK và đối với mỗi loại HTK doanh nghiệp lại có thể lựa chọn các phương pháp khác nhau. Mỗi phương pháp khác nhau sẽ đem lại những hiệu quả khác nhau. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải đảm bảo tính nhất quán trong việc sử dụng phương pháp định giá HTK giữa

các kỳ.

Thứ ba, việc xác định giá trị HTK ảnh hưởng trực tiếp tới giá vốn hàng bán và do vậy ảnh hưởng trọng yếu tới lợi nhuận trong năm từ đó ảnh hưởng lan tỏa đến các chỉ tiêu thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên bảng CĐKT và các chỉ tiêu tăng giảm HTK trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong trường hợp doanh nghiệp lập báo cáo Lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp; Khoản mục HTK còn liên quan đến một loạt các thông tin và các chỉ tiêu trình bày trên Thuyết minh BCTC của doanh nghiệp: như các chính sách kế toán áp dụng cho HTK của doanh nghiệp; các chỉ tiêu trình bày chi tiết liên quan đến từng loại HTK và các thông tin liên quan đến việc trích lập, hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK của doanh nghiệp trong kỳ,...

Thứ tư, công việc xác định chất lượng, tình hình, giá trị HTK luôn là công việc khó khăn và phức tạp hơn hầu hết các tài sản khác. Có rất nhiều khoản mục HTK rất khó phân loại và định giá chẳng hạn như các linh kiện điện tử phức tạp, các phụ tùng thay thế, tác phẩm nghệ thuật hoặc kim khí, đá quý...

Thứ năm, HTK được bảo quản, cất trữ ở nhiều địa điểm khác nhau, lại do nhiều người quản lý. Mặt khác do tính đa dạng của HTK nên điều kiện bảo quản cũng rất khác nhau tùy thuộc vào yêu cầu của từng loại. Vì thế, công việc kiểm soát vật chất, kiểm kê, quản lý và sử dụng HTK sẽ gặp nhiều khó khăn, đôi khi sẽ bị nhầm lẫn, sai sót và dễ bị gian lận.

Cuối cùng, các khoản mục HTK thường đa dạng và có thể chịu ảnh hưởng lớn bởi hao mòn vô hình và hao mòn hữu hình thông qua các biểu hiện như bị hư hỏng trong thời gian nhất định, dễ bị lỗi thời... Do đó, KTV khi kiểm toán phải có sự hiểu biết về đặc điểm từng loại HTK, xu hướng biến động của nó để có thể xác định chính xác hao mòn hữu hình hoặc hao mòn vô hình.

1.1.2 Chức năng của hàng tồn kho

Các quá trình kiểm soát được đề cập ở đây được cụ thể hóa thông qua các chức năng chủ yếu của HTK đó là:

+ *Thứ nhất: Chức năng mua hàng:* Một nghiệp vụ mua bắt đầu bằng việc bộ phận có nhu cầu mua hàng hóa hoặc dịch vụ viết phiếu đề nghị mua hàng. Phiếu đề nghị mua hàng phải được lãnh đạo doanh nghiệp phê duyệt và phải đảm bảo được tính hợp lý, có thật của nhu cầu mua. Sau đó phiếu đề nghị mua hàng được chuyển tới phòng vật tư để

tiến hành xử lý đơn đề nghị mua hàng và triển khai kế hoạch mua hàng. Phòng vật tư lập ra hóa đơn đặt mua hàng trong đó nêu rõ số lượng, chủng loại, quy cách sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ yêu cầu. Để thực hiện kiểm soát đối với nghiệp vụ mua hàng, các đơn vị còn cần thực hiện:

Thứ nhất, việc phê chuẩn phiếu đề nghị mua hàng cần căn cứ vào kế hoạch sản xuất, kế hoạch dự trữ, dự toán đã xây dựng, đối với loại HTK đó. Cần phân tách giữa nhiệm vụ giữa người viết phiếu đề nghị và phê chuẩn, tránh việc mua thừa hoặc mua các mặt hàng không cần thiết gây tù đọng, lãng phí trong doanh nghiệp.

Thứ hai, đơn đặt hàng mua cần đánh số liên tục để việc kiểm soát được thuận lợi.

Thứ ba, đơn đặt hàng thường được lập thành hai bản, một bản được chuyển cho người bán làm căn cứ ký kết hợp đồng, một bản được lưu giữ tại phòng vật tư của doanh nghiệp.

+*Thứ hai: Chức năng nhận hàng:* Chức năng nhận hàng thường do bộ phận kiểm tra chất lượng đảm nhiệm với nhiệm vụ xác định số lượng; chủng loại; kiểm định chất lượng hàng xem có phù hợp với yêu cầu trong đơn đặt hàng không và loại bỏ các hàng không đúng quy cách. Kết thúc công việc, phòng nhận hàng lập biên bản nhận hàng và chuyển hàng nhận tới bộ phận kho. Bộ phận này được tổ chức độc lập với bộ phận mua hàng, lưu hàng và bộ phận vận chuyển. (Các trường hợp khác như tự sản xuất, được biếu tặng, góp vốn bằng HTK cũng được kiểm nhận tương tự)

+*Thứ ba: Chức năng lưu kho:* Khi bộ phận nhận hàng chuyển hàng tới bộ phận kho, hàng nhận lại phải qua sự kiểm tra của bộ phận kho. Hàng chỉ nhập kho khi thỏa mãn yêu cầu về số lượng và chất lượng. Mỗi khi nhập kho, thủ kho phải lập phiếu nhập kho và sau đó phải thông báo cho phòng kế toán về số lượng đã thực nhập. Bộ phận lưu kho cần độc lập với các bộ phận khác như thu mua, nhận hàng, thanh tra, thanh toán. Đồng thời, doanh nghiệp cần tiến hành đối chiếu thường xuyên giữa ghi chép của thủ kho với kế toán HTK để đảm bảo sự khớp, đúng, kịp thời phát hiện những chênh lệch nếu có.

+*Thứ tư: Chức năng xuất kho vật tư, hàng hóa:* Hàng hóa, vật tư trong kho chịu sự quản lý của bộ phận kho. Chúng chỉ được xuất khỏi kho khi có yêu cầu sử dụng vật tư, hàng hóa đã được phê duyệt bởi bộ phận có thẩm quyền. Khi xuất kho, thủ kho sẽ lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho và phiếu yêu cầu được lập thành ba liên: Đơn vị có yêu

câu sẽ giữ một liên; một liên sẽ giao cho bộ phận kho làm căn cứ hạch toán kho và liên còn lại chuyển cho phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ.

+*Thứ năm: Chức năng sản xuất* Việc sản xuất cần phải được kiểm soát chặt chẽ bằng kế hoạch và lịch trình sản xuất để có thể đảm bảo rằng công ty sẽ sản xuất những hàng hóa đáp ứng đủ nhu cầu của KH, tránh tình trạng ứ đọng hàng hóa hoặc khó tiêu thụ đối với một số hàng hóa cụ thể, ngoài ra nó cũng như giúp công ty tạo ra sự chủ động trong khâu nguyên vật liệu và nhân công. Kể từ khi nguyên vật liệu được chuyển tới cho đến lúc được tạo ra các sản phẩm hoàn thành nhập kho thì người giám sát (đốc công, quản lý phân xưởng) phải kiểm soát và nắm chắc tình hình, quá trình sản xuất. Sản phẩm hoàn thành bao giờ cũng được kiểm định chất lượng trước khi nhập kho thành phẩm hoặc chuyển đi tiêu thụ. Hoạt động kiểm soát này phổ biến nhằm phát hiện những sản phẩm hỏng, lỗi và đồng thời giúp doanh nghiệp tránh tình trạng ghi giá trị HTK cao hơn giá trị thực của nó.

+*Thứ sáu: Chức năng lưu kho thành phẩm:* Sản phẩm hoàn thành từ bộ phận sản xuất sau khi được kiểm định về chất lượng nếu không tiêu thụ ngay thì được nhập kho chờ bán. Việc kiểm soát đối với thành phẩm lưu kho được xem như một phần của chu trình bán hàng- thu tiền. Việc lưu kho cần đảm bảo yêu cầu bảo quản sản phẩm không, điều kiện an ninh, phòng hỏa hoạn. Cách thức bố trí trong kho cũng phải hợp lý, dễ kiểm soát. Việc ghi chép ở kho do thủ kho thực hiện và phải chịu trách nhiệm.

+*Thứ bảy: Chức năng xuất thành phẩm đi tiêu thụ:* Bất cứ việc xuất thành phẩm đi tiêu thụ cũng chỉ được thực hiện khi bộ phận kho nhận có sự phê chuẩn hoặc căn cứ xuất kho. Thông thường, khi đơn đặt mua hàng của KH đã được phòng kiểm soát tín dụng phê chuẩn thì thủ kho tiến hành xuất kho và lập phiếu xuất kho. Chứng từ này được lưu ở thủ kho, bộ phận tiêu thụ và phòng kế toán, bộ phận vận chuyển sẽ lập phiếu vận chuyển hàng, chứng từ này được lập thành ba liên, một giao cho phòng tiếp vận, một chuyển cho phòng tiêu thụ kèm theo đơn đặt mua hàng của KH để làm căn cứ ghi hóa đơn cho KH, liên còn lại được đính kèm bên ngoài bao kiện của hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Trường hợp hàng hóa được vận chuyển bởi một công ty tiếp vận thì phiếu vận chuyển sẽ được lập

thêm liên thứ tư giao cho bên cung cấp dịch vụ vận chuyển để làm căn cứ tính cước phí.

Bên cạnh đó HTK còn có chức năng ghi sổ đối với chi phí sản xuất và ghi sổ về hàng lưu kho.

1.1.3 Tổ chức chứng từ kế toán

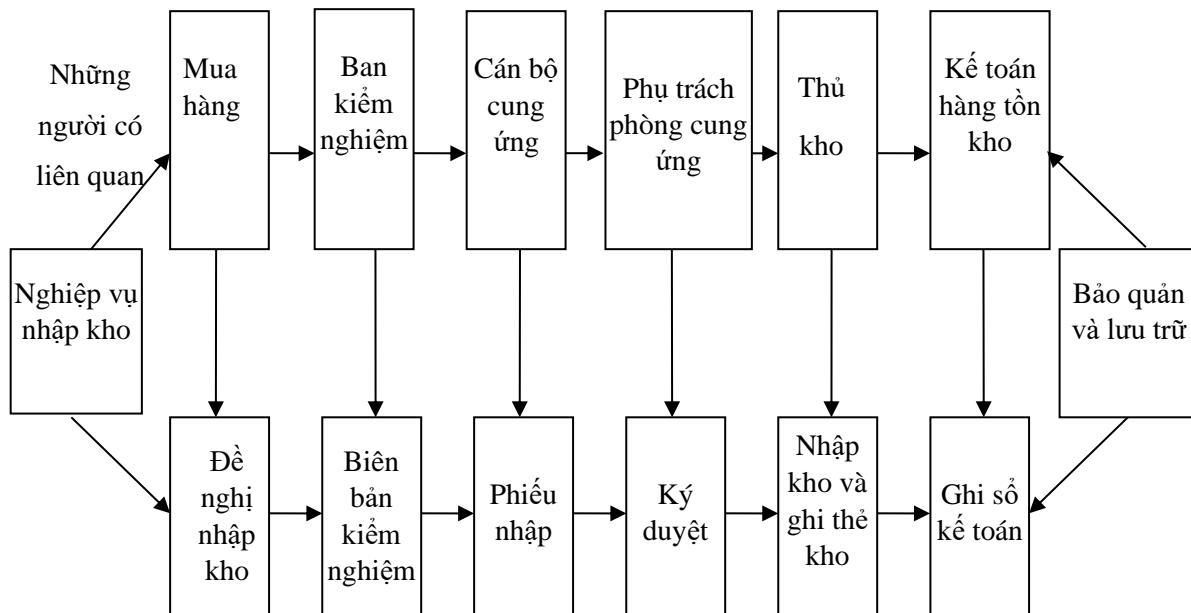
+ Về phân loại chứng từ

Các chứng từ kế toán HTK có rất nhiều loại bao gồm: Chứng từ nhập mua hàng hóa: Phiếu đề nghị mua hàng, hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) của nhà cung cấp, phiếu kiểm nhận hàng, phiếu nhập kho, biên bản kiểm nghiệm vật tư hàng hóa... Chứng từ xuất kho phục vụ cho sản xuất bao gồm: Phiếu yêu cầu lĩnh vật tư, phiếu xuất kho vật tư, thẻ kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, kế hoạch sản xuất... Chứng từ xuất bán thành phẩm, hàng hóa: hợp đồng kinh tế, cam kết mua hàng, phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, thẻ kho.

+ Về luân chuyển chứng từ

Thứ nhất: Luân chuyển phiếu nhập kho

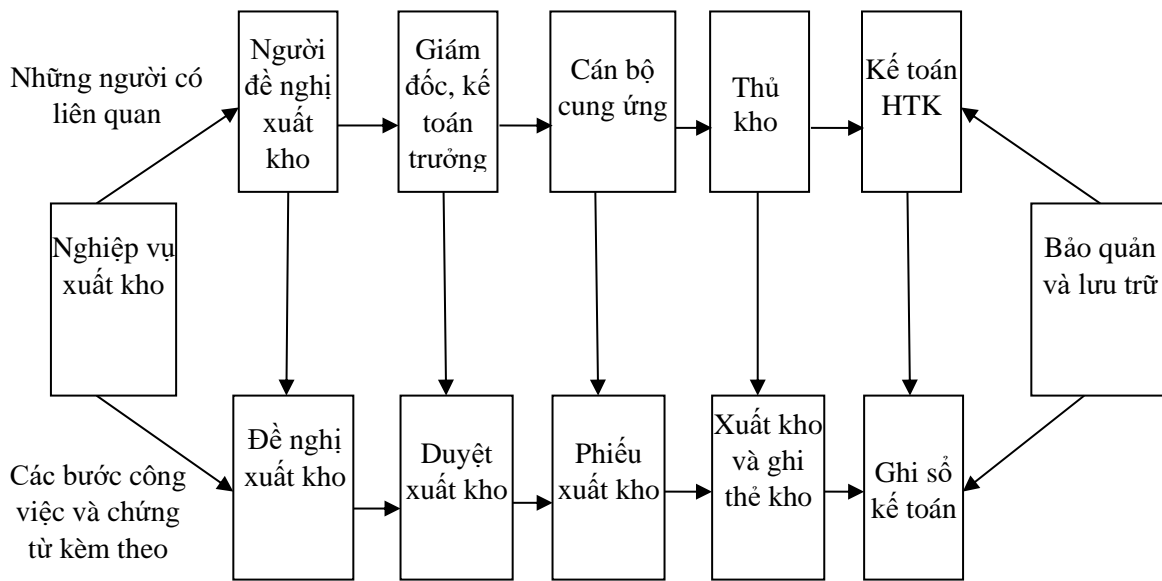
Có thể khái quát quá trình luân chuyển phiếu nhập kho như sau:



Sơ đồ 1.1: Quy trình luân chuyển phiếu nhập kho

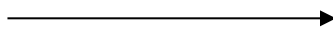
Thứ hai: Luân chuyển phiếu xuất kho

Có thể khái quát quá trình luân chuyển phiếu xuất kho qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2: Quy trình luân chuyển phiếu xuất kho

Chú thích:



Trình tự thực hiện

1.2 KHÁI QUÁT VỀ KIỂM TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG KIỂM TOÁN TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.2.1 Ý nghĩa, vai trò của kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính

Kiểm toán BCTC là hoạt động của các KTV độc lập và có năng lực tiến hành thu thập và đánh giá các bằng chứng kiểm toán về các BCTC nhằm kiểm tra và đưa ra ý kiến về mức độ trung thực hợp lý của BCTC được kiểm toán với các chuẩn mực đã được thiết lập.

Thứ nhất: đối với đơn vị được kiểm toán: Kiểm toán HTK sẽ giúp cho các doanh nghiệp phát hiện ra các gian lận và sai sót liên quan tới HTK của mình. Quan trọng hơn, việc kiểm toán này còn giúp doanh nghiệp nhận thấy được ưu, nhược điểm của công tác kế toán HTK, các thủ tục kiểm soát đối với HTK đang áp dụng, từ đó có những biện pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

Thứ hai: HTK là khoản mục có quan hệ chặt chẽ với nhiều chu trình khác như: Mua hàng – thanh toán, bán hàng – thu tiền... Do đó, đối với bản thân KTV khi thực hiện kiểm toán khoản mục này họ có liên hệ với các phần khác như: giá vốn hàng bán, doanh thu... nhằm nâng cao hiệu quả công việc. Ngoài ra, kết quả của khoản mục này có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả chung của cuộc kiểm toán. Do đó, thực hiện kiểm toán HTK một cách thận trọng sẽ giúp cho KTV tránh được những rủi ro trong kiểm toán.

1.2.2 Mục tiêu kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính

+*Mục tiêu kiểm toán chung*: Để phù hợp với mục tiêu kiểm toán của BCTC là xác nhận về mức độ tin cậy của BCTC được kiểm toán; Mục tiêu kiểm toán HTK là nhằm đánh giá hệ thống KSNB thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về HTK từ đó đưa ra lời xác nhận về mức độ tin cậy của các thông tin tài chính chủ yếu có liên quan (HTK, bao gồm cả sản phẩm làm dở - tổng hợp và chi tiết; Dự phòng giảm giá HTK;..). Bảo đảm sự trình bày, khai báo về HTK là hợp lý đồng thời cung cấp những thông tin có liên quan làm cơ sở tham chiếu khi kiểm toán các chu kỳ khác.

+*Mục tiêu kiểm toán đặc thù*: Mục tiêu kiểm toán chung được cụ thể hóa thành các mục tiêu kiểm toán đặc thù. Đối với khoản mục HTK, mục tiêu kiểm toán đặc thù được minh họa cụ thể theo bảng 1.1:

Cơ sở dẫn liệu	Mục tiêu đối với nghiệp vụ HTK	Mục tiêu đối với số dư HTK
Sự hiện hữu hoặc phát sinh	Tất cả các nghiệp vụ HTK được ghi sổ trong kỳ là phát sinh thực tế, không có nghiệp vụ ghi không đặc biệt là các nghiệp vụ liên quan đến các khoản chi phí phát sinh.	Tất cả HTK được doanh nghiệp trình bày trên BCTC là phải tồn tại thực tế tại thời điểm báo cáo. Số liệu trên BCTC phải khớp đúng với số liệu kiểm kê thực tế của doanh nghiệp.
Quyền và nghĩa vụ		Toàn bộ HTK được báo cáo phải thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, không có một bộ phận HTK mà doanh nghiệp chỉ có quyền quản lý mà không sở hữu.
Tính toán và đánh giá	Đảm bảo các nghiệp vụ HTK được xác định theo đúng các nguyên tắc và chế độ kế toán hiện hành và được tính đúng đắn, không có sai sót.	Số dư các tài khoản HTK được đánh giá theo đúng quy định của Chuẩn mực, chế độ kế toán và quy định cụ thể của doanh nghiệp. Việc tính toán xác định số dư HTK là đúng đắn không có sai sót;
Tính đầy đủ	Các nghiệp vụ HTK phát sinh trong kỳ đều được phản ánh, theo dõi đầy đủ trên các sổ kế toán.	Toàn bộ HTK cuối kỳ được trình bày đầy đủ trên các BCTC;

Tính đúng đắn	Các nghiệp vụ HTK phát sinh trong kỳ đều được phân loại đúng đắn theo quy định của các Chuẩn mực, chế độ kế toán liên quan và quy định đặc thù của doanh nghiệp; các nghiệp vụ này được hạch toán theo đúng trình tự và phương pháp kế toán.	HTK phải được phân loại đúng đắn để trình bày trên BCTC;
Tính đúng kỳ	Các nghiệp vụ nhập xuất HTK, chi phí giá thành đều được hạch toán đúng kỳ phát sinh theo nguyên tắc kế toán dồn tích đặc biệt với các khoản chi phí trả trước và chi phí phải trả...	
Cộng dồn và báo cáo		Số liệu lũy kế tính dồn trên các Sổ chi tiết HTK được xác định đúng đắn. Việc kết chuyển số liệu từ các Sổ kế toán chi tiết sang Sổ kế toán tổng hợp và Sổ Cái không có sai sót. Các chỉ tiêu liên quan đến HTK trên các BCTC được xác định đúng theo các quy định của Chuẩn mực, chế độ kế toán, không có sai sót.

Bảng số 1.1: Mục tiêu kiểm toán hàng tồn kho

1.2.3 Căn cứ kiểm toán hàng tồn kho

Để có thể tiến hành kiểm toán khoản mục HTK và có thể đưa ra nhận xét về các chỉ tiêu liên quan đến HTK, KTV phải dựa vào các thông tin và tài liệu sau:

- Các nội quy, quy chế nội bộ của đơn vị liên quan đến quản lý HTK, chi phí, giá thành.

- Các tài liệu là căn cứ pháp lý cho các nghiệp vụ HTK, chi phí, giá thành như: các hợp đồng mua bán, các kế hoạch sản xuất, các kế hoạch tiêu thụ sản phẩm...

- Các chứng từ phát sinh liên quan tới HTK như: hóa đơn mua bán, các chứng từ nhập xuất kho, lắp đặt, các chứng từ thanh toán có liên quan như: phiếu chi, giấy báo nợ, phiếu thu, giấy báo có... Các tài liệu kiểm kê thực tế, các bảng kê. Các tài liệu trích lập và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi...

- Các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết của các tài khoản liên quan như: sổ chi tiết các tài khoản HTK, thẻ và sổ kho, sổ kế toán tổng hợp của các tài liệu liên quan khác.

- Các báo cáo kế toán tổng hợp và chi tiết của các tài khoản có liên quan như: báo cáo HTK, báo cáo sản xuất, báo cáo tiêu thụ, báo cáo sản phẩm hoàn thành, báo cáo thanh toán... Các BCTC có liên quan.

1.2.4 Quá trình kiểm soát nội bộ hàng tồn kho

Các bước công việc của quá trình KSNB HTK gắn liền với các bước công việc cụ thể bước sau:

- ***Quá trình mua hàng:*** Quá trình mua hàng được áp dụng đối với bộ phận HTK mà doanh nghiệp mua ngoài sử dụng cho hoạt động sản xuất (vật liệu, CCDC), để bán (hàng hóa) hoặc phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

- ***Tổ chức kiểm nhận nhập kho hàng mua:*** Bộ phận thực hiện mua hàng sau khi vận chuyển hàng mua về, doanh nghiệp sẽ tổ chức kiểm nhận và nhập kho hàng mua và bàn giao cho bộ phận quản lý hoặc sử dụng HTK. Trong quá trình này cần phải có sự kiểm nhận hàng mua về số lượng, chủng loại, chất lượng. Công việc này thường do bộ phận kiểm tra chất lượng đảm nhiệm. Sau đó bộ phận này sẽ lập Biên bản nhận hàng (hoặc Biên bản giao nhận) và bàn giao lượng HTK này cho các bộ phận sẽ quản lý hoặc sử dụng.

- ***Tổ chức quản lý và bảo quản hàng trong kho:*** Sau khi hàng được nhập kho, chúng sẽ được quản lý và bảo quản trong kho theo các quy định phù hợp với đặc thù của từng loại HTK và từng doanh nghiệp. Quá trình quản lý, bảo quản hàng trong kho thường được thực hiện với sự phối hợp, giám sát, đối chiếu lẫn nhau giữa thủ kho, kế toán HTK, bộ phận quản lý HTK (vật tư, kế hoạch, kinh doanh...). Tổ chức quản lý bảo quản hàng trong kho được thực hiện cho cả HTK mua ngoài và do doanh nghiệp sản xuất. Định kỳ, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê HTK và đối chiếu với số liệu trên Sổ kho và Sổ kế toán chi tiết.

- ***Tổ chức xuất kho sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh:*** Quá trình xuất kho được bắt đầu từ nhu cầu của bộ phận sử dụng, nhu cầu này sẽ được thể hiện trên các

phiếu yêu cầu về HTK. Sau khi được phê chuẩn bởi các bộ phận có thẩm quyền, sẽ được lập phiếu xuất kho và thực hiện các thủ tục xuất.

- **Tổ chức nhập kho sản phẩm sản xuất hoàn thành:** Sau khi sản xuất hoàn thành sản phẩm sẽ được kiểm tra chất lượng và thực hiện các thủ tục nhập kho tương tự như HTK mua ngoài.

- **Tổ chức xuất hàng tồn kho để tiêu thụ:** Đây là một trong các quá trình của Chu kỳ bán hàng và thu tiền.

- **Tổ chức ghi nhận các nghiệp vụ hàng tồn kho:** Công việc này thường do bộ phận kế toán của đơn vị đảm nhận.

Để thực hiện tốt các bước công việc phải tiến hành đối với các nghiệp vụ HTK thì hệ thống KSNB của đơn vị khi xây dựng phải được tuân thủ theo các nguyên tắc cơ bản sau:

+ **Thực hiện nguyên tắc phân công phân nhiệm:** Đơn vị phải quy định, phân chia rõ ràng của từng bộ phận để thực hiện từng khâu công việc, ví dụ: khâu nhận hàng, khâu giữ hàng, khâu sản xuất

+ **Thực hiện nguyên tắc bất kiêm nhiệm đối với hệ thống:** Nguyên tắc này đòi hỏi phải tách biệt công tác quản lý sử dụng HTK với công tác ghi chép HTK; giữa bộ phận quản lý sử dụng HTK với chức năng quyết định và phê chuẩn các nghiệp vụ mua, bán HTK,...

+ **Thực hiện nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn:** Đơn vị phải có các quy định rõ ràng về thẩm quyền của từng cấp đối với việc phê chuẩn, quản lý và sử dụng HTK trong doanh nghiệp.

Mục tiêu kiểm soát chủ yếu, nội dung và các thể thức tự kiểm soát của đơn vị được khái quát qua:

Mục tiêu KSNB	Nội dung và thể thức thủ tục kiểm soát
- Đảm bảo nghiệp vụ HTK được <i>phê chuẩn đúng đắn</i>	Quy định, tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện các quy định về: - Nội dung và trách nhiệm phê chuẩn các nghiệp vụ - trình tự các thủ tục phê chuẩn - Quá trình kiểm soát độc lập đối với sự phê chuẩn.

<p>- Đảm bảo cho các nghiệp vụ HTK có căn cứ hợp lý và HTK tồn tại thực tế tại đơn vị.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình kiểm soát để đảm bảo các nghiệp vụ về HTK được người có đầy đủ thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với hoạt động của đơn vị; - Có đầy đủ chứng từ và tài liệu liên quan đến nghiệp vụ, như: các đề nghị về nghiệp vụ, hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận, hóa đơn mua bán, các chứng từ liên quan đến vận chuyển, các phiếu nhập/xuất kho... - Các chứng từ đều phải hợp pháp, hợp lệ, đã được xử lý để đảm bảo không bị tẩy xóa, sửa chữa và đã được KSNB; - Các chứng từ và tài liệu liên quan phải được đánh số và quản lý theo số trên các sổ chi tiết; - Có các quy định, quy trình kiểm kê đầy đủ, phù hợp và thực hiện đúng các quy trình này, đảm bảo cho HTK được kiểm kê ít nhất 1 lần trong một niên độ kế toán (đặc biệt là tại thời điểm khóa sổ lập các báo cáo).
<p>- Đảm bảo sự đánh giá đúng đắn, hợp lý của nghiệp vụ HTK</p>	<ul style="list-style-type: none"> - KSNB các chính sách đánh giá, phân bổ của đơn vị đối với HTK, chi phí, giá thành; - KSNB đối với quá trình kiểm kê sản phẩm làm dở, vật liệu không sử dụng hết ở bộ phận sản xuất cuối kỳ. - Kiểm tra, so sánh số liệu trên hóa đơn mua bán với số liệu trên hợp đồng và các chứng từ nhập/xuất; số liệu trên các biên bản giao nhận với số liệu trên các chứng từ nhập kho và số liệu của bộ phận quản lý sản xuất... - Kiểm tra việc sử dụng tỷ giá ngoại tệ để quy đổi với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ; - KSNB của đơn vị đối với việc phát hiện HTK chậm luân chuyển, lỗi thời, bị tăng giá; việc xác định nhu cầu dự phòng và trích lập dự phòng tăng giá HTK; - KSNB quá trình tính toán, đánh giá các nghiệp vụ và số dư HTK, phân bổ chi phí và giá thành sản phẩm.
<p>- Đảm bảo cho việc phân loại và hạch toán đúng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có chính sách phân loại HTK, chi phí phù hợp với các quy định có liên quan và đặc điểm quản lý, sử dụng của đơn vị;

<p><i>đẫn các nghiệp vụ HTK</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ HTK, cho phí, kết chuyển giá thành sản phẩm và giá vốn của sản phẩm tiêu thụ... - Có đầy đủ các quy định về trình tự ghi sổ các nghiệp vụ có liên quan đến HTK từ các sổ kế toán chi tiết đến các sổ kế toán tổng hợp. - Có chính sách kiểm tra nội bộ đối với các nội dung trên.
<p>- Đảm bảo cho việc <i>hạch toán đầy đủ, đúng kỳ</i> các nghiệp vụ HTK</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi tài liệu, chứng từ liên quan tới HTK đều phải được đánh số, và quản lý theo dõi chặt chẽ; - Việc ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh phải được thực hiện kịp thời ngay sau khi các nghiệp vụ xảy ra và hoàn thành; (các thủ tục này thường được kết hợp với các thủ tục KSNB của chu kỳ Bán hàng thu tiền và chu kỳ Mua vào thanh toán); - Quá trình kiểm tra độc lập với các nội dung trên.
<p>- Đảm bảo sự <i>cộng dồn (tính toán tổng hợp) đúng đắn</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số liệu phải được tính toán tổng hợp đầy đủ, chính xác; - Có quá trình kiểm tra nội bộ các kết quả tính toán; - So sánh số liệu tổng hợp từ các sổ chi tiết với sổ tổng hợp. - kiểm tra sự trình bày thông tin về HTK lên BCTC có phù hợp với quy định không.

Bảng 1.2: Các thủ tục kiểm soát nội bộ cơ bản đối với hàng tồn kho

1.2.5 Khảo sát kiểm soát nội bộ hàng tồn kho

** Mục đích khảo sát:*

KTV cần nghiên cứu đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ HTK được thực hiện thông qua các khảo sát kiểm soát.

-Tính hiện hữu: tức là đơn vị phải có các quy chế KSNB áp dụng đối với HTK;

-Tính hiệu lực: tức là quy chế kiểm soát nội bộ đối với HTK của đơn vị xây dựng phải có hiệu lực;

-Tính hiệu quả: tức là quy chế KSNB đối với chi phí HTK của đơn vị phải có hiệu lực liên tục.

**Nội dung khảo sát:*

- Thứ nhất, khảo sát việc thiết kế, xây dựng về quy chế KSNB có khoa học, chặt chẽ, đầy đủ và phù hợp về kiểm soát HTK hay không? Bao gồm: Đơn vị có ban hành các chính sách, chế độ, quy định cụ thể để quản lý, theo dõi HTK không? Người phê duyệt đơn đề nghị xuất vật tư, phiếu xuất nhập kho có đúng thẩm quyền, trách nhiệm không? ,...

- Thứ hai, khảo sát sự vận hành (thực hiện) các quy chế KSNB đã xây dựng ở trên xem có được thực hiện nghiêm chỉnh, có hiệu lực hay không thông qua sự phân công, hướng dẫn thực hiện công việc, kiểm tra thực hiện các công việc trong quá trình mua hàng, xuất nhập kho hàng,...

- Thứ ba, khảo sát về tình hình thực hiện các nguyên tắc tổ chức hoạt động KSNB xem chúng có được thực hiện liên tục không.

**Phương pháp khảo sát:*

Để thu thập các thông tin về KSNB, KTV áp dụng phương pháp kiểm toán tuân thủ thông qua vận dụng các thủ tục kiểm toán chủ yếu sau:

- Kiểm tra: KTV thu thập, tìm hiểu và kiểm tra các chính sách và quy định của đơn vị về việc xây dựng và duy trì sự hoạt động của hệ thống (quy định về chức năng nhiệm vụ của cá nhân hay bộ phận thực hiện từng công việc kiểm nhận HTK, bảo quản HTK, phê duyệt xuất kho vật tư,...);

- Quan sát: KTV tiến hành quan sát quá trình vận hành của hệ thống (quan sát công việc kiểm nhận nhập kho hay bàn giao cho sản xuất, kiểm tra chất lượng sản phẩm, ...);

- Phỏng vấn: KTV thực hiện kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp hoặc gửi bảng câu hỏi đối với những người có liên quan xem đơn vị có thực hiện đúng như quy định không (cán bộ cung ứng, tiếp liệu, thủ kho, ...);

- Yêu cầu các bộ phận có liên quan tiến hành làm lại để KTV kiểm tra

- Kiểm tra các tài liệu và dấu hiệu chứng minh cho các thủ tục KSNB đã được thực hiện (dấu hiệu phê chuẩn trên giấy đề nghị xuất vật tư, dấu hiệu kiểm tra trên phiếu nhập kho, phiếu xuất kho,...).

1.3. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC HÀNG TỒN KHO TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.3.1 Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán

Chuẩn bị kiểm toán được thực hiện khi kiểm toán toàn bộ BCTC nhưng công việc này có liên quan đến nhiều chu trình và khoản mục trong đó có khoản mục HTK.

Lập kế hoạch kiểm toán tổng quát

Thứ nhất: Thu thập thông tin cơ sở về khách hàng liên quan đến hàng tồn kho

Công việc này là một quá trình được tiến hành thường xuyên tại tất cả các giai đoạn của quá trình kiểm toán. Để thu thập các thông tin trên, KTV cần thực hiện:

Một là, xem xét lại hồ sơ kiểm toán năm trước và hồ sơ kiểm toán chung hoặc trao đổi với KTV tiền nhiệm về các vấn đề liên quan đến HTK của KH.

Hai là, trao đổi trực tiếp với BGD và nhân viên công ty KH về các vấn đề HTK của công ty họ.

Ba là, tham quan nhà xưởng, kho bãi. Phương pháp này rất hữu dụng nhất là trong kiểm toán HTK cho phép KTV có được bức tranh khái quát về cách tổ chức sản xuất, quản lý HTK của công ty KH.

Thứ hai: Thực hiện các thủ tục phân tích đối với khoản mục hàng tồn kho

Các thủ tục phân tích ở đây chủ yếu được thực hiện cho các số liệu trên bảng CĐKT và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đối với khoản mục HTK KTV thường: so sánh số liệu về mức độ biến động số dư HTK cuối niên độ này so với HTK cuối niên độ trước tính theo số tuyệt đối hoặc số tương đối; so sánh số liệu thực tế của KH và số liệu kế hoạch đặt ra như: mức chi phí phát sinh trong kỳ với chi phí kế hoạch, chi phí định mức...; so sánh giá bán bình quân sản phẩm công ty với giá bán bình quân của ngành; so sánh dự trữ HTK bình quân của các công ty cùng ngành có cùng điều kiện kinh doanh cũng như quy mô hay công nghệ sản xuất.

Qua việc thực hiện các thủ tục phân tích trong giai đoạn lập kế hoạch KTV sẽ phát hiện ra các biến động bất thường cho khoản mục này. Trên cơ sở đó xác định những khoản mục cụ thể cần phải tiến hành các thủ tục kiểm toán khác nhằm phát hiện những sai sót.

Thứ ba: Đánh giá trọng yếu và rủi ro tiềm tàng đối với hàng tồn kho

➤ Đánh giá trọng yếu

Khái niệm trọng yếu ở đây được hiểu là tầm cỡ (hay quy mô) và bản chất các sai phạm (kể cả bỏ sót) của cá thông tin tài chính hoặc là đơn lẻ hoặc là từng nhóm mà trong bối cảnh cụ thể nếu dựa vào các thông tin này để xét đoán thì không thể chính xác hoặc là sẽ rút ra những kết luận sai lầm.

Về mặt định lượng: trọng yếu thường được đánh giá trong một giới hạn nằm giữa mức tối thiểu và mức tối đa. Khi đó mức trọng yếu của một sai phạm được đánh giá như sau:

Sai phạm < giới hạn tối thiểu	Giới hạn tối thiểu < sai phạm < giới hạn tối đa	Sai phạm > giới hạn tối đa
Không trọng yếu	Trọng yếu	Rất trọng yếu

Bảng số 1.3: Cơ sở đánh giá mức trọng yếu

Về mặt định tính, những sai phạm luôn được coi là trọng yếu gồm: mọi hành vi gian lận, các sai sót có quy mô nhỏ nhưng mang tính hệ thống, các sai phạm làm ảnh hưởng đến thu nhập.

Sau khi đã ước lượng ban đầu về tính trọng yếu cho toàn bộ BCTC, KTV sẽ tiếp tục phân bổ mức trọng yếu cho các khoản mục trên BCTC để hình thành nên mức độ trọng yếu cho từng khoản mục này. Việc phân bổ này chủ yếu dựa trên bản chất của các khoản mục, rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát được đánh giá sơ bộ đối với các khoản mục. HTK với đặc điểm đa dạng về mặt chủng loại nên các ước lượng ban đầu còn được KTV phân bổ chi tiết cho từng loại HTK.

➤ **Đánh giá rủi ro tiềm tàng**

Rủi ro tiềm tàng là rủi ro tiềm ẩn, vốn có do khả năng từng nghiệp vụ, từng khoản mục trong BCTC chứa đựng sai sót trọng yếu khi tính riêng rẽ hoặc tính gộp, mặc dù có hay không hệ thống KSNB.

Riêng đối với khoản mục HTK, KTV cần quan tâm tới những nhân tố chủ yếu sau:

Trên phương diện báo cáo tài chính: Sự liêm khiết, kinh nghiệm và hiểu biết của BGD cũng như thay đổi thành phần ban quản lý xảy ra trong niên độ kế toán (nếu có); Trình độ và kinh nghiệm chuyên môn của kế toán trưởng, nhân viên kế toán; Những áp lực bất thường với BGD, kế toán trưởng; Đặc điểm hoạt động của đơn vị như cơ cấu vốn, quy trình công nghệ...; Các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động của đơn vị như biến động về kinh tế, sự thay đổi thị trường, sự cạnh tranh...

Ngoài ra khi lập kế hoạch kiểm toán HTK, KTV cần phải chú ý rằng rủi ro tiềm tàng thường xảy ra đối với cơ sở dẫn liệu về sự hiện hữu hoặc phát sinh, đo lường và tính giá trị. Do ban quản lý doanh nghiệp thường có xu hướng trình bày giá trị HTK cao hơn so với thực tế bằng cách ghi tăng số lượng hoặc đơn giá, việc này dễ thực hiện hơn so với các tài sản khác (tiền, phải thu KH) vì thiếu bằng chứng độc lập từ bên thứ ba.

Trên phương diện số dư tài khoản và loại nghiệp vụ: BCTC có thể chứa đựng những sai sót như có những điều chỉnh liên quan đến niên độ trước, trong năm tài chính có những thay đổi những chính sách kế toán; mức độ dễ mất mát, biến thủ tài sản do HTK được bảo quản ở nhiều nơi khác nhau; cơ hội xảy ra các sai phạm cao do số lượng, các nghiệp vụ mua, sản xuất, tiêu thụ thường xảy ra nhiều; sự phức tạp trong việc đo lường và tính toán.

Thứ tư: Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với hàng tồn kho

Quá trình đánh giá hệ thống KSNB của KH gồm hai bước: Thu thập hiểu biết về hệ thống KSNB; Mô tả hệ thống KSNB và áp dụng cho khoản mục.

Bước 1: Thu thập hiểu biết về hệ thống KSNB đối với HTK

KTV cần quan tâm liên quan đến các khía cạnh sau:

Một là, môi trường kiểm soát HTK

KTV cần xem xét các thủ tục, quy định BGD đặt ra đối với chức năng mua hàng, nhận hàng, lưu trữ hàng, xuất hàng, cũng như việc kiểm soát đối với sản xuất, tiến hành tìm hiểu thông qua các câu hỏi để xem trong việc ban hành quyết định, triển khai, giám sát và kiểm tra việc thực hiện liên quan đến HTK có được hệ thống xuyên suốt từ trên xuống dưới. Ngoài ra, KTV cũng phải xem xét việc quy định về quyền hạn và trách nhiệm của từng vị trí quản lý HTK, đặc biệt là việc phân chia rõ ràng ba chức năng: xử lý các nghiệp vụ, ghi sổ và bảo quản HTK. Khi đánh giá môi trường kiểm soát liên quan đến khoản mục HTK thì việc xem xét tính trung thực, trình độ và tư cách bảo vệ HTK cũng phải được thực hiện để đảm bảo hệ thống kiểm soát HTK hoạt động có hiệu quả.

Hai là, hệ thống kế toán hàng tồn kho

Vấn đề KTV cần quan tâm ở đây là chính sách kế toán của KH đã áp dụng từ đó xác định liệu quá trình lập và luân chuyển chứng từ có tuân theo chính sách đó không. Hệ thống kế toán HTK của KH được đánh giá là hữu hiệu tức là phải tổ chức việc ghi chép và sử dụng các phương pháp sao cho: Xác định và ghi sổ tất cả các nghiệp vụ về HTK là có thực; phản ánh các nghiệp vụ HTK một cách kịp thời và đủ chi tiết để phục vụ cho việc lập báo cáo; định giá các nghiệp vụ sao cho chúng phản ánh chính xác giá trị HTK trên BCTC; xác định thời điểm phát sinh của các nghiệp vụ để cho phép việc hạch toán HTK đúng kỳ; trình bày các nghiệp vụ HTK và các khoản khai báo liên quan một cách chính xác trong BCTC.

Ba là, thủ tục kiểm soát hàng tồn kho

KTV kiểm tra và đánh giá mức độ phù hợp, đầy đủ của các quy chế kiểm soát đặt ra cho khoản mục HTK. KTV phải khẳng định được số liệu các quy chế đó có được xây dựng trên các nguyên tắc cơ bản của thủ tục kiểm soát (nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc

phân công phân nhiệm, nguyên tắc ủy quyền phê chuẩn).KTV cũng cần xem xét các mục tiêu về bảo vệ tài sản và đối chiếu với số liệu có được đảm bảo; HTK cuối năm phải được kiểm kê và đối chiếu số liệu kiểm kê thực tế với số liệu sổ sách, với HTK được lưu giữ bởi bên thứ ba.

Bốn là, kiểm toán nội bộ

KTV xem xét đơn vị KH có tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ không. Nếu có, bộ phận này có nhiệm vụ gì, xem xét kiểm toán nội bộ có tiến hành các cuộc kiểm toán nội bộ thường xuyên hoặc bất thường đối với HTK của công ty hay không. Để có thể thu thập được thông tin, KTV tiến hành quan sát thực tế, phỏng vấn nhân viên và BGD doanh nghiệp, soát xét sơ bộ hệ thống sổ sách kế toán.

Bước 2: Mô tả hệ thống KSNB và áp dụng cho khoản mục

Để mô tả hệ thống KSNB đối với HTK, KTV sử dụng một trong ba phương pháp hoặc kết hợp cả ba phương pháp sau tùy đặc điểm của KH kiểm toán và quy mô kiểm toán: bảng câu hỏi về hệ thống KSNB, bảng tường thuật, lưu đồ.

Dựa vào cá thông tin thu thập được trong giai đoạn lập kế hoạch, bước tiếp theo KTV sẽ thiết kế và soạn thảo chương trình kiểm toán.

Thiết kế chương trình kiểm toán

Thiết kế chương trình kiểm toán thực chất là thiết kế các trắc nghiệm kiểm toán. Trong kiểm toán HTK cũng vậy, KTV phải thiết kế cụ thể các trắc nghiệm kiểm toán bao gồm: trắc nghiệm công việc, trắc nghiệm phân tích và trắc nghiệm trực tiếp số dư. KTV cần phải thiết kế các trắc nghiệm trực tiếp số dư sao cho đánh giá được tính trọng yếu và rủi ro đối với khoản mục HTK.

1.3.2 Giai đoạn thực hiện kiểm toán

Thực hiện kế hoạch kiểm toán là quá trình sử dụng các phương pháp kỹ thuật kiểm toán thích ứng với đối tượng kiểm toán cụ thể để thu thập bằng chứng kiểm toán, đó là quá trình triển khai một cách chủ động và tích cực các kế hoạch, chương trình kiểm toán nhằm đưa ra những ý kiến xác thực về mức độ trung thực và hợp lý của BCTC. Kết quả đánh giá của hệ thống KSNB ở các cấp độ khác nhau sẽ quyết định các thủ tục kiểm toán được sử dụng.

Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát

Thử nghiệm kiểm soát chỉ được thực hiện khi mà hệ thống KSNB được đánh giá là hoạt động có hiệu lực. Các thử nghiệm kiểm soát được thực hiện hướng vào tính hiệu lực của hệ thống KSNB nhằm giúp KTV khẳng định lại mức rủi ro kiểm soát ban đầu mà họ

đã đưa ra đối với các cơ sở dẫn liệu về HTK. Do đó, đối với khoản mục HTK các thử nghiệm kiểm soát được thực hiện một cách chi tiết đối với từng chức năng.

Thử nghiệm kiểm soát đối với quá trình mua hàng

KTV kiểm tra dấu hiệu của KSNB đối với quá trình này bằng cách:

+) Quan sát quá trình lập phiếu yêu cầu mua, kiểm tra chữ ký trên các phiếu yêu cầu mua và đơn đặt hàng.

+) Thực hiện phỏng vấn các nhân viên KH để nhận định tính độc lập của các bộ phận như người mua hàng với người nhận hàng, thủ kho...

Thử nghiệm kiểm toán đối với quá trình nhập – xuất kho

KTV thực hiện việc quan sát cũng như tiếp cận trực tiếp với nhân viên làm công tác kiểm nhận, nhập kho và kiểm tra chất lượng để xem xét, đánh giá các khía cạnh chủ yếu sau:

+) Thủ tục duyệt nhập - xuất kho.
+) Tính có thật của các nghiệp vụ nhập – xuất kho.
+) Tính độc lập của người thủ kho với người giao nhận hàng và các nhân viên kế toán có liên quan.

+) Dấu hiệu kiểm tra đối chiếu nội bộ về hàng nhập – xuất kho.

Thử nghiệm kiểm soát đối với quá trình sản xuất

Đối với quá trình này, KTV phải thiết kế các trắc nghiệm kiểm soát với số lượng nhiều hơn. Các thử nghiệm này phải nhằm mục đích đánh giá:

+) Việc tổ chức quản lý ở các phân xưởng, tổ đội của quản đốc phân xưởng hoặc tổ trưởng.

+) Việc ghi nhật ký sản xuất và lập các báo cáo.

+) Quy trình làm việc của bộ phận kiểm tra chất lượng và tính độc lập của bộ phận này.

+) Quá trình kiểm soát công tác kế toán chi phí thông qua dấu hiệu kiểm tra, kiểm soát hệ thống sổ sách kế toán chi phí cũng như quá trình luân chuyển chứng từ kế toán liên quan đến HTK.

+) Việc tuân thủ các hệ thống định mức đã đề ra, các chính sách thiết lập, các chuẩn mực kỹ thuật.

+) Công tác bảo quản vật liệu và sản phẩm dở dang ở các bộ phận sản xuất.

+) Quy trình, thủ tục kiểm kê sản phẩm và đánh giá sản phẩm dở dang.

Thử nghiệm kiểm soát đối với quá trình lưu kho vật tư hàng hóa

Các thủ tục KTV thường thực hiện là:

+) Khảo sát quá trình bảo vệ hàng hóa trong kho như hệ thống kho tàng, bến bãi... có đảm bảo an toàn cho hàng hóa trong kho không?

+) Đánh giá công tác quản lý và kiểm tra chất lượng hàng hóa trong kho của thủ kho.

+) Xem trình độ, tư chất cũng như sự ràng buộc của người bảo vệ HTK và người ghi chép sổ sách về HTK.

Thực hiện các thử nghiệm cơ bản

Các thử nghiệm cơ bản được thực hiện trong kiểm toán HTK bao gồm: Thủ tục phân tích và thủ tục kiểm tra chi tiết.

Thủ tục phân tích

Đối với kiểm toán HTK, các thủ tục phân tích được KTV sử dụng rất nhiều. Các sai phạm trọng yếu về HTK có thể dễ dàng phát hiện thông qua việc thiết kế các thủ tục phân tích để kiểm tra tính hợp lý chung của các con số.

Trước khi tiến hành các thủ tục phân tích, điều cần thiết là nên rà soát lại một cách sơ lược về ngành nghề kinh doanh của KH để nắm bắt được tình hình thực tế cũng như xu hướng của KH để phân tích. Việc rà soát lại mối quan hệ giữa số dư HTK với số hàng mua trong kỳ, với lượng sản xuất ra và số hàng tiêu thụ trong kỳ cũng giúp cho việc đánh giá chính xác hơn về sự thay đổi đối với HTK.

Một số tỷ suất quan trọng mà KTV thường hay sử dụng để kiểm toán HTK bao gồm:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ lãi gộp} &= \frac{\text{Tổng lãi gộp}}{\text{Tổng doanh thu}} \\ \text{Tỷ lệ quay vòng hàng tồn kho} &= \frac{\text{Trị giá vốn hàng tồn kho}}{\text{Số dư bình quân hàng tồn kho}} \\ \text{Số dư bình quân hàng tồn kho} &= \frac{\text{Số dư HTK đầu kỳ} + \text{Số dư HTK cuối kỳ}}{2} \end{aligned}$$

Hai tỷ suất này có thể cho phép KTV đánh giá hợp lý của giá vốn hàng bán. Nếu tỷ lệ lãi gộp quá thấp hoặc tỷ lệ quay vòng HTK quá cao so với dự kiến thì có thể do đơn vị KH đã khai tăng giá vốn hàng bán và khai tăng HTK.

Bên cạnh phân tích tỷ suất, có thể sử dụng thủ tục phân tích xu hướng hay còn gọi là phân tích ngang bằng việc so sánh giá vốn hàng bán giữa các tháng, các kỳ với nhau để phát hiện ra sự thay đổi đột ngột của một kỳ nào đó. Hoặc có thể phân tích theo các khoản mục cấu tạo giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất như khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Qua đó, có thể cho phép KTV phát hiện ra các dấu hiệu không bình thường của mỗi yếu tố trong quan hệ chung.

Ngoài ra, những thông tin phi tài chính cũng phần nào giúp kiểm tra độ hợp lý của HTK

Thu thập danh mục HTK và đối chiếu với sổ sách kế toán

KTV cần thu thập danh mục HTK và đối chiếu chúng với hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết HTK nhằm khẳng định sự khớp nhau giữa các thẻ kho với sổ sách kế toán cũng như với BCTC.

Quan sát kiểm kê vật chất hàng tồn kho

Quan sát vật chất HTK là công việc đòi hỏi KTV phải có mặt vào thời điểm kiểm kê HTK tại doanh nghiệp. Bằng các biện pháp quan sát, khảo sát, thẩm vấn thích hợp để xác định sự tồn tại vật chất, quyền sở hữu HTK và những thông tin liên quan đến chất lượng HTK.

Đặc biệt, đây là thủ tục kiểm toán rất quan trọng đối với cuộc kiểm toán năm đầu tiên của công ty kiểm toán. Phần quan trọng nhất của quá trình quan sát HTK là việc xác định liệu cuộc kiểm kê vật chất đang tiến hành có phù hợp với hướng dẫn do đơn vị KH đề ra. Để làm được điều này một cách có hiệu quả, điều cần thiết là KTV phải có mặt trong khi kiểm kê đang tiến hành. Khi KTV nhận thấy các nhân viên của KH không tuân thủ theo những hướng dẫn về HTK, cần phải kết hợp với giám sát viên để sửa sai vấn đề hoặc sửa đổi các thủ tục quan sát vật chất. Nếu KTV không tham gia trực tiếp cuộc kiểm kê thì có thể tiến hành các thủ tục bổ sung như: trao đổi với KTV tiền nhiệm về kết quả kiểm toán năm trước, phỏng vấn nhân viên tham gia kiểm kê hoặc lấy xác nhận.

Các kỹ thuật kiểm toán phổ biến áp dụng trong quá trình quan sát vật chất HTK có thể khái quát theo bảng số 1.4:

Mục tiêu kiểm toán	Kỹ thuật kiểm toán áp dụng	Phương pháp
Hiện hữu	Chọn mẫu ngẫu nhiên một số thẻ kho và đối chiếu HTK thực tế với HTK ghi trên thẻ kho	- Đối chiếu. - Quan sát.
Đầy đủ	- Kiểm tra HTK để đảm bảo là chúng đã được ghi vào thẻ kho. - Quan sát xem liệu HTK có được di chuyển trong quá trình kiểm kê hay không. - Điều tra HTK ở các địa điểm khác nhau.	- Đối chiếu trực tiếp về số lượng HTK. - Quan sát.
Quyền và nghĩa vụ	- Điều tra về hàng ký gửi, hàng nhận giữ hộ, hàng đại lý, cầm cố. - Quan sát các HTK được thông báo là không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp đảm bảo các hàng đó không được kiểm kê.	- Điều tra (phỏng vấn nhân viên, gửi thư xác nhận với bên thứ ba). - Quan sát.
Phân loại	Kiểm tra mẫu mã HTK trên các thẻ kho, so sánh với HTK thực tế của nguyên liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm.	- Kiểm tra. - Đối chiếu.
Tính đúng kỳ	- Kiểm tra một chuỗi các HTK được ghi tăng trong sổ kho trước và sau ngày lập bảng CĐKT. - Kiểm tra các hàng được để riêng để giao. - Kiểm tra sự liên tục số thứ tự các thẻ kho đã được sử dụng và chưa được sử dụng.	- Đối chiếu trực tiếp. - Quan sát nơi giữ hàng gửi bán. - Phỏng vấn về hàng gửi bán.
Trình bày và công khai	Xem xét thành phần tham dự, kiểm kê và công bố kết quả kiểm kê HTK.	Quan sát
HTK đã lỗi thời, quá hạn sử dụng	- Xem xét ghi chú trên biên bản kiểm kê.	Điều tra (phỏng vấn).

đã được kiểm kê và ghi chú.	- Phòng vận về HTK đã lỗi thời, kém phẩm chất...	
-----------------------------	--	--

Bảng 1.4: Kỹ thuật quan sát vật chất hàng tồn kho

Kiểm tra công tác kế toán chi phí hàng tồn kho

Quá trình kiểm tra công tác kế toán chi phí là những quá trình kiểm soát có liên quan tới vật chất HTK và các chi phí bỏ ra từ thời điểm mà nguyên liệu tại đó được đề nghị tới thời điểm sản phẩm được hoàn thành và chuyển vào kho.

Mục đích: đưa ra nhận định về hệ thống kế toán chi phí HTK có được thiết kế để đảm bảo việc định giá và ghi sổ HTK được tiến hành đúng đắn, đánh giá độ tin cậy của tài liệu do kế toán chi phí cung cấp.

Nội dung của kiểm tra kế toán chi phí HTK phụ thuộc vào nội dung của kế toán chi phí HTK mà thực chất là phụ thuộc vào dòng vận động của HTK trong đơn vị. Công việc này bao gồm: kiểm tra sổ kế toán thường xuyên và kiểm tra sổ kế toán chi phí đơn vị để xác định số liệu về chi phí HTK trong kỳ, cuối kỳ đã được hạch toán và ghi sổ trên cơ sở đúng đắn. Việc ghi sổ kế toán chi phí HTK được thực hiện trên hai phương diện: vật chất- trên sổ kế toán thường xuyên và giá trị- sổ kế toán chi phí đơn vị, theo đó các công việc cần thực hiện gồm:

+) Kiểm tra sự tồn tại hay không của sổ sách HTK thường xuyên và sổ chi phí đơn vị HTK.

+) Kiểm tra tính độc lập của người ghi sổ và người quản lý HTK.

+) Kiểm tra xem các loại sổ kế toán có được thiết kế phù hợp với dòng vận động HTK, tạo điều kiện cho việc đối chiếu, kết chuyển số liệu ở các phần hành kế toán liên quan hay không?

+) Kiểm tra sự xuất hiện của các hoạt động KSNB với chứng từ HTK theo dòng vận động của HTK từ đầu vào đến đầu ra.

+) Kiểm tra sự xuất hiện các quy định về đối tượng tập hợp chi phí, đối tượng tính giá thành sản phẩm, phương pháp định giá HTK.

+) Kiểm tra tính hợp lý của chi phí sản xuất cũng như việc phân bổ chi phí đó. Đối chiếu số liệu giữa tài khoản 154 và số liệu trên tài khoản 621,622,627 để xem xét sự đúng đắn trong việc tập hợp chi phí và tiến hành đối chiếu giá trị trên tài khoản 154 với giá trị trên tài khoản 155, đối chiếu tài khoản thành phẩm với giá vốn hàng bán để phát hiện ra những làm nhầm, sai phạm trong việc tập hợp chi phí cũng như những ảnh hưởng đến các

khoản mục trên bảng CĐKT, báo cáo KQKD.

Kiểm tra quá trình định giá hàng tồn kho

Khi thực hiện các khảo sát quá trình định giá, có ba vấn đề về phương pháp định giá của KH có tính đặc biệt quan trọng mà KTV cần phải tập trung làm rõ: phương pháp định giá nào được KH sử dụng, phương pháp này có được KH sử dụng thống nhất giữa năm nay với năm trước không, phương pháp này có phù hợp với thực tế và hợp lý không?

-Thứ nhất: định giá hàng tồn kho mua vào

Các loại HTK được xếp vào loại này là nguyên vật liệu, chi tiết rời mua ngoài và vật tư. Để xác minh số lượng và đơn giá của các mặt HTK mà KTV lựa chọn, KTV có thể yêu cầu KH cung cấp các hóa đơn của nhà cung cấp, thực hiện tính toán lại giá trị HTK, kết quả tính toán của KTV sẽ được so sánh với số liệu của doanh nghiệp. Nếu khớp đúng có nghĩa là doanh nghiệp đã thực hiện đúng quy định của tính giá HTK, nếu có chênh lệch phát sinh, kiểm toán sẽ phải tìm ra những sai lệch này để kết luận doanh nghiệp đã thực hiện việc tính giá chưa đúng

-Thứ hai: định giá hàng tồn kho được sản xuất ra

Khi định giá nguyên vật liệu trong các sản phẩm được sản xuất ra, cần phải xem xét cả chi phí đơn vị và số lượng đơn vị cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm. Đối với chi phí sản xuất chung trong sản phẩm dở dang và thành phẩm, KTV kiểm tra xem phương pháp phân bổ chi phí sản xuất chung của doanh nghiệp có theo quy định, đáng tin cậy và thống nhất.

Đối với công tác đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ, các bước công việc KTV cần phải tiến hành:

- +) Xem xét chi tiết kết quả kiểm kê vật chất sản phẩm dở dang cuối kỳ.
- +) Xem xét quá trình đánh giá sản phẩm dở dang để tìm hiểu phương pháp đơn vị KH sử dụng để đánh giá sản phẩm dở dang là phương pháp nào.
- +) Đối chiếu, so sánh tỷ lệ sản phẩm dở dang cuối kỳ này với các kỳ trước để tìm ra những thay đổi bất thường.

1.3.3 Giai đoạn kết thúc kiểm toán

Thứ nhất: đánh giá các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ liên quan tới hàng tồn kho.

Đánh giá sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ liên quan tới HTK là thủ tục cần thiết trước khi KTV đưa ra ý kiến nhận xét về kiểm toán HTK. Việc đánh giá những sự kiện này nhằm mục đích khẳng định lại sự tin cậy của các bằng chứng kiểm toán về HTK đã thu thập được.

Thứ hai: đánh giá tính hoạt động liên tục

Sau khi thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung, nếu KTV cho rằng tính hoạt động liên tục là có cơ sở KTV có thể đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với HTK.

Thứ ba: tổng hợp các kết quả kiểm toán hàng tồn kho

Sau khi kết thúc giai đoạn thực hiện kế hoạch kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán sẽ tổng hợp kết quả liên quan tới HTK và tiến hành thảo luận với BGD của KH để thống nhất bút toán điều chỉnh. Nếu KH đồng ý với những điều chỉnh của KTV thì các bút toán này sẽ được tổng hợp trên giấy tờ làm việc và tính số dư các khoản mục HTK trên BCTC. Ngược lại, nếu KH không đồng ý với các bút toán điều chỉnh đó và KTV cho rằng các sai lệch đó ảnh hưởng trọng yếu tới BCTC thì công ty kiểm toán sẽ đưa ra ý kiến từ chối đưa ra ý kiến về khoản mục HTK.

Thứ tư: Các vấn đề cần tiếp tục theo dõi sau kiểm toán

- Việc thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán theo ý kiến của KTV có được phản ánh đầy đủ, kịp thời vào các sổ kế toán có liên quan hay không
- Giải pháp của đơn vị đối với những vấn đề tồn tại mà KTV phát hiện
- Các sai sót đã được phát hiện trong cuộc kiểm toán sơ bộ có được xử lý không và mức độ ảnh hưởng đến BCTC cuối niên độ (nếu có).

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC HÀNG TỒN KHO DO CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS THỰC HIỆN

2.1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

2.1.1 Giới thiệu chung

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars được thành lập và hoạt động từ ngày 22 tháng 07 năm 2007 theo Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.

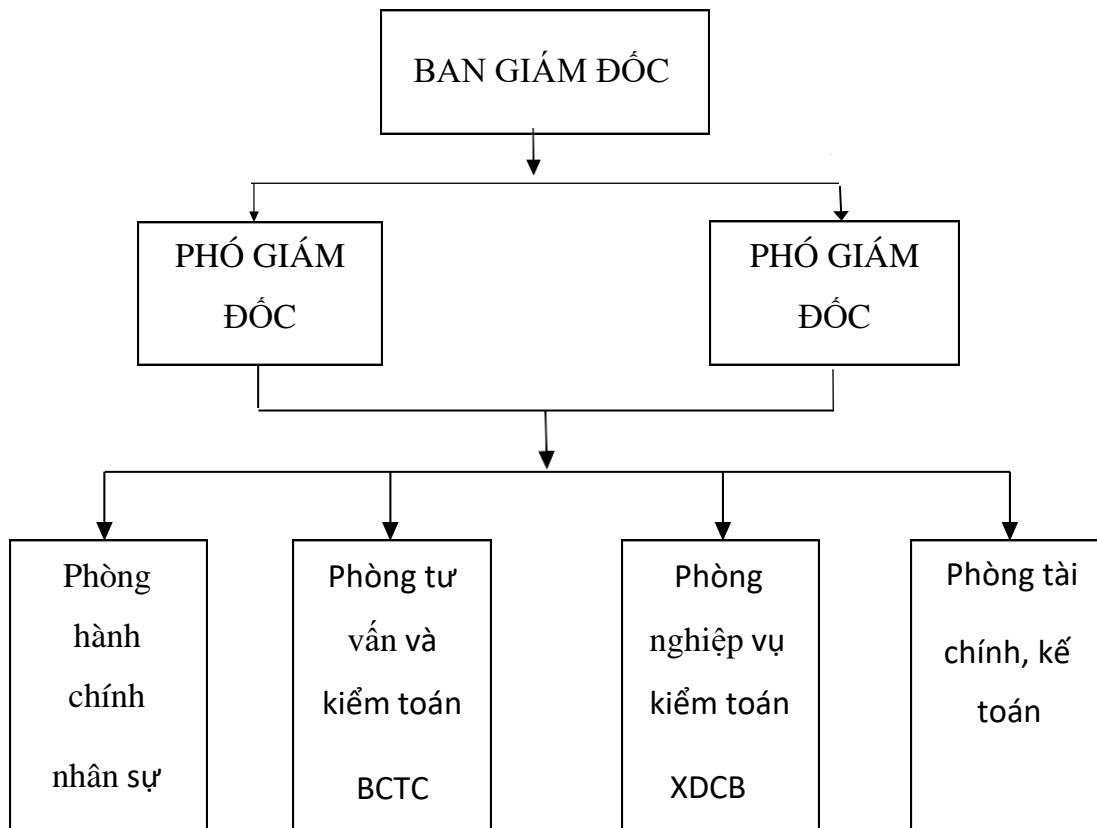
Công ty Kiểm toán Unistars là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ kiểm toán với tầm nhìn “Mang giá trị dịch vụ cao nhất cho khách hàng”. Để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Hiện nay công ty đã có hai chi nhánh đang hoạt động tại thủ đô Hà Nội và thành phố Nha Trang.

- Tên chính thức : CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS
- Tên giao dịch: UNISTARS CO., LTD
- Địa chỉ trụ sở: Số 83 Núi Trúc, Phường Ba Đình, TP Hà Nội
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 09 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Làng Quốc tế Thăng Long, Số 72 Trần Đăng Ninh, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
- Điện thoại: (04) 3 793 2296/98
- Fax: (04) 3 793 2295
- Mail: info@unistars.vn
- Website: www.unistars.vn
- Mã số thuế: 0102334107

2.1.2 Cơ cấu tổ chức quản lý

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars.



Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận trong bộ máy quản lý của công ty

+Ban lãnh đạo

Chịu trách nhiệm điều hành chung, có nhiệm vụ xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch, chiến lược kinh doanh, lựa chọn thay đổi cơ cấu tổ chức công ty.

- Giám đốc công ty hay Giám đốc điều hành: là người đứng đầu quyết định các hoạt động của công ty, là người đại diện theo pháp luật của công ty.

- Phó giám đốc: là người phụ trợ công việc cho Giám đốc công ty, thực hiện hoạt động chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ, đưa ra ý kiến và các giải pháp hỗ trợ, tư vấn cho Giám đốc công ty trong công tác điều hành, quản lý, hoạch định chiến lược, xây dựng bộ máy, tổ chức.

+Ban chức năng

Các phòng ban chức năng được tổ chức tùy theo yêu cầu quản lý của công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của BGD, đồng thời trợ giúp cho ban lãnh đạo công ty chỉ đạo

hoạt động kinh doanh của công ty.

- Phòng tài chính, kế toán: Gồm kế toán trưởng và một nhân viên kế toán, thực hiện việc bổ sung, sửa đổi quy chế tài chính của công ty về kinh doanh, tham mưu cho BGD về lĩnh vực tài chính.

- Phòng tổ chức hành chính: Quản lý các công văn, ra quyết định về công tác tổ chức của công ty, nghiên cứu, sắp xếp đề bạt cán bộ.

- Phòng tư vấn và kiểm toán BCTC: Cung cấp các dịch vụ kiểm toán tư vấn cho KH như: Tư vấn thuế, tư vấn quản trị kinh doanh, tư vấn hỗ trợ tuyển dụng... Gồm 26 nhân viên. Trong đó 5 KTV và 19 trợ lý kiểm toán và một số thực tập sinh hỗ trợ kiểm toán.

- Phòng kiểm toán XDCB - Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư XDCB: Kiểm toán các báo cáo quyết toán của các công trình xây dựng cơ bản hoặc các hạng mục công trình hoàn thành. Gồm 29 nhân viên: trong đó 8 KTV và 21 trợ lý kiểm toán.

2.1.3 Các loại hình dịch vụ của Công ty

- *Dịch vụ kiểm toán bao gồm:* Kiểm toán BCTC, Kiểm toán BCTC vì mục đích thuế và dịch vụ quyết toán thuế, Kiểm toán hoạt động, tuân thủ, nội bộ, Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (kể cả vào cáo tài chính hàng năm), Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án, Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước, Dịch vụ soát xét BCTC

- *Dịch vụ kế toán bao gồm:* Hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán – tài chính, xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy – tổ chức công tác kế toán, mở, ghi sổ kế toán và lập BCTC, hướng dẫn sắp xếp chứng từ kế toán.

- *Dịch vụ tư vấn tài chính bao gồm:* Phân tích tài chính phục vụ cho các nhà đầu tư, tư vấn quản lý tài chính, tư vấn quyết toán tài chính và quyết toán vốn đầu tư, tư vấn lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành, tư vấn về định giá tài sản, tư vấn đánh giá hiệu quả các phương án đầu tư, tư vấn cổ phần hóa, sắp

nhập và giải thể soanh nghiệp, các dịch vụ tư vấn khác liên quan đến tài chính.

- *Dịch vụ tư vấn thuế bao gồm:* Hướng dẫn kê khai thuế các loại thuế, thực hiện công tác kê khai các loại thuế, cung cấp hướng dẫn các quy định về Luật thuế Việt Nam, giúp các doanh nghiệp phân loại được các chính sách thuế áp dụng riêng biệt đối với đơn vị mình, các loại dịch vụ tư vấn khác liên quan đến thuế.

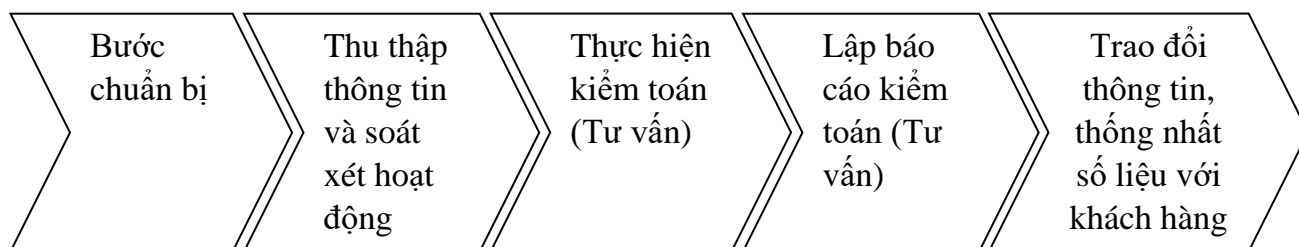
2.1.4 Các khách hàng chủ yếu của Công ty

Khách hàng mà Unistars cung cấp dịch vụ rất đa dạng cả về loại hình kinh doanh và ngành nghề kinh doanh. KH chủ yếu của công ty là các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, sản xuất có vốn kinh doanh trong nước và hơn 150 công ty FDI trong đó phần lớn là các KH Nhật Bản, Hàn Quốc.

Với các dịch vụ cung cấp hiệu quả Công ty đã hợp tác được với các KH có uy tín trong nhiều lĩnh vực khác nhau đặc biệt đối với những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài luôn chiếm phần lớn. Các doanh nghiệp KH như: Công ty TNHH Fancy Creation Việt Nam, Công ty TNHH Toyo Brazing, Công ty TNHH Công nghệ Filterfine, Công ty TNHH HJC Việt Nam, Công ty TNHH Seta International Việt Nam, Công ty TNHH Toneco,

2.1.5 Quy trình chung kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty

2.1.5.1 Lập kế hoạch kiểm toán



Các bước công việc trong một cuộc kiểm toán do Kiểm toán Đông Á thực hiện gồm: Công việc kiểm toán BCTC sẽ được tiến hành ngay sau khi Unistars được KH lựa chọn là công ty thực hiện kiểm toán cho đơn vị KH và sau khi KH đã chuẩn bị đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của các KTV.

Cụ thể các bước công việc mà Unistars thực hiện khi tiến hành một cuộc kiểm toán được thể hiện qua bảng sau:

<p>Bước chuẩn bị</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Xác định mục tiêu, phạm vi, phương thức tiến hành • Thu thập thông tin chung về Doanh nghiệp • Thảo luận sơ bộ với BGD • Soát xét sơ bộ BCTC • Lập kế hoạch kiểm toán tổng thể • Xây dựng chương trình kiểm toán và phê duyệt kế hoạch kiểm toán
<p>Thu thập thông tin và soát xét hoạt động</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập tất các hồ sơ tài liệu cần thiết cho cuộc kiểm toán • Thu thập thông tin thực tế tại Văn phòng của Doanh nghiệp • Soát xét BCTC và các tài liệu cần thiết khác
<p>Thực hiện kiểm toán</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Soát xét tài liệu kế toán, Quy chế kiểm soát, Hợp đồng kinh tế và các tài liệu liên quan khác • Soát xét các thủ tục kiểm soát và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát để đánh giá về Hệ thống KSNB của Doanh nghiệp
<p>Lập Báo cáo kiểm toán</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Tổng hợp kết quả kiểm toán • Xử lý các phát hiện trong quá trình kiểm toán • Dự thảo Báo cáo kiểm toán • Gửi Báo cáo kiểm toán dự thảo cho Ban lãnh đạo Đơn vị • Trao đổi với Ban lãnh đạo Đơn vị và các bộ phận liên quan về số liệu kiểm toán • Hoàn thiện Báo cáo kiểm toán và phát hành chính thức
<p>Tư vấn trong và sau cuộc kiểm toán</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ các văn bản pháp qui của Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực kế toán, tài chính, thuế...phù hợp với luật pháp Việt Nam • Xử lý những vướng mắc và tồn tại trong Hệ thống kế toán và Hệ thống KSNB của Doanh nghiệp • Tư vấn thường xuyên qua điện thoại • Cung cấp hệ thống các câu hỏi đáp về lĩnh vực kế toán, tài chính, thuế, rủi ro kinh doanh...

Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, KTV tìm hiểu và đánh giá hệ thống KSNB của đơn vị KH trên 2 mặt tính hiện hữu và tính hiệu quả;

- Đánh giá tính hiệu lực của Hệ thống KSNB;
- Đánh giá sự phù hợp của Hệ thống kế toán về các mặt:
 - Hệ thống chứng từ kế toán;
 - Hệ thống tài khoản kế toán đang sử dụng;
 - Hệ thống sổ sách kế toán và phương pháp ghi chép;
 - Hệ thống các BCTC và Báo cáo quản trị;
 - Tổ chức công tác kế toán.

2.1.5.2 Thực hiện kiểm toán

Các phương pháp thực hiện kiểm toán của Unistars gồm:

- + Hợp với BGD công ty, bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan.
- + Tiến hành kiểm toán từ tổng hợp đến chi tiết: tính toán, rà soát, phân tích, đối chiếu,..
- + Phòng vận BGD và các bộ phận liên quan trước, trong suốt cuộc kiểm toán
- + Thực hiện thủ tục soát xét hệ thống và kiểm tra số liệu
- + Thảo luận với BGD về các tồn tại dựa trên kết quả kiểm toán sơ bộ.
- + Thu thập bằng chứng kiểm toán bổ sung, xem xét và đánh giá các bằng chứng thu thập được.
- + Áp dụng các thủ tục kiểm toán khác nếu xét thấy cần thiết trong từng trường hợp cụ thể.
- + Phát hành báo cáo dự thảo, thống nhất với đơn vị, phát hành báo cáo kiểm toán chính thức và phát hành thư quản lý.

Khi bắt đầu một cuộc kiểm toán, Kiểm toán Unistars sẽ thảo luận với KH để xác định và thống nhất những vấn đề được coi là đặc biệt quan trọng. Unistars rất chú trọng công việc trên vì điều đó giúp Unistars đưa ra được ý kiến nhận xét đúng đắn về các BCTC của KH.

Trong giai đoạn này, KTV và các trợ lý kiểm toán sẽ thực hiện kiểm toán theo chương trình và thủ tục đã được thiết lập của Unistars. Để đạt được kết quả cao nhất, việc soát xét được thực hiện theo trình tự:

- Xác định mục tiêu tổng thể và cho từng khoản mục;
- Đánh giá Hệ thống KSNB cho từng khoản mục;
- Phân tích đánh giá;

- Kiểm tra chi tiết tới từng khoản mục.

Với qui trình kiểm toán này cho phép các KTV của Unistars đưa ra được ý kiến về tính chính xác, trung thực của các khoản mục trên BCTC làm cơ sở cho những ý kiến tư vấn hoàn thiện.

2.1.5.3 Kết thúc kiểm toán

Những công việc mà KTV sẽ thực hiện trong giai đoạn kết thúc kiểm toán:

- *Thảo luận với khách hàng về kết quả kiểm toán*

Kết quả kiểm toán sẽ được đưa ra thảo luận với Ban lãnh đạo KH cùng các bộ phận liên quan. Mục tiêu trung thực, khách quan và hoàn thiện tối đa luôn đặt ra đối với một cuộc kiểm toán.

- *Tư vấn hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống KSNB*

Thư quản lý (nếu có) tóm tắt quá trình kiểm toán và ý kiến nhận xét về những vấn đề hoặc những mối quan tâm phát sinh trong quá trình kiểm toán. Các ý kiến tư vấn được Unistars đưa ra dưới góc độ của nhà quản lý nên luôn có tính khả thi.

- *Phát hành báo cáo kiểm toán*

Báo cáo kiểm toán (nêu ý kiến của KTV về BCTC) và thư quản lý (nếu có) sẽ được phát hành theo đúng các cam kết về thời gian đã đề ra.

2.1.6 Chương trình kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars

Chương trình kiểm toán khoản mục HTK được Kiểm toán Unistars lập và thực hiện cho mọi cuộc kiểm toán, trong đó xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán cần thiết thực hiện đối với từng khoản mục, từng bộ phận được kiểm toán. KTV sẽ dựa vào các đặc điểm về HTK của từng KH để từ đó áp dụng một cách linh hoạt Chương trình kiểm toán HTK. Chương trình kiểm toán khoản mục HTK tại Công ty TNHH Kiểm toán Unistars áp dụng bám sát Chương trình kiểm toán mẫu (Mẫu Chương trình kiểm toán HTK được trình bày trong phần phụ lục).

2.2. THỰC TRẠNG VỀ KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

2.2.1 Lập kế hoạch kiểm toán

2.2.1.1 Tìm hiểu sơ bộ về khách hàng và ký hợp đồng kiểm toán

Để thu hút và mở rộng KH, hàng năm, Unistars đều gửi thư chào hàng đến các KH. Thông qua đó công ty sẽ giới thiệu đến KH những nét sơ bộ về công ty đồng thời cung cấp những thông tin liên quan giúp cho KH có những lựa chọn tốt nhất.

Để hiểu rõ hơn quá trình kiểm toán khoản mục HTK trong kiểm toán BCTC em đã lựa chọn Công ty TNHH JT để tìm hiểu và nghiên cứu trong bài luận tốt nghiệp của mình. Ngành nghề kinh doanh của JT là một công ty chuyên về sản xuất sản phẩm khác từ cao su, sản xuất sản phẩm từ plastic, sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, sản xuất khác chưa được phân vào đâu, sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác, sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất các sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện, sản xuất các sản phẩm khác từ giấy, bìa chưa được phân vào đâu, in ấn. Các công việc tìm hiểu về JT trong bước này cụ thể như sau:

+ Đánh giá khả năng chấp nhận kiểm toán

Việc tìm kiếm KH mới và duy trì KH cũ thuộc chiến lược phát triển và mở rộng chung của Unistars. Tuy nhiên, trước khi ký hợp đồng với các KH mới cũng như các KH truyền thống, Unistars đều đánh giá khả năng chấp nhận kiểm toán và xác định rủi ro hợp đồng.

Do JT là KH đã được Unistars thực hiện kiểm toán năm 2016, KTV chính cùng thành viên BGD (BGD) phụ trách giám sát của Unistars sẽ tiến hành công việc đánh giá rủi ro khi chấp nhận hợp đồng, tìm hiểu và thu thập thêm các thông tin về JT trên các khía cạnh: thông tin chung, tình hình tài chính và bản chất hoạt động kinh doanh, tính liên chính của BGD, bổ sung thêm các thông tin thay đổi về nhân sự, cơ cấu cũng như chính sách kế toán trong năm 2017. Qua quá trình tìm hiểu, BGD phụ trách giám sát của Unistars đánh giá tình trạng hoạt động của JT khá tốt, có thể đáp ứng yêu cầu đặt ra của cuộc kiểm toán. Do đó, Unistars đánh giá mức độ rủi ro hợp đồng ở mức trung bình và chấp nhận kiểm toán (phụ lục số 2.1: GTLV của KTV- Chấp nhận duy trì khách hàng cũ và đánh giá rủi ro hợp đồng).

+ Hợp đồng kiểm toán

Sau khi tìm hiểu KH, đánh giá khả năng chấp nhận kiểm toán, KTV đánh giá rủi ro hợp đồng đối với JT ở mức độ trung bình và đưa ra chấp nhận KH cũ. Trên cơ sở đó, Unistars tiến hành ký kết hợp đồng kiểm toán số 5025/HĐKT-BCTC/UNISTARS với JT. Trong hợp đồng nêu rõ các thông tin về JT cũng như Unistars, nội dung của hợp đồng, trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện hợp đồng, thời gian, địa điểm thực hiện hợp đồng, phí kiểm toán và phương thức thanh toán, cũng như các quy định về hiệu lực và thời hạn của hợp đồng (phụ lục số 2.2 : Hợp đồng kiểm toán)

+ Thư hẹn kiểm toán

Trên cơ sở hợp đồng đã ký kết, Unistars soạn thảo và gửi thư hẹn kiểm toán đến JT. Trong đó KTV nêu rõ kế hoạch về các công việc khi tiến hành kiểm toán BCTC tại JT, thời gian dự kiến thực hiện kiểm toán tại công ty cũng như các yêu cầu đối với JT. Nếu JT chấp nhận thư hẹn của Unistars sẽ ký tên xác nhận và gửi lại một bản cho Unistars. Khi thư hẹn được chấp nhận chính thức thì các KTV sẽ tiến hành cuộc kiểm toán tại Công ty TNHH JT (Phụ lục số 2.3: Thư hẹn kiểm toán)

2.2.1.2 Bố trí nhân sự và thời gian tiến hành kiểm toán

Trước khi tiến hành cuộc kiểm toán, việc đảm bảo tính độc lập của nhóm kiểm toán là yêu cầu bắt buộc. KTV cùng BGD tiến hành đánh giá lại tính độc lập của nhóm kiểm toán trước khi bố trí nhân sự cho cuộc kiểm toán này trên các mặt: quan hệ giữa các thành viên trong nhóm kiểm toán với KH; khả năng bị phụ thuộc vào KH trong việc đưa ra ý kiến kiểm toán,... nhằm đảm bảo không tồn tại các yếu tố trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính độc lập và đạo đức nghề nghiệp của KTV tham gia nhóm kiểm toán. Sau khi thực hiện kiểm tra, BGD Unistars đưa ra kết luận không có các vấn đề ảnh hưởng đến tính độc lập của KTV đối với JT và quyết định nhân sự cho cuộc kiểm toán:

KTV chính/ trưởng nhóm: Đỗ Đức Duy

Kiểm toán viên: Đinh Lệnh Giang

Trợ lý 1: Thái Thu Phương

Trợ lý 2: Nguyễn Thị Giang

Phụ lục số 2.4: GTLV của KTV- Soát xét các yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập và đạo đức nghề nghiệp của KTV.

2.2.1.3 Thu thập tài liệu từ phía khách hàng

Trước khi đến đơn vị để thực hiện kiểm toán, KTV yêu cầu JT gửi trước các BCTC để nắm được khái quát tình hình kinh doanh của đơn vị KH và chuẩn bị cho việc đánh giá mức độ trọng yếu và rủi ro cũng như các công việc tiếp theo. Các tài liệu yêu cầu KH chuẩn bị bao gồm:

-Bảng CĐKT

-Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

-Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Ngoài ra, KTV cần yêu cầu đơn vị cung cấp thêm những tài liệu sau để chuẩn bị cho hoạt động kiểm toán khoản mục HTK

- Bảng cân đối số phát sinh các tài khoản
- Sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản 151, 152, 153, 154, 155, 156,
- Nguyên tắc kế toán công ty đang áp dụng
- Quy chế tài chính của công ty
- Các chứng từ liên quan đến khoản mục HTK (phiếu đề nghị mua hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hợp đồng, kế hoạch sản xuất,...)

2.2.1.4 Tìm hiểu chi tiết khách hàng

KTV cần tìm hiểu về môi trường hoạt động, các yếu tố bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hoạt động của công ty như: môi trường kinh doanh chung, xu hướng ngành nghề, môi trường pháp lý mà doanh nghiệp đang hoạt động, tình hình sản xuất kinh doanh trong những năm gần đây. Qua đó đánh giá tình hình kinh doanh của JT so với năm 2016. Phụ lục số 2.5: GTLV của KTV-Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động

2.2.1.5 Xác định mức độ trọng yếu

Xác định mức độ trọng yếu được lập và phê duyệt theo chính sách của công ty và được trưởng nhóm thông báo với thành viên nhóm kiểm toán về mức độ trọng yếu kế hoạch trước khi kiểm toán tại JT. Tiêu chí để xác định mức độ trọng yếu tại công ty là chỉ tiêu doanh thu, gắn với giả định JT hoạt động liên tục và không có biến động lớn làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

Phụ lục số 2.6: GTLV của KTV- Xác định mức độ trọng yếu kế hoạch- thực hiện

2.2.1.6 Kế hoạch kiểm toán tổng thể

Trước khi tiến hành kiểm toán tại JT, KTV tiến hành lập kế hoạch kiểm toán. Nội dung chủ yếu của công việc này bao gồm: Tìm hiểu hoạt động của JT, thông tin về hệ thống kế toán và hệ thống KSNB tại đơn vị. Trên cơ sở đó, KTV tiến hành phân tích đánh giá dựa trên các khía cạnh:

+Đánh giá rủi ro tiềm tàng: dựa vào kinh nghiệm và sự hiểu biết về môi trường hoạt động kinh doanh của JT, KTV nắm được các yếu tố có ảnh hưởng đến rủi ro tiềm tàng, đánh giá chiều hướng ảnh hưởng của từng yếu tố:

-Yếu tố bản chất của môi trường kinh doanh: môi trường kinh doanh khá phức tạp, lạm phát, lãi suất đều có tác động lớn đến bản thân doanh nghiệp, do đó môi trường kinh doanh có chứa đựng những rủi ro tiềm tàng.

-Bản chất của khoản mục: khoản mục HTK rất phức tạp, có biến động thường xuyên với giá trị lớn nên luôn có khả năng tồn tại những sai phạm trọng yếu, luôn chứa đựng rủi ro tiềm tàng.

Kết luận: Rủi ro tiềm tàng của khoản mục HTK tại JT là cao.

+Đánh giá rủi ro kiểm soát: KTV nhận thấy kiểm soát nội bộ tại JT là tương đối chặt chẽ, có hiệu quả ngăn chặn phát hiện, sửa chữa các sai sót. Do đó, rủi ro kiểm soát được đánh giá là thấp.

+Xác định mức độ trọng yếu: KTV xác định mức độ trọng yếu trên các chỉ tiêu như doanh thu, lợi nhuận sau thuế, nợ ngắn hạn, tổng tài sản

Từ kết quả đã phân tích, đánh giá ở trên, KTV hoạch định nội dung, phương pháp lịch trình, nhân sự tham gia kiểm toán, được thể hiện ở phụ lục số 2.7: GTLV của KTV - Kế hoạch kiểm toán tổng thể

Từ sai sót bỏ qua của toàn bộ BCTC ở trên, KTV phân chia mức sai sót bỏ qua của khoản mục HTK căn cứ vào tỷ lệ HTK/Tổng tài sản như sau:

Hàng tồn kho	(a)	88.448.312.179
Tổng tài sản	(b)	177.184.864.012
Sai sót bỏ qua của toàn bộ BCTC	(c)	2.121.316.800
Sai sót bỏ qua của khoản mục HTK	(d)=(c)*(a)/(b)	1.058.932.949

2.2.1.7 Thiết kế chương trình kiểm toán

Dựa trên các thông tin đã thu thập được của KH và về kế hoạch kiểm toán tổng thể, KTV thiết kế chương trình kiểm toán khoản mục HTK trong đó nêu rõ cụ thể các bước KTV cần phải tiến hành thực hiện các thủ tục, bao gồm: thủ tục chung, kiểm tra phân tích, kiểm tra chi tiết, nhằm mục tiêu xác định các khoản mục hàng tồn kho là có thật, được ghi nhận chính xác, đầy đủ đúng kỳ, và được trình bày phù hợp với các chuẩn mực chế độ hiện hành. (Phụ lục số 2.8 - Chương trình kiểm toán)

2.2.2 Thực hiện kiểm toán

2.2.2.1 Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát

Do JT là KH cũ của Unistars nên KTV tiến hành xem xét lại GTLV của KTV về đánh giá hệ thống KSNB đối với HTK của JT đã lưu tại file làm việc của đợt kiểm toán

năm 2016. KTV tiến hành phỏng vấn kế toán trưởng khoản mục HTK và những thay đổi trong chính sách HTK. Đồng thời, KTV thu thập các câu trả lời trong GTLV bằng cách phỏng vấn các nhân viên chịu trách nhiệm quản lý hoặc ban hành các quy định.

KTV tiến hành tìm hiểu quy trình sản xuất, luân chuyển của HTK để có cái nhìn khái quát về quy trình sản xuất, loại sản phẩm chính, nguyên vật liệu chính và nhà cung cấp chính của đơn vị phụ lục số 2.9: GTLV của KTV – Thuyết minh quy trình sản xuất của đơn vị.

Khi tiến hành tìm hiểu về hệ thống KSNB của HTK, KTV đã tiến hành các bước công việc tìm hiểu về: chính sách kế toán HTK. Thông qua việc tiến hành quan sát trực tiếp quá trình nhập, xuất và bảo quản HTK, phỏng vấn Trưởng ban tài chính, Trưởng ban kỹ thuật và kế toán phân hành HTK về các nguyên tắc trong quản lý, kiểm soát HTK, nghiên cứu về các quy chế cũng như các quy định của công ty về nguyên tắc ghi nhận và phương pháp hạch toán kế toán, KTV kết luận các khoản mục HTK tại JT có được trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành không. (Phụ lục số 2.10: GTLV của KTV- Tìm hiểu về chính sách kế toán)

2.2.2.2 Thực hiện thủ tục phân tích HTK

Thực hiện thủ tục phân tích sơ bộ giúp KTV có cái nhìn tổng quan về sự biến động của khoản mục HTK tại đơn vị.

KTV thực hiện phân tích sơ bộ BCTC của đơn vị KH (gồm Bảng CĐKT và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) nhằm phát hiện ra những biến động bất thường xảy ra trong năm tài chính. Từ đó, có thể phát hiện ra những vấn đề nghi vấn về khả năng tồn tại những sai sót trên BCTC. Trong kiểm toán HTK KTV áp dụng các thủ tục phân tích như sau:

Thứ nhất, so sánh số dư khoản mục HTK năm nay so với năm trước để xác định các biến động hoặc chênh lệch bất thường và tìm hiểu nguyên nhân của những biến động, từ đó xác định trọng tâm cần kiểm tra.

Thứ hai, tính và so sánh tỷ trọng HTK trong tổng tài sản so với những năm trước.

Thứ ba, phân tích khoản mục vật tư dự phòng: Xác định tỷ trọng vật tư dự phòng trên tổng HTK và đánh giá tính phù hợp của khoản mục này.

Sau khi tiến hành thu thập thông tin về hệ thống KSNB và phân tích sơ bộ BCTC của KH, KTV đánh giá hệ thống KSNB của KH có tồn tại.

KTV cũng tiến hành đánh giá rủi ro kiểm soát, đối với JT, KTV đưa ra mức rủi ro kiểm soát trung bình. Đối với khoản mục HTK rủi ro có thể xảy ra liên quan đến cơ sở dẫn liệu về tính hiện hữu, tính đầy đủ, tính chính xác số học, định giá, quyền và nghĩa vụ.

Các phân tích của KTV về HTK được thể hiện trong phụ lục số 2.11: GTLV của KTV- Bảng số liệu tổng hợp số liệu

2.2.2.3 Thực hiện các thủ tục kiểm tra chi tiết HTK

Kiểm tra số dư đầu năm tài chính

Là năm thứ hai kiểm toán cho JT do đó KTV sử dụng số dư cuối năm 2016 đã được KTV lưu lại trong hồ sơ kiểm toán làm căn cứ đối chiếu với số dư đầu năm 2017. Qua đối chiếu, KTV nhận thấy không có sự chênh lệch giữa số dư cuối năm 2016 và số dư đầu năm 2017. Việc đối chiếu này KTV không lưu lại trên GTLV:

Đối chiếu số liệu tổng hợp

KTV lập Bảng tổng hợp số dư khoản mục HTK và Bảng chi tiết HTK theo nội dung.

Mục tiêu: Thủ tục được thực hiện nhằm đảm bảo số dư cuối kỳ của HTK năm nay phù hợp với số liệu được trình bày trên Bảng CĐKT; đảm bảo sự khớp đúng giữa các số tổng hợp, số chi tiết.

Công việc thực hiện:

KTV tổng hợp số liệu trên các sổ cái tài khoản 152, 153, 154, 155 bao gồm: số dư đầu kỳ, số phát sinh Nợ, số phát sinh Có, từ đó tính ra số dư cuối kỳ. Tập hợp số liệu trên các tài khoản HTK rồi đối chiếu với số liệu trên Bảng cân đối số phát sinh (Bảng cân đối tài khoản kế toán) và Bảng CĐKT. Mục đích của việc tập hợp số liệu và đối chiếu với Bảng CĐKT nhằm đảm bảo số liệu về HTK đơn vị trình bày trên Bảng CĐKT khớp với số liệu mà đơn vị hạch toán trên các sổ cái tài khoản hàng tồn kho.

Kết quả của bước công việc được thể hiện trong Phụ lục số 2.12: GTLV của KTV: Tổng hợp, đối chiếu số liệu hàng tồn kho và chỉ tiêu phân tích

Quan sát kiểm kê vật chất hàng tồn kho

Do JT là KH truyền thống của Unistars nên kế hoạch tham gia chứng kiến kiểm kê HTK tại JT đã được lên kế hoạch từ trước, các công việc phục vụ cho cuộc kiểm kê tại ngày kết thúc niên độ đã được Công ty chuẩn bị và tiến hành đúng với chương trình kiểm toán đã được xây dựng. KTV sẽ phân công trợ lý kiểm toán tham gia chứng kiến kiểm kê tại JT phải liên hệ với KH, thống nhất lịch kiểm kê, lập kế hoạch kiểm kê trình cho Giám đốc và đến JT để tham gia kiểm kê như kế hoạch đã thỏa thuận với KH.

Mục tiêu: xác định tính đầy đủ, hiện hữu của HTK tại thời điểm kiểm kê.

Công việc thực hiện:

KTV đã thu thập tài liệu hướng dẫn kiểm kê của đơn vị và tham gia quan sát tiến trình kiểm kê của đơn vị.

Chọn mẫu một số mặt hàng để kiểm kê. Thu thập các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu cuối cùng đến thời điểm tiến hành kiểm kê.

Kết thúc quan sát kiểm kê tại đơn vị KH, KTV tiến hành thu thập danh mục HTK tại thời điểm khóa sổ (sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp, bảng kê Nhập – Xuất – Tồn và biên bản kiểm kê) thực hiện các công việc đối chiếu số dư của từng loại mặt hàng trên sổ kế toán chi tiết, đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp, BCTC và số liệu kiểm kê.

Kết quả:

Xem xét bảng vật tư tồn kho cuối kỳ của đơn vị, KTV nhận thấy HTK chủ yếu là NVL và do giới hạn về mặt thời gian và nhân sự, nên KTV chỉ tham gia kiểm kê Nguyên vật liệu của đơn vị và KTV chỉ tiến hành kiểm tra chọn mẫu những NVL tồn kho có số lượng lớn và có đơn giá cao.

Nguyên vật liệu của đơn vị được đóng bao, đóng thùng, sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện cho việc kiểm đếm. KTV cùng với bộ phận được phân công kiểm kê của KH tiến hành kiểm đếm từng bao, từng thùng vật tư, nguyên liệu, sau đó nhân với quy cách từng

bao, từng thùng, và đối chiếu với số liệu trên bảng kê vật tư tồn kho cuối ngày 31/12/2017 của đơn vị. Số liệu kiểm kê trùng khớp với số liệu trên sổ sách. Kết quả công việc được thể hiện trên Phụ Lục số 2.13: GTLV của KTV-Chương trình quan sát, chứng kiến kiểm kê HTK

KTV lập bảng tổng hợp của từng tài khoản HTK, với mỗi tài khoản HTK, KTV kiểm tra các đối ứng liên quan để phát hiện các đối ứng bất thường, đồng thời kiểm tra số phát sinh trong năm tài chính, đối chiếu số phát sinh trên sổ cái các tài khoản HTK có khớp với số phát sinh được trình bày trên Bảng cân đối số phát sinh hay không?

Kết quả của bước công việc trên được trình bày trong Phụ lục số 2.14: GTLV của KTV - Đối chiếu số liệu kiểm kê với số liệu sổ sách.

Đối với việc kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ tăng HTK, KTV kiểm tra chọn mẫu các nghiệp vụ có số phát sinh lớn, nội dung bất thường phát sinh trong kỳ. Số lượng nghiệp vụ chọn mẫu tùy thuộc vào quy mô của đơn vị và kinh nghiệm nghề nghiệp của KTV (Nội dung tính cỡ mẫu được thể hiện trong phần phụ lục số 2.15: GTLV của KTV- Tính cỡ mẫu). KTV kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp của Hóa đơn mua hàng, phiếu nhập kho, biên bản kiểm nghiệm hàng nhập kho... liên quan đến nghiệp vụ tăng nguyên liệu. Đối chiếu với phiếu đề nghị mua vật tư được phê chuẩn, sổ chi tiết vật liệu, sổ cái tài khoản 152, các bảng kê, sổ Nhật ký – Chứng từ, và đối chiếu với các tài khoản thanh toán (sổ chi tiết TK 111, TK 112...). Công việc này sẽ được tham chiếu với kết quả kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán.

Việc kiểm tra các nghiệp vụ nhập CCDC mua về được thực hiện tương tự như trên, KTV nhận thấy hầu hết các nghiệp vụ đều được phản ánh đầy đủ và chính xác trên sổ kế toán và có chứng từ gốc hợp lệ. Kết quả đều thỏa mãn mục tiêu kiểm tra.

Kết quả của bước công việc này được trình bày trong phụ lục: GTLV của KTV – Kiểm tra chi tiết TK 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, Đánh giá giá trị thuần của HTK.

Tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Thực hiện: KTV thực hiện phỏng vấn kế toán trưởng về phương pháp tính giá trị hàng hóa, nguyên vật liệu xuất kho. Đánh giá về phương pháp tính giá xuất kho của hàng hóa, nguyên vật liệu của đơn vị có hợp lý và được áp dụng nhất quán không. Từ Bảng xuất nhập tồn HTK mà đơn vị cung cấp, KTV tính và kiểm tra lại cách tính trị giá hàng xuất kho của đơn vị, từ đó tính được giá trị HTK cuối kỳ; sau đó, KTV so sánh số liệu của KH với số liệu do KTV tính toán.

Kết quả: Do cuối kỳ, giá trị sản phẩm dở dang không còn, KTV tiến hành kiểm tra cách tính giá trị nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ của đơn vị. Nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ chiếm tỉ trọng chủ yếu trong toàn bộ giá trị HTK cuối kỳ. KTV đã được kế toán đơn vị cung cấp đầy đủ các tài liệu cần thiết liên quan đến việc xác định giá trị nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ. Phương pháp tính giá trị nguyên vật liệu xuất kho của đơn vị là hợp lý và được áp dụng nhất quán. Kết quả kiểm tra được trình bày trong Phụ lục số 2.16: GTLV của KTV- Kiểm tra tính giá HTK theo phương pháp bình quân gia quyền

2.2.3 Kết thúc kiểm toán

2.2.3.1. Soát xét các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Để tiến hành soát xét các sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC, KTV phỏng vấn BGD, yêu cầu công ty cung cấp các sổ sách chứng từ có liên quan mới được lập sau ngày kết thúc niên độ kế toán... để thu thập các thông tin các sự kiện quan trọng có khả năng ảnh hưởng đến BCTC đã được kiểm toán. Với KH JT, sau ngày lập BCTC, KTV nhận thấy không có sự kiện nghiêm trọng nào ảnh hưởng đến HTK trong doanh nghiệp.

2.2.3.2 Kiểm tra lại GTLV của kiểm toán viên

Trong giai đoạn này trưởng nhóm kiểm toán tổng hợp và đánh giá quá trình làm việc của KTV dựa trên các khía cạnh: việc tuân thủ kế hoạch, số lượng cũng như chất lượng các bằng chứng kiểm toán, sự hợp lý của các bút toán điều chỉnh xem đã đạt mục tiêu kiểm toán chưa, có cần thiết phải thêm các thủ tục khác để tìm kiếm thêm các bằng chứng để tìm kiếm thêm bằng chứng kiểm toán không. Trưởng nhóm kiểm toán còn kết hợp, xem xét các sự kiện phát sinh có thể xảy ra sau kiểm toán và thảo luận với BGD đơn vị KH để thống nhất kết quả của cuộc kiểm toán làm căn cứ đưa ra báo cáo kiểm toán. Đối với JT sau khi các thành viên trong nhóm hoàn thành GTLV, trưởng nhóm tiến hành soát xét lại, nhận thấy không còn thiếu sót và quyết định tiến hành tổng hợp kết quả kiểm toán.

2.2.3.3 Tổng hợp các bút toán điều chỉnh, soạn thảo báo cáo kiểm toán và thư quản lý

Dựa trên GTLV đã được kiểm tra, trưởng nhóm kiểm toán tổng hợp toàn bộ thông tin, số liệu, ý kiến của các KTV và trợ lý kiểm toán đối với tất cả các khoản mục. Dựa trên

các thông tin đã thu thập được, KTV phụ trách cuộc kiểm toán thực hiện phân tích trọng yếu đối với các sai sót đã phát hiện được (nếu có). KTV cũng có thể bỏ qua các sai sót không trọng yếu nhưng cần phải nêu trong thư quản lý. Các sai sót được đánh giá là trọng yếu thì cần được xem xét để đưa ra ý kiến nhận xét và phải được lập bút toán đề nghị điều chỉnh. Sau khi soát xét lại các thông tin, số liệu trên GTLV của khoản mục HTK của JT, trưởng nhóm kiểm toán kết luận không có sai sót trọng yếu trong khoản mục này và không có bút toán điều chỉnh.

Tại thời điểm kiểm toán, JT đã cung cấp đầy đủ tài liệu, bằng chứng thích hợp. Đồng thời, công tác kiểm kê đã được thực hiện tuy nhiên do khác nhau về quản lý và theo dõi trong quá trình nhập xuất vật tư, thành phẩm nên công tác kiểm kê không mang lại kết quả như ý muốn. Trên cơ sở xem xét về các sai phạm trọng yếu và các giới hạn kiểm toán tại JT, Unistars đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần trừ đối với BCTC năm 2017 của JT (phụ lục số 2.17: Báo cáo kiểm toán)

Dựa vào các phát hiện, trưởng nhóm tiến hành lập thư quản lý. Thư quản lý được KTV sử dụng để trình bày về những vấn đề, sự kiện cụ thể trong quá trình kiểm toán, gồm: hiện trạng thực tế, khả năng rủi ro đối với hệ thống kiểm soát và công tác kế toán HTK cũng như tư vấn hướng xử lý sao cho hiệu quả và phù hợp với những quy định hiện hành.

2.3 ĐÁNH GIÁ VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

2.3.1 Đánh giá về ưu điểm

2.3.1.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

Việc lập kế hoạch kiểm toán BCTC do Unistars thực hiện một cách chặt chẽ, luôn tuân thủ các quy định của chuẩn mực kiểm toán số 300 – lập kế hoạch kiểm toán. Unistars thực hiện việc cập nhật và bổ sung các thông tin liên quan đến KH, sau đó lập kế hoạch kiểm toán một cách khoa học phù hợp với chuẩn mực 310 về thu thập thông tin cơ sở. Ngoài ra, KTV tiến hành gửi kế hoạch kiểm toán tổng quát và gửi yêu cầu các tài liệu cần KH cung cấp liên quan đến quá trình kiểm toán, điều này mang lại các điều kiện thuận lợi cho các KTV trong quá trình thực hiện.

KTV thực hiện tìm hiểu, đánh giá các thủ tục kiểm soát kết hợp với các thủ tục kiểm toán khác một cách hợp lý, chặt chẽ. Việc đánh giá rủi ro được chủ nhiệm kiểm toán đánh giá cẩn thận, tỉ mỉ.

Thông qua việc phân công công việc cụ thể và thời gian và nhiệm vụ cho các thành viên trong đoàn kiểm toán, giúp cho KTV cũng như các trợ lý KTV có thời gian chuẩn bị

cho công việc kiểm toán tại đơn vị KH từ đó rút ngắn thời gian kiểm toán mà vẫn đảm bảo được chất lượng của cuộc kiểm toán

2.3.1.2. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

Đến giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, KTV luôn tuân thủ kế hoạch kiểm toán đã được xây dựng.

Tại Unistars, kiểm toán khoản mục hàng tồn kho luôn được giao cho những KTV có trình độ và kinh nghiệm vì tính chất trọng yếu của khoản mục này trên BCTC. Với những thủ tục kiểm toán được xây dựng trong chương trình kiểm toán giúp KTV thực hiện một cách nhanh chóng, nắm bắt được những vấn đề trọng yếu liên quan trực tiếp đến phần hành mà KTV và trợ lý KTV được giao, từ đó xác định được phương hướng và cách thức tiến hành kiểm tra đem lại hiệu quả cao nhất. Các thủ tục kiểm toán từ phân tích HTK đến khảo sát kiểm soát và khảo sát cơ bản được thực hiện đầy đủ, tuân tự và tương đối hiệu quả.

+ Về thủ tục kiểm soát: KTV chủ yếu đi sâu vào hoạt động KSNB của đơn vị bằng việc kết hợp giữa phương pháp phỏng vấn và trực tiếp theo dõi, KTV đã thu thập dưới dạng thu thập câu trả lời cho các câu hỏi kiểm soát. Đây là thủ tục mang lại hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí và thời gian cho KTV. Bảng câu hỏi mà KTV xây dựng để thu thập thông tin về kiểm soát đối với khoản mục HTK tương đối đầy đủ, khái quát được mọi vấn đề về khảo sát, trực tiếp phát hiện ra những bước kiểm soát lỏng lẻo và nhận định được vùng trọng tâm có thể xảy ra sai phạm.

+ Về thủ tục phân tích: KTV đã phân tích được khái quát biến động của chỉ tiêu doanh thu bán hàng, thu thập được những giải trình của đơn vị để giải thích cho những biến động bất thường, và xác định những biến động bất thường, từ đó tập trung vào cơ sở dẫn liệu có thể chứa đựng sai phạm. Thủ tục phân tích đã định hướng tốt cho các thủ tục tiếp theo

+ Về thủ tục kiểm tra chi tiết: KTV sẽ tiến hành chọn mẫu các nghiệp vụ HTK ở những thời điểm nhạy cảm như cuối năm và đầu năm để tiến hành kiểm tra, đặc biệt là đối với những khoản HTK có biến động lớn. Thủ tục kiểm tra chi tiết có thể được giảm bớt nếu hệ thống KSNB của đơn vị được đánh giá có hiệu quả. Do HTK liên quan đến nhiều khoản mục khác trên BCTC nên khi tiến hành kiểm tra chọn mẫu, KTV đã của công ty đã tiến hành phối hợp một cách nhịp nhàng trong quá trình kiểm tra chi tiết khi thực hiện kiểm toán các khoản mục khác và tham khảo kết quả của việc kiểm toán tài sản cố định, tiền lương và nhân sự... điều này đã giúp cho KTV tránh được sự trùng lặp trong các thủ tục kiểm toán, tiết kiệm được thời gian và chi phí, nâng cao hiệu quả của công việc.

2.3.1.2. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

Giai đoạn kết thúc kiểm toán được áp dụng theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, và việc áp dụng theo mẫu được sẵn được quy định tại Unistars. KTV đánh giá lại kết quả đã thực hiện, kết quả đã được thực hiện trên báo cáo kiểm toán. Trưởng nhóm sẽ tổng hợp các vấn đề có liên quan đến cuộc kiểm toán, báo cáo các vấn đề phát hiện được với trưởng phòng và BGD để có hướng đưa ra giải quyết cuối cùng. Tiếp đó, các GTLV của KTV sẽ được soát xét bởi trưởng phòng trước khi trình BGD. BGD xem xét tính hợp lý của kết quả kiểm toán và Unistars sẽ phát hành Báo cáo kiểm toán và thư quản lý. Tại Unistars việc đưa ra ý kiến tư vấn cho KH nhằm giúp cho công ty KH hoạt động được hiệu quả hơn. Đồng thời qua đó thể hiện trách nhiệm của công ty trong vai trò là người định hướng, giúp đỡ cho hoạt động của KH ngày càng hiệu quả.

2.3.2. Đánh giá về những hạn chế và nhược điểm

2.3.2.1. Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

+ Chương trình kiểm toán chưa chi tiết đến từng KH: Chương trình kiểm toán được xây dựng khá bao quát, xong chưa chi tiết đến từng bước công việc cụ thể và còn áp dụng cho hầu hết các KH mà chưa có sự linh hoạt, điều chỉnh riêng cho từng KH. Điều này làm cho hiệu quả kiểm toán không cao vì mỗi KH đều có đặc thù riêng của mình.

2.3.2.2. Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán

+Thứ nhất: Tham gia chứng kiến kiểm kê HTK chủ yếu chỉ tập trung vào số lượng HTK chứ chưa chú trọng đến chất lượng của HTK do có hạn chế về thời gian và nhân sự. Mặt khác do tính chất đặc biệt, đa dạng và phong phú cả về mẫu mã, chủng loại của các loại hàng kiểm kê, KTV chủ yếu chỉ có thể khẳng định tương đối chính xác về mặt chủng loại hàng hóa, mẫu mã, số lượng chứ không thể đánh giá hay nhận xét về tình trạng, chất lượng của từng loại hàng hóa. Do vậy, việc đánh giá chất lượng HTK phụ thuộc chủ yếu vào cách đánh giá của KH.

+Thứ hai: công ty chưa có quy định rõ ràng trong việc thuê chuyên gia để tham gia chứng kiến kiểm kê. Khi tham gia chứng kiến kiểm kê ở những đơn vị KH có những loại hàng hóa có tính chất đặc biệt KTV không thể đánh giá được giá trị của nó nếu không có

ý kiến tư vấn của các chuyên gia. KTV thường dựa trên biên bản kiểm kê của đơn vị để xác định giá trị của HTK, điều này sẽ tăng mức độ độc lập của Biên bản kiểm kê mà KTV khai thác được.

+Thứ ba: Thủ tục tìm hiểu hệ thống KSNB chưa linh hoạt. Trong quá trình tìm hiểu hệ thống KSNB của KH, KTV đã sử dụng bảng câu hỏi để mô tả hệ thống KSNB tại KH. Do thời gian cuộc kiểm toán ngắn nên nội dung tìm hiểu chưa chi tiết, mức độ đánh giá còn khái quát, chưa đi sâu vào những bước công việc cụ thể, dẫn đến kết quả đạt được chưa thật đúng đắn.

+Thứ tư: Phương pháp chọn mẫu chưa đảm bảo tính khái quát: Trên thực tế, có nhiều phương pháp chọn mẫu mà KTV đã được đào tạo như: chọn mẫu theo kỹ thuật phân tổ, phân nhóm, theo nguyên tắc giá trị lũy tiến, chọn mẫu dựa trên mức độ trọng yếu, theo xét đoán của KTV... Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện kiểm toán, hầu hết các KTV đều dựa vào xét đoán của bản thân để chọn mẫu. Do vậy, có thể sẽ không bao quát được các rủi ro khi mẫu chọn không đại diện cao cho tổng thể. Hơn nữa, việc chọn mẫu kiểm toán của KTV thường chọn mẫu theo phương pháp số lớn (lựa chọn số tiền phát sinh lớn) vì những nghiệp vụ phát sinh với giá trị lớn thường chứa đựng rủi ro cao hơn, nhưng đây chưa phải là phương pháp chọn mẫu tối ưu vì sai phạm của một nghiệp vụ phát sinh với số tiền nhỏ nhưng được lặp lại nhiều lần sẽ thành sai phạm trọng yếu.

+Thứ năm: Thủ tục phân tích chưa vận dụng triệt để: Đối với các KH, công ty mới chỉ tiến hành việc phân tích tỷ suất tài chính của doanh nghiệp, so sánh các chỉ tiêu của năm nay với năm trước chứ chưa tiến hành so sánh với số liệu của các doanh nghiệp trong cùng ngành và có cùng quy mô kinh doanh để đánh giá xu hướng biến động mà chỉ dựa vào phán đoán chủ quan của KTV. Điều này làm cho quá trình thực hiện các thủ tục chi tiết diễn ra phức tạp hơn và không tiết kiệm được chi phí kiểm toán.

+ Thứ sáu: Thủ tục kiểm tra tính đúng kỳ của các nghiệp vụ chưa được chú trọng. Đối với khoản mục doanh thu, các KTV thực hiện rất tốt thủ tục kiểm tra tính đúng kỳ của các nghiệp vụ, song đối với chu kỳ HTK, do quá tập trung đến việc tính giá HTK nên KTV đã không chú ý đến việc kiểm tra tính đúng kỳ của các nghiệp vụ. Mà KTV chỉ tiến

hành kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế có nội dung kinh tế bất thường, hoặc các nghiệp vụ có số tiền phát sinh lớn. Điều này dẫn đến hạn chế trong việc đánh giá.

+Thứ bảy: Thủ tục kiểm tra dự phòng giảm giá HTK còn nhiều khó khăn . Do trong quá trình tham gia chứng kiến kiểm kê, KTV không xác định được chất lượng của HTK đang tồn trong kho của đơn vị, cũng như xác định được tình trạng của hàng hóa tồn kho, không xác định được giá trị thuần có thể thực hiện được của những hàng hóa đó. Vì vậy, trong quá trình kiểm toán HTK, nhóm kiểm toán không có cơ sở để kiểm tra được HTK của KH trong năm có cần lập dự phòng hay không, và nếu lập dự phòng thì sẽ trích lập bao nhiêu?

2.3.2.3. Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán

Công tác ghi chép GTLV, lập file và lưu trữ tài liệu kiểm toán còn chưa hợp lý, đầy đủ: Qua thực tế xem xét hồ sơ kiểm toán của JT và một số đơn vị KH khác, KTV hầu như chỉ ghi lại kết quả trên GTLV còn các thông tin khác như quá trình tiến hành kiểm tra, trình tự các bước công việc, dung lượng mẫu chọn, cách thức chọn mẫu,... không được ghi chép đầy đủ

2.3.3 Nguyên nhân của thực trạng

+ Thứ nhất, do đặc điểm riêng của ngành kiểm toán nên mùa kiểm toán thường diễn ra từ tháng 01 đến tháng 03 hàng năm, trong giai đoạn này khối lượng công việc kiểm toán thường rất lớn, do đó với một số lượng hạn chế các KTV và trợ lý kiểm toán phải gánh vác khối lượng công việc rất lớn. Để có đáp ứng được đầy đủ yêu cầu cơ bản của cuộc kiểm toán có thể dẫn đến sự dàn mỏng lực lượng trong các cuộc kiểm toán vì vậy hiệu quả kiểm toán đạt được chưa cao, KTV phải mất nhiều thời gian để hoàn thành tất cả các bước công việc cũng như hoàn tất GTLV và phát hành báo cáo.

+ Thứ hai, nghề kiểm toán còn là một nghề khá non trẻ ở Việt Nam, các KTV và đặc biệt là các trợ lý kiểm toán đa phần là các sinh viên mới ra trường do đó còn thiếu kinh nghiệm và sự hiểu biết còn hạn chế nên khó có thể tránh khỏi những thiếu sót trong quá trình kiểm toán cho KH.

+ Thứ ba, hầu hết các KH đều mong muốn được thực hiện kiểm toán với thời gian nhanh chóng và yêu cầu phát hành Báo cáo kiểm toán một cách sớm nhất có thể nên KTV không thể thực hiện được các thủ tục một cách chi tiết nhất. Áp lực từ thị trường với sự

cạnh tranh ngày một gia tăng, đòi hỏi các công ty kiểm toán phải nâng cao năng lực, tiết kiệm chi phí kiểm toán và thực hiện kiểm toán trong một thời gian nhanh nhất có thể. Chính điều này làm cho rủi ro kiểm toán trở nên cao hơn khi các thủ tục kiểm toán chưa đảm bảo cho việc đem lại những bằng chứng kiểm toán có sức thuyết phục nhất.

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC HÀNG TỒN KHO TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

3.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC HÀNG TỒN KHO TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3.1.1 Định hướng phát triển của Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars

Trong định hướng chiến lược phát triển dài hạn, ban lãnh đạo của Unistars chủ trương tiếp tục hoàn thiện và chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ về kiểm toán, tư vấn. Bên cạnh đó, Unistars cũng đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế, tăng cường học hỏi kinh nghiệm và các kỹ năng chuyên môn. Thông qua những cơ hội đó, đội ngũ KTV và chuyên viên của công ty sẽ được trang bị, cập nhật các kiến thức mới, kỹ năng thực hành kiểm toán, tư vấn hiện đại và cải thiện khả năng ngoại ngữ.

Bên cạnh việc mở rộng mạng lưới KH, Unistars luôn chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực của công ty tạo ra nội lực mạnh mẽ thúc đẩy công ty. Với đội ngũ nhân viên hiện nay gần 50 người và sẽ tiếp tục tăng lên trong thời gian tới, Unistars đã lên kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất hiện đại hỗ trợ hiệu quả, tạo cảm hứng làm việc cho đội ngũ nhân viên.

Trong môi trường cạnh tranh cao và bối cảnh kinh tế khó khăn hiện nay, hoạt động của Unistars cũng gặp không ít những khó khăn. Tuy nhiên, với một đội ngũ lãnh đạo có năng lực, giàu tâm huyết; đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ, năng động và được đào tạo bài bản, Unistars tin tưởng sẽ tiếp tục phát triển và không ngừng khẳng định thương hiệu trên thị trường cung cấp dịch vụ chuyên ngành chất lượng cao.

3.1.2 Sự cần thiết phải hoàn thiện

+ Thứ nhất: Xuất phát từ yêu cầu của xu thế hội nhập kinh tế Thế giới, nền kinh tế Việt Nam cần có những bước thay đổi cơ chế cho phù hợp và đồng thời đón nhận các luồng đầu tư từ phía các tổ chức và các cá nhân trên thị trường quốc tế. Để làm được điều này, các doanh nghiệp trong nền kinh tế cần chú ý một yêu cầu hết sức quan trọng đó là tính minh bạch trong thông tin tài chính được trình bày trên BCTC của công ty. Chính vì yêu cầu đó nên thị trường kế toán kiểm toán ở nước ta cũng cần phát triển mạnh mẽ để đáp ứng được yêu cầu của xu thế hội nhập ở nước ta hiện nay. Việc nâng cao chất lượng kiểm toán có nhiều bước công việc nhưng trong đó nâng cao chất lượng trong thực hiện kiểm toán là quan trọng nhất. Do vậy, kiểm toán các chu trình hay kiểm toán các khoản mục có chất lượng tốt sẽ giúp ý kiến của KTV đưa ra là hợp lý. Đây là mục tiêu chung của kiểm toán tất cả các khoản mục trong đó ở đây là kiểm toán khoản mục hàng tồn kho.

+ Thứ hai: Hàng tồn kho là một khoản mục quan trọng và có ảnh hưởng đến rất nhiều các chỉ tiêu trên các BCTC. Do đó đặt ra yêu cầu việc kiểm toán khoản mục hàng tồn kho phải được thực hiện một cách có hiệu quả để KTV không những có thể đưa ra một kết quả chính xác về mức độ trung thực hợp lý của khoản mục này và kết luận chung của cuộc kiểm toán tài chính, đến những thông tin mà KTV tư vấn cho khách hàng.

+ Thứ ba: Kiểm toán BCTC nói chung và kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong Công ty TNHH Kiểm toán Unistars còn tồn tại những hạn chế cần phải khắc phục. Chính vì vậy, để phát triển thương hiệu và ngày càng nâng cao chất lượng của cuộc kiểm toán thì việc hoàn thiện kiểm toán khoản mục hàng tồn kho là một đòi hỏi tất yếu được đặt ra đối với công ty.

3.2 NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện

Để đảm bảo cho việc hoàn thiện kiểm toán HTK trong kiểm toán BCTC có tính khả thi thì các nội dung đưa ra phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Phải phù hợp với chính sách, chế độ quản lý kinh tế của nhà nước, các chuẩn mực kiểm toán đã ban hành.

- Phải phù hợp với đặc điểm của từng công ty kiểm toán và có ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm toán của các công ty.

- Phải đơn giản, dễ thực hiện.

- Đảm bảo nguyên tắc hiệu quả và tiết kiệm.

3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện

Để công tác hoàn thiện kiểm toán HTK thực sự mang lại tình hiệu quả, đáp ứng được những nhiệm vụ quy định thì đơn vị kiểm toán cần đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

- KTV khi tiến hành kiểm toán HTK phải tuân thủ nghiêm chỉnh các kiến nghị đã đưa ra.

- KTV phải có đủ trình độ. Vì khoản mục HTK luôn được đánh giá là phức tạp và trọng yếu nên khi bố trí nhân sự, đơn vị cần ưu tiên những KTV có kinh nghiệm, hiểu biết về hoạt động kinh doanh của KH.

- Doanh nghiệp được kiểm toán phải cung cấp đầy đủ các tài liệu có liên quan phục vụ cho quá trình kiểm toán.

3.3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

3.3.1 Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

+ Hoàn thiện thiết kế chương trình kiểm toán: Với việc áp dụng chương trình kiểm toán mẫu cho từng khoản mục, công ty nên vận dụng linh hoạt, sáng tạo, xây dựng cho từng loại khách hàng, nhất là với khoản mục hàng tồn kho. Với doanh nghiệp sản xuất thì các nghiệp vụ về hàng tồn kho phát sinh rất lớn và phong phú và phức tạp hơn, còn đối với các doanh nghiệp thương mại dịch vụ thì đơn giản hơn. Chỉ vì vậy, không thể một chương trình kiểm toán mẫu có thể hiệu quả cho tất cả các cuộc kiểm toán. Chương trình kiểm toán mẫu nên mở rộng cho một số loại khách hàng như doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp tài chính và có chú trọng tới quy mô doanh nghiệp.

3.3.2 Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán

+ Thứ nhất: Hoàn thiện việc tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho: Trước khi tham gia chứng kiến kiểm kê, KTV cần xem xét lại các thông tin về đặc điểm kinh doanh của đơn vị, đặc điểm các mặt hàng mà đơn vị sản xuất kinh doanh, xác định mức độ phức tạp và tính đặc thù đối với HTK của đơn vị KH, từ đó dự kiến nhu cầu sử dụng chuyên gia tư vấn trong việc xác định giá trị và chất lượng của HTK.

Tùy vào từng đối tượng KH, KTV nên sử dụng hợp lý phương pháp kiểm kê chọn mẫu hoặc kiểm kê toàn bộ, một mặt đảm bảo chất lượng của cuộc kiểm kê, một mặt đảm bảo chi phí kiểm toán.

+ Thứ hai: Quy định rõ ràng trong việc thuê chuyên gia để tham gia chứng kiến kiểm kê khi tham gia chứng kiến kiểm kê ở những đơn vị KH có những loại hàng hóa có tính chất đặc biệt mà KTV không thể đánh giá được giá trị của nó nếu không có ý kiến tư vấn của các chuyên gia.

+ Thứ ba: Hoàn thiện khâu tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ: Khi đánh giá hệ thống KSNB tại đơn vị KH, thay vì chỉ sử dụng một hình thức là bảng hỏi, KTV có thể sử dụng kết hợp thêm với hình thức vẽ lưu đồ hoặc bảng tường thuật. Việc làm này sẽ giúp KTV

có một cái nhìn tổng quát hơn về hệ thống KSNB của KH từ đó dễ dàng nhận ra các điểm mạnh, điểm yếu của hệ thống KSNB đối với khoản mục HTK, tạo cơ sở cho việc thiết kế các thử nghiệm kiểm soát cũng như các thủ tục kiểm tra chi tiết sau này.

Việc thực hiện đánh giá hệ thống KSNB nên được thực hiện dựa trên những thông tin mà KTV tiến hành phỏng vấn thu thập được với những thông tin kết quả được trình bày trên báo cáo kiểm kê về kho bãi, cách thức bảo quản, quy trình nhập xuất hàng hóa. Mặt khác, đối với những KH thường niên, việc đánh giá hệ thống KSNB không nên chỉ thực hiện dựa trên việc tham khảo hồ sơ kiểm toán năm trước mà KTV phải tiến hành thực hiện chi tiết, cẩn thận, kỹ lưỡng như với các KH kiểm toán năm đầu tiên.

+ Thứ tư: Hoàn thiện phương pháp chọn mẫu: Trên thực tế có rất nhiều phương pháp chọn mẫu trong kiểm toán. Để có thể chọn được những mẫu có tính đại diện cao, KTV nên sử dụng kết hợp nhiều phương pháp chọn mẫu khác nhau. KTV nên tăng cường chọn mẫu ngẫu nhiên với các nghiệp vụ có đặc điểm tương tự nhau. Đồng thời, kết hợp với phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên, chọn mẫu theo xét đoán của KTV để không bỏ sót những nghiệp vụ mà KTV nhận thấy có dấu hiệu bất thường...

Hiện nay, với sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, Công ty nên xây dựng và sử dụng các phần mềm chuyên ngành để chọn mẫu kiểm toán. Việc chọn mẫu ngẫu nhiên qua máy tính sẽ giúp KTV tiết kiệm thời gian cũng như tăng bớt các sai sót trong quá trình chọn mẫu. Cách này có ưu điểm là mang tính xác suất cao đồng thời giúp cho việc vi tính hoá công tác kiểm toán, việc tính toán của KTV cũng chính xác hơn, tiết kiệm thời gian. Kết hợp cả kinh nghiệm đánh giá của KTV đối với mẫu chọn để đạt được hiệu quả cao nhất.

+ Thứ năm: Hoàn thiện thủ tục phân tích: Tại Unistars việc thực hiện các thủ tục phân tích còn chưa được thực hiện nhiều, KTV mới chỉ phân tích số liệu năm nay với năm trước mà chưa có sự phân tích với các doanh nghiệp cùng loại hình sản xuất và cùng quy mô. Việc này làm tăng chất lượng của việc thực hiện kiểm toán, điều này cũng có thể làm cho quá trình thực hiện các thủ tục chi tiết diễn ra phức tạp hơn và không tiết kiệm được chi

phí kiểm toán. Do đó trong quá trình thực hiện thủ tục phân tích công ty nên gắn liền việc phân tích với xu hướng chung của ngành, hay của nền kinh tế nói chung hoặc có thể dựa vào các thông tin phi tài chính để kiểm tra tính hợp lý của HTK một cách đầy đủ và đáng tin cậy nhất. KTV cần tiến hành thu thập các số liệu chung của nền kinh tế về ngành nghề mà KH kinh doanh và qua đó thực hiện các thủ tục phân tích so sánh số liệu bình quân ngành để có được những nhận định khách quan về tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị KH

+ Thứ sáu: Hoàn thiện phương pháp kiểm tra tính đúng kỳ của nghiệp vụ: Việc kiểm tra tính đúng kỳ của các nghiệp vụ liên quan đến HTK trong quá trình kiểm toán tại Unistars chưa được chú ý nhiều và chưa bám sát với chương trình kiểm toán mà công ty đã lập ra. Để đảm bảo cho cuộc kiểm toán đạt hiệu quả cao, cũng như đối với kiểm toán doanh thu, khi kiểm toán HTK, KTV nên chú ý kiểm tra tính đúng kỳ (cut-off) của các nghiệp vụ nhập xuất kho, kiểm tra các nghiệp vụ sau ngày khóa sổ kế toán 3 (hoặc 5, 10) ngày tùy thuộc vào quy mô và đặc điểm của từng đơn vị, việc ghi sổ các nghiệp vụ nhập xuất kho không đúng kỳ sẽ ảnh hưởng tới số dư HTK cuối kỳ của đơn vị, từ đó ảnh hưởng tới kết quả trên Bảng CĐKT. Đảm bảo thực hiện kiểm tra tính đúng kỳ sẽ làm tăng rủi ro kiểm toán từ đó nâng cao chất lượng cuộc kiểm toán.

+ Thứ bảy: Hoàn thiện phương pháp kiểm tra lập dự phòng tăng giá hàng tồn kho. Để có thể tiến hành kiểm tra việc trích lập dự phòng tăng giá HTK, KTV cần thu thập được thông tin về chất lượng, tình trạng của hàng hóa tồn kho của đơn vị có được từ việc tham gia chứng kiến kiểm kê. Do đó, khi tìm hiểu đặc điểm kinh doanh, đặc điểm HTK của đơn vị, công ty cần có kế hoạch phân công những KTV có trình độ, am hiểu về HTK của đơn vị (hoặc có thể cần phải thuê chuyên gia kỹ thuật) để có thể xác định được tình trạng của hàng hóa, đồng thời có thể ước tính được giá trị thị trường của hàng hóa đó tại thời điểm cuối năm.

Khi tiến hành kiểm toán, căn cứ từ thông tin trên Biên bản kiểm kê, KTV có thể ước tính được Giá trị thuần có thể thực hiện được của những hàng hóa mà KTV nghi ngờ đã lỗi thời, lạc hậu,...so sánh với giá gốc mà kế toán đơn vị ghi sổ để ước tính số trích lập dự phòng tăng giá HTK.

3.3.3 Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán

+ Tài liệu mà KTV cung cấp là các bằng chứng quan trọng trong quá trình kiểm toán để hình thành ý kiến của KTV và để chứng minh rằng cuộc kiểm toán được tiến hành theo đúng kế hoạch và đúng chuẩn mực. Do vậy, Unistars cần tổ chức và lưu trữ tài liệu một cách hợp lý, khoa học, có cơ sở, có hệ thống. Trong quá trình làm việc, KTV nên ghi chép một cách cẩn thận hơn, đầy đủ hơn. GTLV của KTV cần được lưu trữ, sắp xếp trong hồ sơ kiểm toán theo đúng ký hiệu tham chiếu.

3.4 ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP

3.4.1 Về phía Nhà nước

Tiếp tục tiến hành rà soát, cập nhật và hoàn thiện nội dung các chuẩn mực kế toán, kiểm toán. Thu hẹp khoảng cách khác biệt chuẩn mực Việt Nam và chuẩn mực Quốc tế.

Khẩn trương ban hành đầy đủ các nghị định, thông tư hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện Luật kiểm toán độc lập.

Sự hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về trách nhiệm pháp lý về trách nhiệm của các công ty kiểm toán đối với chất lượng của hợp đồng kiểm toán, các quy định về bảo hiểm nghề nghiệp bắt buộc, các chế tài xử phạt vi phạm đạo đức nghề nghiệp của KTV phải được tăng cường.

Lực lượng, cơ chế, điều kiện vật chất phải được chuẩn bị tốt để quốc tế hóa năng lực, chứng chỉ hành nghề của KTV Việt Nam, đạt tới sự công nhận giữa các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

3.4.2 Về phía hiệp hội nghề nghiệp

Hiệp hội kế toán và kiểm toán đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng các cuộc kiểm toán BCTC, hiệp hội nghề nghiệp nên tổ chức các diễn đàn về kế toán- kiểm toán nhằm giúp các hội viên tăng cường việc trao đổi các chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tạo điều kiện có cơ hội trau dồi kinh nghiệm

Hiệp hội kế toán và kiểm toán nên tiếp tục tổ chức nhiều chương trình đào tạo để nâng cao trình độ cho các kiểm toán viên, cập nhật kịp thời các kiến thức mới.

Bên cạnh đó, hiệp hội cần triển khai các quy định nhằm tăng cường kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán. Thông qua việc định kỳ kiểm tra đối với các công ty kiểm toán đã đăng ký, nhằm đánh giá mức độ tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp trong quá trình thực hiện kiểm toán và phát hành các báo cáo kiểm toán.

3.4.3 Về phía các kiểm toán viên

KTV là chủ thể hoạt động kiểm toán, là những người thực hiện cuộc kiểm toán và đưa ra báo cáo kiểm toán. Chính vì vậy, để hoàn thiện quy trình kiểm toán BCTC nói chung và kiểm toán HTK nói riêng thì cố gắng từ phía KTV là điều không thể thiếu. KTV cần rèn luyện trau dồi kiến thức chuyên môn nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và có những hiểu biết nhất định về pháp luật Việt Nam để có thể thực hiện cuộc kiểm toán tốt nhất có thể. Đạo đức nghề nghiệp đối với bất kỳ nghề nào cũng quan trọng nhưng đặc biệt đối với nghề kiểm toán thì vấn đề này càng được đặt lên hàng đầu do kết quả kiểm toán sẽ ảnh hưởng tới quyết định của rất nhiều những đối tượng sử dụng thông tin. Một kết quả sai lệch có thể dẫn tới hậu quả khôn lường đối với doanh nghiệp, nhà cung cấp, KH, ngân hàng, nhà đầu tư chứng khoán... Chính vì vậy, việc trang bị kiến thức chuyên môn của KTV cần đi đôi với tôn trọng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.

KẾT LUẬN

Ngày nay, trong xu thế hội nhập kinh tế, hoạt động kiểm toán mà cụ thể là kiểm toán độc lập là nhu cầu rất thiết yếu vì lợi ích của chính bản thân các doanh nghiệp, của các nhà đầu tư trong và ngoài nước...

Với mục tiêu trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán hàng tồn kho. Kết quả nghiên cứu của Luận văn cơ bản đã đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu đề tài, cụ thể trên các khía cạnh sau:

1. Nghiên cứu, hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính.

2. Luận văn đã trình bày, phân tích, đánh giá thực trạng kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars. Từ đó chỉ rõ những thành tựu, hạn chế trong công tác này cũng như nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế đó.

3. Trên cơ sở lý luận và thực trạng kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars. Tác giả Luận văn đã đưa ra các giải pháp hoàn thiện kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars.

Tác giả hy vọng kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần nâng cao hiệu quả kiểm toán khoản mục hàng tồn kho cũng như nâng cáo hiệu quả kiểm toán báo cáo tài chính.

Sinh viên

Nguyễn Thị Giang

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “Lý thuyết kiểm toán”: Chủ biên T.S Nguyễn Viết Lợi, Th.S Đậ Ngọc Châu – NXB Tài Chính
2. Giáo trình “Kiểm toán Báo cáo tài chính”: Chủ biên Th.S Đậ Ngọc Châu, T.S Nguyễn Viết Lợi – NXB Tài Chính
3. Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam: Vụ chế độ kế toán, Bộ tài chính – NXB Tài Chính
4. Hồ sơ kiểm toán chung, File tài liệu kiểm toán Báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars
5. Trang web: www.kiemtoan.com.vn
6. Trang web: www.vacpa.gov.org
7. Các luận văn khóa trước

PHỤ LỤC

Phụ lục số 2.1: Giấy tờ làm việc của KTV – Chấp nhận duy trì khách hàng cũ và đánh giá rủi ro hợp đồng.

Phụ lục số 2.2: Hợp đồng kiểm toán

Phụ lục số 2.3: Thư hẹn kiểm toán

Phụ lục số 2.4: Giấy tờ làm việc của KTV- Soát xét các yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập và đạo đức nghề nghiệp của KTV.

Phụ lục số 2.5: Giấy tờ làm việc của KTV-Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động

Phụ lục số 2.6: Giấy tờ làm việc của KTV- Xác định mức độ trọng yếu kế hoạch - thực hiện

Phụ lục số 2.7: Giấy tờ làm việc của KTV - Kế hoạch kiểm toán tổng thể

Phụ lục số 2.8 - Chương trình kiểm toán

Phụ lục số 2.9: Giấy tờ làm việc của KTV – Thuyết minh quy trình sản xuất của đơn vị.

Phụ lục số 2.10: Giấy tờ làm việc của KTV- Tìm hiểu về chính sách kế toán

Phụ lục số 2.11: Giấy tờ làm việc của KTV- Bảng số liệu tổng hợp số liệu

Phụ lục số 2.12: Giấy tờ làm việc của KTV: Tổng hợp, đối chiếu số liệu hàng tồn kho và chỉ tiêu phân tích

Phụ lục số 2.13: Giấy tờ làm việc của KTV-Chương trình quan sát, chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho

Phụ lục số 2.14: Giấy tờ làm việc của KTV - Đối chiếu số liệu kiểm kê với số liệu sổ sách.

Phụ lục số 2.15: Giấy tờ làm việc của KTV- Tính cỡ mẫu

Phụ lục số 2.16: Giấy tờ làm việc của KTV- Kiểm tra tính giá HTK theo phương pháp bình quân gia quyền

Phụ lục số 2.17: Báo cáo kiểm toán

PHỤ LỤC SỐ 2.1: GIẤY TỜ LÀM VIỆC CỦA KTV- CHẤP NHẬN DUY TRÌ KHÁCH HÀNG CŨ VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO HỢP ĐỒNG

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Mã **A310**

Tên khách hàng:	Công ty TNHH JT		Tên	Ngày
Kỳ kế toán	01/01/2017 đến 31/12/2017	Người lập CT	Đ Đ Đ	02/03/2017
Nội dung:	CHẤP NHẬN, DUY TRÌ KHÁCH HÀNG CŨ VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO HỢP ĐỒNG	Người soát xét 1		
		Người soát xét 2		

A. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH JT
2. Tên và chức danh của người liên lạc chính:
3. Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Lạc Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên
4. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH
5. Năm tài chính: từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017
6. Các thành viên trong ban Giám đốc

Họ và tên Chức vụ

7. Mô tả quan hệ kinh doanh ban đầu được thiết lập như thế nào:

Do muốn xác nhận tính trung thực hợp lý của BCTC, Công ty JT đã liên hệ với Cty kiểm toán Unistars. Theo đơn vị đánh giá công ty kiểm toán Unistars là công ty có đầy đủ uy tín và năng lực đáp ứng được các tiêu chuẩn của đơn vị. Chính vì vậy đơn vị đã liên hệ với công ty kiểm toán Unistars để cùng nhau thực hiện hợp đồng kiểm toán.

8. Họ và tên người đại diện cho DN :

Địa chỉ:

9. Tên ngân hàng DN có quan hệ

Địa chỉ

10. Mô tả ngành nghề kinh doanh của DN và hàng hóa, dịch vụ cung cấp, bao gồm cả các hoạt động độc lập hoặc liên kết.

Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su

Sản xuất các sản phẩm từ plastic

Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu

Sản xuất khác chưa được phân vào đâu

Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác

Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ, các sản phẩm tre, nứa, và vật liệu tết bện

Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy, bìa chưa được phân vào đâu

in ấn

11. Giá trị vốn hóa thị trường của DN (đối với công ty niêm yết)

N/A

12. Chuẩn mực và Chế độ kế toán mà DN áp dụng trong việc lập và trình bày BCTC

Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam

13. Chuẩn mực kiểm toán mà KTV áp dụng làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán

Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam

14. Các dịch vụ và báo cáo được yêu cầu là gì và ngày hoàn thành.

Công ty Kiểm toán Unistars sẽ cung cấp cho Công ty JT dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính và sau khi hoàn thành công việc

kiểm toán, Công ty Unistars sẽ cung cấp cho khách hàng : Báo cáo kiểm toán về BCTC cho năm kết thúc ngày 31/12/2017 của

công ty JT. Thư quản lý (nếu có) liên quan đến điểm yếu của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ

15. Mô tả tại sao DN muốn có BCTC được kiểm toán và các bên liên quan cần sử dụng BCTC đó

Công ty JT muốn có BCTC được kiểm toán là để xác nhận tính trung thực hợp lý của các tài liệu, sổ sách kế toán và BCTC của

đơn vị. Công ty muốn thấy rõ những tồn tại, sai sót của mình để khắc phục nhằm nâng cao chất lượng của thông tin tài chính

và có được BCTC minh bạch để các ngân hàng, các tổ chức tín dụng xem xét cho vay vốn, nhà cung cấp có thể xem xét chính

sách mua chịu.

B. THỦ TỤC KIỂM TOÁN

	Có	Không	Không áp dụng
Các sự kiện của năm hiện tại			
Cty có đầy đủ nhân sự có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và các nguồn lực cần thiết để tiếp tục phục vụ KH	v		
Có bất cứ nghi ngờ nào phát sinh trong quá trình làm việc liên quan đến tính chính trực của ban giám đốc		v	
Có các giới hạn về phạm vi kiểm toán dẫn đến việc ngoại trừ trên BCKT năm nay.		v	
Liệu có dấu hiệu nào về sự lặp lại về những giới hạn tương tự như vậy trong tương lai không.			v
BCKT năm trước có bị ngoại trừ.	v		
có nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của KH		v	
Mức phí			
Tổng chi phí từ KH chiếm một phần lớn trong tổng doanh thu của Công ty		v	
Phí của KH có chiếm một phần lớn trong thu nhập của thành viên BGĐ phụ trách hợp đồng kiểm toán.		v	
Có khoản phí nào quá hạn phải thu trong thời gian quá dài		v	
Quan hệ với KH			
Cty hoặc thành viên của nhóm kiểm toán, trong phạm vi chuyên môn có tham gia vào việc bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến KH		v	
Thành viên BGĐ phụ trách hợp đồng kiểm toán và trưởng nhóm kiểm toán có tham gia kiểm toán quá 3 năm liên tiếp		v	
		v	

Thành viên BGD của cty hoặc thành viên của nhóm kiểm toán có quan hệ gia đình hoặc quan hệ cá nhân, quan hệ kinh tế gần gũi với KH, nhân viên hoặc BGD của KH			
Cty hoặc thành viên của nhóm kiểm toán là thành viên của quỹ nắm giữ cổ phiếu của KH.		v	
Có ai trong số những người dưới đây hiện là nhân viên hoặc giám đốc của KH: -Thành viên của nhóm kiểm toán (kể cả thành viên BGD) -Thành viên BGD của công ty -Cựu thành viên BGD của Cty -Các cá nhân có quan hệ thân thiết hoặc quan hệ gia đình với những người nêu trên		v	
Có thành viên BGD hoặc thành viên nào của nhóm kiểm toán sắp trở thành nhân viên của KH.		v	
Liệu có các khoản vay hoặc bảo lãnh, không giống với hoạt động kinh doanh thông thường, giữa KH và Cty hoặc thành viên của nhóm KT		v	
Mâu thuẫn lợi ích			
Có bất cứ mâu thuẫn về lợi ích giữa KH này với các KH hiện tại khác		v	
Cung cấp các dịch vụ ngoài kiểm toán			
Cty có cung cấp các dịch vụ nào khác cho KH có thể ảnh hưởng đến tính độc lập.		v	
Khác			
Có các yếu tố khác khiến chúng ta phải cân nhắc việc từ chối hoặc bỏ nhiệm vụ làm kiểm toán.		v	

III. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ RỦI RO HỢP ĐỒNG

Cao Trung bình v Thấp

Rủi ro được đánh giá ở mức độ trung bình.

IV. GHI CHÚ BỔ SUNG

Chấp nhận khách hàng cũ

V. KẾT LUẬN

Chấp nhận khách hàng

PHỤ LỤC SỐ 2.2: HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

Số 5025/HĐKT-BCTC/UNISTARS

(V/v: Kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty TNHH JT)

Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ vào luật kiểm toán độc lập 67/2011/QH12, ngày 29 tháng 03 năm 2011, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011.

Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán.

Căn cứ vào yêu cầu của Công ty TNHH JT và khả năng đáp ứng của Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế UNISTARS.

Hợp đồng được ký kết vào ngày 01 tháng 3 năm 2017, giữa các bên:

BÊN A: CÔNG TY TNHH JT (Dưới đây gọi tắt là bên A)

Người đại diện:

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Lạc Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

Mã số thuế

Tài khoản số:

Tại ngân hàng:

Bên B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Người đại diện: Đoàn Tiến Hưng

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 09 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Làng Quốc tế Thăng Long, Số 72 Trần Đăng Ninh, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Mã số thuế:

Tài khoản số:

Tại ngân hàng:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B – Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế UNISTARS sẽ cung cấp cho bên A – Công ty TNHH JT dịch vụ Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH JT

ĐIỀU 2: LUẬT ĐỊNH VÀ CHUẨN MỤC

- Dịch vụ kiểm toán được tiến hành theo Luật kiểm toán độc lập 67/2011/QH12, ngày 29 tháng 3 năm 2011, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp số 9 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 và theo các chuẩn mực kiểm toán hiện hành của Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi bên B phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra và thực hiện các thử nghiệm cơ bản để thu thập bằng chứng cho những khoản mục và các thông tin trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo Tài chính
- Do bản chất và những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị, có những rủi ro khó tránh khỏi, ngoài những khả năng của kiểm toán viên và Công ty kiểm toán trong việc phát hiện hết các sai sót.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- Đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ cho bên B các thông tin cần thiết có liên quan đến cuộc kiểm toán gồm chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu có liên quan khác theo yêu cầu của bên B.
- Báo cáo tài chính dùng để kiểm toán phải được bên A, các đơn vị trực thuộc bên A ký và đóng dấu chính thức và cung cấp cho bên B trước khi bên B tiến hành công việc kiểm toán. Chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của các thông tin đã cung cấp cho bên B, và có xác nhận bằng văn bản về các thông tin theo yêu cầu của bên B.

- Cử nhân viên tham gia phối hợp với bên B và tạo điều kiện thuận lợi để bên B có thể xem xét tất cả chứng từ, sổ kế toán và các thông tin khác cần thiết cho cuộc kiểm toán.
- Bố trí địa điểm làm việc và tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ của bên B được cử đến để thực hiện các nội dung được ghi trong Hợp đồng.
- Thanh toán cho bên B phí kiểm toán đúng thời hạn thỏa thuận trong điều 7 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- Thực hiện kiểm toán theo đúng các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam có liên quan.
- Đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc độc lập, khách quan và bí mật về số liệu, chứng từ có liên quan trong quá trình kiểm toán.
- Xây dựng kế hoạch kiểm toán và thông báo bằng văn bản cho bên A được biết và có kế hoạch phối hợp thực hiện.
- Cử các kiểm toán viên có năng lực và có kinh nghiệm đến bên A để thực hiện công việc kiểm toán theo nội dung đã nêu tại điều 1 của Hợp đồng. Danh sách các chuyên gia kiểm toán sẽ được gửi cho bên A trước khi triển khai và duy trì trong suốt thời gian thực hiện kiểm toán. Trong trường hợp phải thay đổi nhân sự kiểm toán, Bên B phải thông báo trước bằng văn bản và được sự đồng ý của bên A.
- Lập và bàn giao các Báo cáo kiểm toán cho bên A theo đúng thỏa thuận tại điều 5 của Hợp đồng, Cung cấp đầy đủ hóa đơn tài chính sau khi kết thúc công việc kiểm toán theo quy định.
- Có trách nhiệm trả lời, phối hợp với bên A cung cấp đầy đủ hồ sơ tài liệu có liên quan đến cuộc kiểm toán mà kiểm toán viên nội bộ thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung liên quan đến năm tài chính mà bên B thực hiện kiểm toán (nếu có).
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bên A về dịch vụ kiểm toán đã cung cấp. Khi có bất đồng hoặc tranh chấp về kết quả kiểm toán liên quan đến hợp đồng kiểm toán này sẽ được giải quyết theo Luật kiểm toán độc lập 67/2011/QH12, ngày 29 tháng 3 năm 2011, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 5: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

- Sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH JT

- Các Báo cáo kiểm toán nói trên sẽ được lập thành 6 bản bằng tiếng Việt, 4 bản tiếng Anh, trong đó Bên A giữ 5 bản tiếng Việt và 3 bản tiếng Anh và Bên B giữ 1 bản tiếng Việt, 1 bản tiếng Anh

ĐIỀU 6: THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Bên B sẽ thực hiện công tác kiểm toán tại văn phòng của Bên A, thời gian thực hiện các công việc kiểm toán sẽ được tiến hành theo kế hoạch do hai bên thống nhất.
- Trong trường hợp có sự thay đổi về thời gian thực hiện hai bên sẽ tiến hành trao đổi và thống nhất bằng văn bản để điều chỉnh lại kế hoạch cho phù hợp.

ĐIỀU 7: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: 40.000.000 VND (Bốn mươi triệu đồng chẵn).

Phí dịch vụ đã bao gồm toàn bộ các chi phí ăn, ở, đi lại và các phụ phí khác, nhưng chưa bao gồm 10% thuế GTGT.

- Phương thức thanh toán

Lần 1: Thanh toán 50% sau khi ký hợp đồng

Lần 2: Thanh toán 50% còn lại sau khi nhận được đầy đủ Báo cáo Kiểm toán nêu ở Điều 5 của hợp đồng và nghiệm thu thanh lý hợp đồng này.

Phí kiểm toán sẽ được Bên A thanh toán bằng VNĐ vào tài khoản của Bên B theo số tài khoản đã ghi trong hợp đồng.

ĐIỀU 8: CAM KẾT THỰC HIỆN

- Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản theo địa chỉ đã ghi trên đây.
- Trường hợp hai bên không tự giải quyết được tranh chấp sẽ được giải quyết theo các quy định pháp luật hiện hành tại Việt Nam.

ĐIỀU 9: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có hiệu lực từ ngày có đủ chữ ký và dấu. Mỗi bên giữ 02 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.
- Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi thanh lý hoặc hai bên cùng nhất trí hủy bỏ hợp đồng.

Đại diện Bên A
CÔNG TY TNHH JT
Giám đốc

Đại diện Bên B
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars
Giám đốc

PHỤ LỤC SỐ 2.3: THƯ HẸN KIỂM TOÁN

A212

Thư hẹn kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Tầng 09 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Làng Quốc tế Thăng Long, Số 72 Trần Đăng Ninh, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Điện thoại: (04) 3 793 2296/98 Fax: (04) 3 793 2295

Hà Nội, ngày 02/03/2017

Kính gửi: Ban giám đốc Công ty TNHH JT

Từ: Ông Đỗ Đức Duy – Trưởng phòng Kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars

V/v: KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH JT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

Thưa Quý vị,

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng và lời cảm ơn về sự tín nhiệm của Quý vị đối với những dịch vụ chuyên ngành của chúng tôi trong những năm qua.

Chúng tôi hân hạnh gửi tới Quý vị bức thư về dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Quý công ty.

Công việc thực hiện

Kiểm toán báo cáo tài chính

-Chúng tôi sẽ tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (hoặc chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp nhận) và các quy định hiện hành của Việt Nam.

-Công ty TNHH JT có trách nhiệm lưu giữ chứng từ, sổ kế toán, các tài liệu liên quan; có trách nhiệm lập, ký báo cáo tài chính và cung cấp đầy đủ kịp thời các tài liệu theo yêu cầu của chúng tôi;

-Chúng tôi có trách nhiệm kiểm tra và trình bày ý kiến về báo cáo tài chính; lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán nhằm đưa ra sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi cũng đánh giá việc thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Công ty.

-Do bản chất và hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có những rủi ro khó tránh khỏi, ngoài khả năng của kiểm toán viên và công ty kiểm toán trong việc phát hiện hết các sai sót.

-Kết thúc cuộc kiểm toán, chúng tôi sẽ cung cấp cho Quý vị: Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý (nếu có) bằng Tiếng Việt đề cập những thiếu sót của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ mà chúng tôi phát hiện ra.

-Chúng tôi chịu trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật về kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.

-Công việc được hoàn thành sau 10 ngày, kể từ ngày bức thư này được Quý vị chấp nhận chính thức.

Phí dự tính

Chúng tôi xác định giá phí cho từng loại dịch vụ khác nhau dựa trên mức độ phức tạp và hiệu quả thực tế của công việc hoàn thành. Ngoài ra chúng tôi sẽ tính thêm một số chi phí khác trên cơ sở chứng từ phát sinh thực tế.

Chúng tôi rất vui lòng giải đáp những thắc mắc của Quý vị (nếu có).

Nếu Quý vị chấp nhận Thư hẹn này của chúng tôi, xin vui lòng ký tên xác nhận dưới đây và gửi cho chúng tôi (01) bản.

Chúng tôi hy vọng sớm nhận được sự xác nhận của Quý vị.

Xin chân thành cảm ơn

Kính thư,

Đoàn Tiến Hưng

Giám đốc

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars

Xác nhận của công ty TNHH JT

PHỤ LỤC SỐ 2.4: GIẤY TỜ LÀM VIỆC CỦA KTV-SOÁT XÉT CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍNH ĐỘC LẬP VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA KTV

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Mã **A270**

Tên khách hàng:	Công ty TNHH JT	Tên	Ngày
Kỳ kế toán	01/01/2017 đến 31/12/2017	Người lập CT	Đ Đ D 02/03/2017
Nội dung:	SOÁT XÉT CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍNH ĐỘC LẬP VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA KTV	Người soát xét 1	
		Người soát xét 2	

A. MỤC TIÊU

Đảm bảo không tồn tại các yếu tố trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính độc lập và đạo đức nghề nghiệp của KTV tham gia nhóm kiểm toán

B. NỘI DUNG KIỂM TRA

	Có	Không	Không áp dụng
1/Quan hệ giữa Cty kiểm toán/thành viên nhóm kiểm toán với khách hàng			
a. Có lợi ích tài chính		v	
b. Có khoản nợ, khoản bảo lãnh hoặc quà tặng nhận từ khách hàng		v	
c. Có phụ thuộc vào phí dịch vụ của KH kiểm toán		v	
d. Có lo lắng về khả năng mất hợp đồng.		v	
e. Có quan hệ mật thiết với KH		v	
f. Có khả năng trở thành nhân viên của KH trong tương lai.		v	
g. Có phát sinh phí dịch vụ bất thường liên quan đến hợp đồng kiểm toán.		v	
2/Cty kiểm toán/ thành viên nhóm kiểm toán có khả năng rơi vào trường hợp tự kiểm tra		v	
a. Một thành viên của nhóm kiểm toán gần đây đã/ đang là Giám đốc hoặc nhân viên có ảnh hưởng đáng kể của KH		v	
b. Một thành viên nhóm kiểm toán gần đây đã/ đang là Giám đốc hoặc nhân viên của KH sử dụng dịch vụ đảm bảo, có chức vụ có ảnh hưởng đáng kể và trực tiếp đối với vấn đề trọng yếu của hợp đồng.		v	
c. Có thực hiện ghi sổ kế toán hoặc lập BCTC cho KH		v	
		v	

3. Khả năng bị phụ thuộc vào KH trong việc đưa ra ý kiến: Một thành viên nhóm kiểm toán hoặc Cty kiểm toán rơi vào một trong các trường hợp sau:			
a. Là người trung gian giao dịch hoặc xúc tiến bán các loại cổ phiếu, chứng khoán của KH		v	
b. Đóng vai trò là người bào chữa đại diện cho KH sử dụng dịch vụ dịch vụ đảm bảo trong vụ kiện hoặc khi giải quyết các tranh chấp với bên thứ 3.		v	
4/ Cty Kiểm toán/ thành viên nhóm kiểm toán có quan hệ thân thiết với KH:		v	
a. Thành viên nhóm kiểm toán có quan hệ ruột thịt/ quan hệ thân thiết với nhân viên giữ chức vụ có ảnh hưởng đáng kể và trực tiếp đối với vấn đề trọng yếu của hợp đồng.		v	
b. Có trên 3 năm làm trưởng nhóm kiểm toán cho cùng một KH		v	
c. Có nhận quà tặng, dự chiêu đãi hoặc nhận sự ưu đãi lớn từ khách hàng		v	
5/ Thủ tục khác:		v	

C. KẾT LUẬN

- | | | | |
|---|----|-------|-------|
| 1. Có/ không các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến tính độc lập
Không có các vấn đề ảnh hưởng đến tính độc lập. | Có | Không | v |
| 2. Có/ không thực hiện các hợp đồng kiểm toán | Có | v | Không |

PHỤ LỤC SỐ 2.5: GIẤY TỜ LÀM VIỆC CỦA KTV – TÌM HIỂU KHÁCH HÀNG VÀ MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Mã

A28
0

Tên khách hàng:	Công ty TNHH JT	Tên	Ngày
Kỳ kế toán	01/01/2017 đến 31/12/2017	Đ Đ Đ	02/03/201 7
Nội dung:	TÌM HIỂU KHÁCH HÀNG VÀ MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG		
		Người lập CT	
		Người soát xét 1	
		Người soát xét 2	

A. MỤC TIÊU

Thu thập hiểu biết về KH và môi trường hoạt động để xác định và tìm hiểu các sự kiện, giao dịch và thông lệ kinh doanh của KH có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC, qua đó giúp xác định rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

B. NỘI DUNG CHÍNH

1. Hiểu biết môi trường hoạt động và các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến doanh nghiệp

1.1 Môi trường kinh doanh chung

Trong khó khăn chung của nền kinh tế, đơn vị bị ảnh hưởng lớn đến chính sách tỷ giá do phải nhập khẩu vật tư từ nước ngoài.

Lãi suất phát sinh trong năm cũng có biến động theo sự biến động của lạm phát.

1.2 Các vấn đề về ngành nghề mà đơn vị kinh doanh và xu hướng ngành nghề

Đây là ngành có sự cạnh tranh tương đối khốc liệt với các nhà sản xuất nước ngoài.

1.3. Môi trường pháp lý mà doanh nghiệp đang hoạt động

Doanh nghiệp hoạt động chịu sự điều chỉnh của luật doanh nghiệp Việt Nam 2005, luật kế toán, và các thông tư khác... Thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng ở mức 20%, các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

1.4 Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến doanh nghiệp

Bị ảnh hưởng bởi các yếu tố nhà cung cấp vật tư, thiết bị

2. Hiểu biết về doanh nghiệp

2.1 Các hoạt động và tình hình kinh doanh chủ yếu

sản xuất các sản phẩm khác từ cao su
Sản xuất sản phẩm từ plastic
Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu
Sản xuất khác chưa được phân vào đầu
Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác
Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất các sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy, bìa chưa được phân vào đầu
In ấn

2.2 Sở hữu, các bên liên quan và cấu trúc tổ chức của doanh nghiệp

Sở hữu doanh nghiệp : Công ty TNHH

2.3 Các thay đổi lớn về quy mô hoạt động của DN

Trong năm Công ty không có sự thay đổi lớn nào về vốn, tài sản

2.4 Hiểu biết về hệ thống kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Đơn vị áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 200/2014 TT-BTC

ngày 22/12/2014 sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn khác. Đơn vị tuân thủ luật kế toán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam

Hình thức kế toán áp dụng: Công ty thực hiện hình thức kế toán trên máy vi tính

Đơn vị tiền tệ sử dụng: Công ty sử dụng VNĐ là đơn vị tiền tệ kế toán sử dụng cho việc lập BCTC

Kỳ kế toán: Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm

Các chính sách áp dụng:

Đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: HTK được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc HTK của đơn vị bao gồm: chi phí mua (giá mua và chi phí vận chuyển HTK) và chi phí chế biến để có được

HTK ở trạng thái hiện tại (bao gồm những chi phí liên quan trực tiếp đến SXKD như chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Phương pháp hạch toán HTK: Công ty đang áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán HTK, phương pháp tính giá HTK là phương pháp bình quân gia quyền.

Riêng đối với HTK, hệ thống chứng từ gồm: Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, sổ chi tiết, sổ cái, bảng tổng hợp xuất nhập tồn kho, biên bản kiểm tra chất lượng vật tư, hóa đơn mua hàng... Các sổ kế toán hàng tồn kho được mở đầy đủ và đúng quy định

2.5 Kết quả kinh doanh và thuế

Kết quả kinh doanh năm 2017 tăng so với năm 2016

3. Các vấn đề khác

Địa chỉ của DN và các đơn vị liên quan nếu (có)

Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Lạc Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

C. KẾT LUẬN : Qua quá trình tìm hiểu về khách hàng và môi trường hoạt động bên ngoài cũng như các yếu tố bên trong đơn vị,

KTV nhận thấy kết quả kinh doanh năm 2017 tăng khá cao so với năm 2016, KTV cần phải tìm hiểu thêm vì nghi ngờ có thể

công ty khai khống doanh thu để tình hình kinh doanh được tốt hơn

PHỤ LỤC SỐ 2.6: GIẤY TỜ LÀM VIỆC CỦA KTV XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TRỌNG YẾU KẾ HOẠCH- THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Mã

A710

Tên khách hàng:	Công ty TNHH JT	Tên	Ngày
Kỳ kế toán	01/01/2017 đến 31/12/2017	Người thực hiện Đ Đ Đ	02/03/2017
Nội dung:	XÁC ĐỊNH MỨC TRỌNG YẾU (KẾ HOẠCH - THỰC HIỆN)	Người soát xét 1	03/03/2017
		Người soát xét 2	03/03/2017

A. MỤC TIÊU

Xác định mức trọng yếu (kế hoạch - thực tế) được lập và phê duyệt theo chính sách của Cty để thông báo với thành viên nhóm kiểm toán về mức trọng yếu kế hoạch trước khi kiểm toán tại KH và có trách nhiệm xác định lại mức trọng yếu thực tế trong giai đoạn kết thúc kiểm toán để xác định xem các công việc và thủ tục kiểm toán đã được thực hiện đầy đủ hay chưa.

B. XÁC ĐỊNH MỨC TRỌNG YẾU

Các rủi ro trọng yếu		Năm nay	Năm trước
Tiêu chí được sử dụng để ước tính mức trọng yếu		Doanh thu	Doanh thu
Lý do lựa chọn tiêu chí này để xác định mức trọng yếu	Khoản mục này chứa đựng nhiều rủi ro		
Giá trị tiêu chí được lựa chọn	(a)	244.588.138.601	6.181.440.382

Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu						
	Lợi nhuận trước thuế: 5% - 10%			(b)	1.5%	1%
	Doanh thu: 0,5% - 3%					
	Tổng tài sản và vốn: 2%					
Lý do lựa chọn tỷ lệ này để xác định mức trọng yếu				Việc xác định tỷ lệ phụ thuộc vào khả năng soát xét của kiểm toán viên		
Mức trọng yếu tổng thể				(c)=(a)*(b)	2.121.316.800	61.814.404
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu thực hiện (50%-75%)				(d)	75%	75%
Lý do lựa chọn tỷ lệ này để xác định mức trọng yếu				Hệ thống KSNB của đơn vị được đánh giá ở mức trung bình.		
Mức trọng yếu thực hiện				(e)=(c)*(d)	1.590.987.600	46.360.803
Tỷ lệ sử dụng để ngưỡng sai sót không đáng kể (0% - 4%)				(f)	4%	4%
Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua				(g)=(e)*(f)	63.639.504	1.854.432

Căn cứ vào bảng trên, KTV chọn ra mức trọng yếu để áp dụng khi thực hiện kiểm toán.

STT	Chỉ tiêu lựa chọn	Năm nay/Kế hoạch	Năm trước
1.	Mức trọng yếu tổng thể	2.121.316.800	61.814.404
2.	Mức trọng yếu thực hiện	1.590.987.600	46.360.803
3.	Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua	63.639.504	1.854.432

Giải thích nguyên nhân có chênh lệch lớn về mức trọng yếu của năm nay so với năm trước

Mức chênh lệch năm trước và năm nay có chênh lệch lớn do doanh thu trong năm tăng mạnh

Chữ ký của người thực hiện: _____

Kết luận khác của Thành viên BGD và/hoặc Chủ nhiệm kiểm toán (nếu có):

PHỤ LỤC SỐ 2.7: KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN TỔNG THỂ

Kế hoạch kiểm toán tổng thể

Khách hàng : Công ty TNHH JT

Năm tài chính: 2017

Người lập:.....ngày

Người soát xét.....ngày

Người duyệt.....ngày

1. Thông tin về hoạt động của khách hàng và những thay đổi trong năm kế toán

-Khách hàng: Năm đầu Thường xuyên Năm thứ 2

-Trụ sở chính:

-Điện thoại.....Fax.....Email.....

-Mã số thuế.....

-Giấy phép hoạt động:

sản xuất các sản phẩm khác từ cao su

Sản xuất sản phẩm từ plastic

Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu

Sản xuất khác chưa được phân vào đâu

Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác

Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất các sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện

Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy, bìa chưa được phân vào đâu

In ấn

-Địa bàn hoạt động: Trong và ngoài nước

-Tổng số vốn điều lệ 10.000.000.000, vốn đầu tư 111.152.023.371 đồng.

-Tổng vốn vay: 45.765.880.225 đồng. Tài sản thuê tài chính.....

-Thời gian hoạt động: (TừĐến....., hoặc không có thời hạn): Không quy định.

-Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ

-Ban giám đốc

+ Ông: Giám đốc

+ Ông.....: Phó giám đốc

-Kế toán trưởng: Ông, 10 năm kinh nghiệm làm kế toán trưởng, làm việc tại công ty được 3 năm.

-Tóm tắt các quy chế kiểm soát nội bộ của khách hàng.

-Năng lực quản lý của Ban giám đốc: tương đối tốt, đều là những người được đào tạo từ trình độ đại học trở lên và có nhiều năm tham gia hoạt động quản lý hoạt động kinh doanh.

-Môi trường và lĩnh vực hoạt động của khách hàng:

+Yêu cầu môi trường: Cần phải có trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực kỹ thuật, có sự linh động trong chính sách bán hàng, yêu cầu quản lý.

+Thị trường và mức độ cạnh tranh: thị trường đang ngày càng rộng mở, yêu cầu về dịch vụ đang ngày càng tăng cao

-Đặc điểm hoạt động kinh doanh và các biến đổi trong công nghệ sản xuất kinh doanh

+Rủi ro kinh doanh: cao

+Thay đổi quy mô kinh doanh và các điều kiện bất lợi.

-Tình hình kinh doanh của khách hàng (Sản phẩm, thị trường, nhà cung cấp, chi phí, các hoạt động nghiệp vụ)

+ Những thay đổi về việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới để tiến hành sản xuất sản phẩm. Trong năm 2017, doanh nghiệp không có sự thay đổi nào

+Thay đổi nhà cung cấp: không

+Mở rộng hình thức bán hàng (chi nhánh bán hàng): Không

+Những thay đổi trong năm kiểm toán: Không

2. Các điều khoản của hợp đồng cần nhấn mạnh

-Yêu cầu về thời gian thực hiện: Thực hiện kiểm toán trong tháng 3

-Yêu cầu về tiến độ thực hiện: kiểm toán trong 3 ngày

-Yêu cầu về báo cáo kế toán, thư quản lý: Báo cáo tiếng Việt, gồm 04 quyển báo cáo kiểm toán

3. Hiểu biết về hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ

-Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

-Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

-Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Việt Nam đồng (VNĐ).

-Chuẩn mực kế toán áp dụng: Áp dụng các chuẩn mực kế toán hiện hành.

-Đăng ký kê khai nộp thuế tại: cục thuế tỉnh Hưng Yên

-Tài khoản số:..... ngân hàng

-Chính sách kế toán và những thay đổi chính sách kế toán trong việc lập báo cáo tài chính: Không có

-Các thông tư, các quy định và chế độ phải tuân thủ các sự kiện, các quy định và các nghiệp vụ có ảnh hưởng quan trọng đến báo cáo tài chính: không có

-Ảnh hưởng của những chính sách mới về kế toán và kiểm toán: không có

Kết luận và đánh giá về môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán, hệ thống kiểm soát nội bộ là đáng tin cậy và hiệu quả:

Cao

Trung bình: v

Thấp

4.Đánh giá rủi ro

+Đánh giá rủi ro tiềm tàng

Cao: v

Trung bình:

Thấp

+ Đánh giá rủi ro kiểm toán

Cao:

Trung bình: v

Thấp

+Tóm tắt, đánh giá kết quả của hệ thống kiểm soát nội bộ: Tóm lại, hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị đảm bảo kiểm soát tốt các rủi ro có thể xảy ra trong bộ máy kế toán về kế toán và việc vận hành bộ máy kế toán của đơn vị.

5. Xác định mức độ trọng yếu là:

1	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
2	Lợi nhuận trước thuế		
3	Doanh thu	2,1 tỷ	
4	Tổng tài sản và nguồn vốn		

Lý do lựa chọn mức độ trọng yếu: trung bình

Xác định mức trọng yếu cho từng mục tiêu kiểm toán theo bảng tính mức độ trọng yếu và bảng phân bổ mức độ trọng yếu cho các khoản mục đính kèm có khả năng có nhiều sai sót trọng yếu: trung bình.

6. Phương pháp kiểm toán đối với khoản mục

-Kiểm tra chọn mẫu đối với các nghiệp vụ phát sinh thường xuyên, giá trị nhỏ

-Kiểm tra toàn bộ 100% đối với các nghiệp vụ bất thường, phát sinh lớn và có tính chia cắt niên độ

7. Yêu cầu nhân sự

Giám đốc (phó giám đốc) phụ trách:

-Trưởng nhóm kiểm toán: Đỗ Đức Duy

-Kiểm toán viên: Đinh Lệnh Giang

Trợ lý kiểm toán 1: Thái Thu Phương.

Trợ lý kiểm toán 2: Nguyễn Thị Giang.

8. Các vấn đề khác

-Kiểm toán sơ bộ

-Kiểm kê hàng tồn kho

-Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của đơn vị: Công ty hoạt động có lãi và tình hình tài chính khả quan do đó khả năng hoạt động liên tục của công ty là chắc chắn

-Những vấn đề đặc biệt phải quan tâm

9. Tổng hợp kế hoạch kiểm toán tổng thể

Thứ tự	Yếu tố hoặc khoản mục quan trọng	Rủi ro tiềm tàng	Rủi ro kiểm soát	Mức trọng yếu	Phương pháp kiểm toán	TT kiểm toán	Tham chiếu
1	Phải thu khách hàng	Hạch toán sai niên độ		Cao			
2	Phải trả người bán	Hạch toán sai niên độ		Trung bình			
3	Doanh thu	Hạch toán sai niên độ, hạch toán khi chưa có cơ sở chắc chắn		Cao			
4	Tài sản cố định	Tính có thật của tài sản tăng		Trung bình			
5	Hàng tồn kho	Tính có thật của HTK, sự tính toán và đánh giá, phân loại		cao			

Phân loại chung về khách hàng:

Rất quan trọng:

Quan trọng: v

Bình thường

Khác

PHỤ LỤC SỐ 2.8: GIẤY TỜ LÀM VIỆC CỦA KTV- CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TOÁN HÀNG TỒN KHO

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

[D510](#)

		Tên	Ngày
Tên khách hàng:	CÔNG TY TNHH JT	Người thực hiện	24/10/2017
Ngày khóa sổ:	31/12/2017	Người soát xét 1	
Nội dung:	Chương trình kiểm toán	Người soát xét 2	
		Người soát xét 3	

A. MỤC TIÊU

- + Đảm bảo các khoản mục HTK là có thực, thuộc quyền sở hữu của DN
- + Được hạch toán đầy đủ, chính xác, đúng niên độ và đánh giá theo giá trị thuần;
- + Trình bày trên BCTC phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

B. RỦI RO SAI SÓT TRỌNG YẾU CỦA KHOẢN MỤC

Các rủi ro trọng yếu	Thủ tục kiểm toán	Người thực hiện	Tham chiếu

C. THỦ TỤC KIỂM TOÁN

STT	Thủ tục		Người thực hiện	Tham chiếu
I. Thủ tục chung				
1.	Kiểm tra các nguyên tắc kế toán áp dụng nhất quán với năm trước và phù hợp với quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.		0	D520
2.	2,1	Lập bảng số liệu tổng hợp có so sánh với số dư cuối năm trước	0	D540.B.1.a
	2,2	Đối chiếu các số dư trên bảng số liệu tổng hợp với Bảng CĐPS và giấy tờ làm việc của kiểm toán năm trước (nếu có).	0	D540.B.2.a
II. Kiểm tra phân tích				
1.	So sánh số dư HTK (kể cả số dư dự phòng) và cơ cấu HTK năm nay so với năm trước, giải thích những biến động bất thường.		N/A	
2.	So sánh tỷ trọng HTK với tổng tài sản ngắn hạn năm nay so với năm trước, đánh giá tính hợp lý của những biến động.		N/A	
3.	So sánh thời gian quay vòng của HTK với năm trước và kế hoạch, xác định nguyên nhân biến động và nhu cầu lập dự phòng (nếu có)		N/A	
4.	So sánh cơ cấu chi phí (nguyên vật liệu, nhân công, sản xuất chung) năm nay với năm trước, đánh giá tính hợp lý của các biến động.		N/A	
III. Kiểm tra chi tiết				
	-	VACPA		
1.		Tham gia chứng kiến kiểm kê HTK cuối năm		
	1,1	Xác định tất cả các kho (của DN hoặc đi thuê), hàng ký gửi..., định giá trị các kho và đánh giá rủi ro của từng kho để xác định nơi KTV sẽ tham gia chứng kiến kiểm kê.	N/A	
	1,2	Thực hiện thủ tục chứng kiến kiểm kê theo Chương trình kiểm kê HTK	N/A	
	1,3	Đối với kho đi thuê: Yêu cầu bên giữ kho xác nhận số lượng hàng gửi, nếu trọng yếu.	N/A	
2.		Kiểm tra đối chiếu số liệu chi tiết HTK		
	2,1	Đối chiếu số liệu giữa báo cáo nhập, xuất, tồn kho với số liệu Sổ Cái và BCDPS.	0	D540.B.2
	2,2	Đảm bảo tất cả biên bản kiểm kê đã bao gồm trong Bảng tổng hợp kết quả kiểm kê.	N/A	
	2,3	Đảm bảo Bảng tổng hợp kết quả kiểm kê khớp đúng với các phiếu đếm hàng của DN và kết quả quan sát của KTV (nếu có) và xác nhận của bên thứ ba (nếu có).	N/A	
	2,4	Đối chiếu chọn mẫu số lượng thực tế từ Bảng tổng hợp kết quả kiểm kê với báo cáo nhập, xuất, tồn kho và ngược lại.	0	D521.1
	2,5	Xem xét lại các bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn hàng tháng và đặc biệt số dư HTK cuối năm để phát hiện, soát xét những khoản mục bất thường, tiến hành thủ tục kiểm tra tương ứng.	N/A	
	2,6	Đảm bảo DN đã đối chiếu và điều chỉnh số liệu kế toán với số liệu kiểm kê thực tế.	0	D521.1
3.		Kiểm tra các nghiệp vụ mua hàng trong kỳ:		
	3,1	Kiểm tra chọn mẫu các nghiệp vụ mua hàng nhập kho trong kỳ, đối chiếu nghiệp vụ ghi trên Sổ Chi tiết với các chứng từ liên quan.		D542.B.3.b D543.B.3.b D545.B.3.b D546.B.3.b D547.B.3.b D548.B.3.b
4.		Kiểm tra tính giá		

4.1	Hàng mua đang đi đường:			
	Kiểm tra chọn mẫu các nghiệp vụ mua hàng có giá trị lớn với các chứng từ mua để đảm bảo các số dư hàng đang đi đường tại ngày khóa sổ đã được ghi chép chính xác, đúng kỳ.		0	D541
4.2	Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa:			
	Kiểm tra chọn mẫu báo cáo nhập, xuất, tồn kho một số tháng để đảm bảo DN đã thực hiện nhất quán phương pháp tính giá hàng xuất kho đã lựa chọn.		0	D521.2
4.3	Sản phẩm dở dang:			
	4.3.1	So sánh tỷ lệ phần trăm hoàn thành ước tính dựa trên quan sát tại thời điểm kiểm kê với tỷ lệ được dùng để tính toán giá trị sản phẩm dở dang. Thu thập giải trình hợp lý cho các chênh lệch trọng yếu.	N/A	N/A
	4.3.2	Kiểm tra việc tính toán và phân bổ chi phí sản xuất cho sản phẩm dở dang cuối kỳ.	0	D544
4.4	Thành phẩm:			
-	4.4.1	Đối chiếu số liệu trên bảng tính giá thành với số lượng hàng hóa theo báo cáo sản xuất và chi phí sản xuất trong kỳ.	N/A	N/A
-	4.4.2	Kiểm tra và đánh giá tính hợp lý của việc tập hợp, phân bổ tính giá thành phẩm nhập kho.	0	D544
-	4.4.3	Kiểm tra cách tính giá xuất kho và đối chiếu giá vốn hàng bán (từng tháng, từng mặt hàng) đã ghi nhận giữa Sổ Cái với báo cáo nhập, xuất, tồn thành phẩm, đảm bảo tính chính xác và nhất quán.	0	D521.2
-			0	D545
-	4.4.4	Đối chiếu các chi phí trực tiếp (nguyên vật liệu, nhân công) đến các phân hành liên quan.	0	D544.1
-			0	D544.2
-	4.4.5	Kiểm tra các chi phí ghi thẳng vào giá thành, không qua các tài khoản chi phí.	0	D544.B
-	4.4.6	Phân tích và kiểm tra các chi phí sản xuất chung được tính trong HTK, đánh giá tính hợp lý của các phương pháp phân bổ tính giá thành.	0	D544.3
-	4.4.7	Trường hợp DN hoạt động dưới mức công suất bình thường: xem xét và ước tính chi phí chung cố định dưới mức công suất bình thường không được tính vào giá trị HTK.	N/A	N/A
4.5	Hàng gửi bán:			
	4.5.1	Đối chiếu số lượng hàng gửi bán hoặc gửi thư xác nhận cho bên nhận gửi (nếu cần) hoặc chứng từ vận chuyển, hợp đồng hoặc biên bản giao nhận hàng sau ngày kết thúc niên độ kế toán để đảm bảo tính hợp lý của việc ghi nhận.	0	D547
	4.5.2	Tham chiếu đơn giá hàng gửi bán đến kết quả kiểm tra việc tính giá ở phần Thành phẩm.	0	D521.2
	-	Kiểm tra tính giá xuất kho: đã thực hiện tại D521.2		D521.2
5.	Kiểm tra lập dự phòng giảm giá HTK			

	5,1	<p>Tìm hiểu và đánh giá tính hợp lý của các phương pháp tính dự phòng áp dụng (nếu có).</p> <p>- <i>Kiểm tra tính giá xuất kho: đã thực hiện tại D520</i></p>	0	D549
	5,3	Phân tích lợi nhuận gộp để xem xét liệu có phát sinh HTK có giá thành cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện để xác định nhu cầu lập dự phòng.	0	D549
	5,4	Đảm bảo không có sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán, có ảnh hưởng đến các nghiệp vụ trong năm và giá trị HTK.	0	D549
	5,5	Đánh giá cách xử lý thuế đối với các khoản dự phòng giảm giá đã trích lập.	0	D549
6.	Kiểm tra tính đúng kỳ:			
	Chọn mẫu các nghiệp vụ nhập kho đối với nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ trước và sau _____ ngày lập báo cáo và kiểm tra phiếu nhập, vận đơn, hóa đơn, hợp đồng với báo cáo nhập kho, sổ chi tiết HTK, báo cáo mua hàng để đảm bảo các nghiệp vụ được ghi chép đúng kỳ hạch toán.			
7.	Kiểm tra việc trình bày:			
	Kiểm tra việc trình bày HTK trên BCTC.		N/A	
UNISTARS				
1		Số dư (số lượng, giá trị) tại ngày 31/12/n trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn khớp với số dư ngày 01/01/n+1 đồng thời với việc đối chiếu số liệu HTK (D540)		
2	2.1	Kiểm tra âm kho đầu kỳ, âm cuối kỳ, âm thời điểm, tồn giá trị mà không tồn số lượng và ngược lại đồng thời với việc kiểm tra phương pháp tính giá xuất HTK (D521.2 đến D521.4)		
	2.1	Lưu ý kiểm tra phương pháp tính giá đối với HTK có giá bình quân nhập với giá bình quân xuất với giá bình quân tồn bất thường, biến động lớn đồng thời với việc kiểm tra phương pháp tính giá xuất HTK (D521.2 đến D521.4)		
3		Lưu ý một số trường hợp đặc biệt phải có đầy đủ hồ sơ chứng từ và thông báo với các phân hành liên quan nếu không đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT, không được tính chi phí được trừ, phát sinh thuế nhà thầu (D541 đến D543; D546 đến D548)		
4		Lưu ý việc đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế đối với cơ sở sản xuất (kho bãi, nhà xưởng)		
5		Kiểm tra đơn vị có thủ kho không? Đã in phiếu nhập xuất chưa? Thứ tự của các phiếu đã được đánh liên tục chưa? Chữ ký trên phiếu đã đầy đủ chưa		
6		Có lập thẻ kho để theo dõi không		
7		Lập biểu chi tiết, lập lượng hàng tồn kho hàng tháng trung bình so sánh với số lượng sử dụng trong 3 tháng. Tính vòng quay hàng tồn kho. Tháng 12 chuẩn hoá mẫu.		
8		<p>Trả lại hàng cho nhà cung cấp cần có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có văn bản thỏa thuận. - Xuất hóa đơn để trả lại hàng hóa cho người bán. - Hạch toán điều chỉnh giảm 133, giảm 331, giảm HTK (số lượng và giá trị). - Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, kê khai điều chỉnh giảm đầu vào theo mẫu KHBS. 		
IV. Thủ tục kiểm toán khác				

--	--	--	--	--

D. KẾT LUẬN

Theo ý kiến của tôi, trên cơ sở các bằng chứng thu thập được từ việc thực hiện các thủ tục ở trên, các mục tiêu kiểm toán trình bày ở phần đầu của chương trình kiểm toán đã đạt được, ngoại trừ các vấn đề sau:

Chữ ký của người thực hiện: _____

Kết luận khác của Thành viên BGD và/hoặc Chủ nhiệm kiểm toán (nếu có):

PHỤ LỤC SỐ 2.9: GIẤY TỜ LÀM VIỆC CỦA KTV – THUYẾT MINH QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỦA ĐƠN VỊ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
QUỐC TẾ UNISTARS

D522

		Tên	Ngày
Tên khách hàng:	CÔNG TY TNHH JT	Người thực hiện	42799 24/10/ 2017
Ngày khóa sổ:	31/12/2017	Người soát xét 1	
Nội dung:	Thuyết minh quy trình sản xuất của đơn vị	Người soát xét 2	

A. MÔ TẢ CÔNG VIỆC

Mục đích:

- Tìm hiểu quy trình sản xuất của Doanh nghiệp
Có cái nhìn khái quát về quy trình sản xuất, loại sản phẩm chính, nguyên vật liệu chính và nhà cung cấp chính của đơn vị

Nguồn gốc số liệu:

- Quy trình sản xuất của Doanh nghiệp
- Tổng hợp nhập xuất tồn
- Định mức sản xuất

Cách thức thực hiện:

- Tổng hợp danh mục sản phẩm chính
- Tổng hợp danh mục nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu thay thế
- Tìm hiểu các chứng từ kiểm soát của quy trình sản xuất của đơn vị

B. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Danh mục sản phẩm chính: Liệt kê các danh mục sản phẩm chính của đơn vị

STT	Tên sản phẩm	Tỷ trọng trong tổng doanh thu
-----	--------------	-------------------------------

- 1 Sản phẩm 1
- 2 Sản phẩm 2
- 3 Sản phẩm 3
- 4 Sản phẩm 4
- 5 Sản phẩm 5

2. Cấu thành sản phẩm: Liệt kê các nguyên vật liệu của danh mục sản phẩm chính

Sản phẩm 1

STT	Nguyên vật liệu	Vai trò	Tỷ lệ tương đối trong giá thành	Nhà cung cấp chính
-	NVL1	Nguyên vật liệu chính		
-	NVL2	Nguyên vật liệu chính		
-	NVL3	Nguyên vật liệu phụ		
-	NVL4	Nguyên vật liệu phụ		

Sản phẩm 2

STT	Nguyên vật liệu	Vai trò	Tỷ lệ tương đối trong giá thành	Nhà cung cấp chính
-	NVL1	Nguyên vật liệu chính		
-	NVL2	Nguyên vật liệu chính		
-	NVL3	Nguyên vật liệu phụ		
-	NVL4	Nguyên vật liệu phụ		

3. Quy trình sản xuất của đơn vị

STT	Lưu đồ	Mô tả quy trình	Thủ tục kiểm soát	Thẩm quyền phê duyệt	Tài liệu kèm theo
Bước 1	Xuất NVL vào sản xuất				
Bước 2	Giai đoạn 1				
Bước 3	Giai đoạn 2				
Bước n	Giai đoạn n				
Bước n+1	Nhập thành phẩm				

8

PHỤ LỤC SỐ 2.10: GIẤY TỜ LÀM VIỆC CỦA KTV – TÌM HIỂU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Tên khách hàng:

**CÔNG TY
TNHH JT**

Ngày khóa sổ:

31/12/2017

Nội
dung
:

**Tìm hiểu đặc điểm tài
khoản và chính
sách kế toán**

[D520](#)

Tên

Ngày

Người thực hiện	Đ Đ D	24/10/2017
Người soát xét 1		
Người soát xét 2		

Mục đích: Xem xét sự phù hợp trong việc áp dụng các chính sách nguyên tắc kế toán HTK

Công việc thực hiện: Mô tả việc sử dụng tài khoản của đơn vị so sánh với các quy định về tài khoản theo chế độ kế toán Việt Nam

1. Quan sát, chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho

Kết

luận: Kiểm toán viên có tham gia thực hiện kiểm kê

Ref

[D521.1](#)

2. Đơn vị dùng các tài khoản sau để theo dõi và phản ánh giá trị của Hàng tồn kho như sau:



Tài khoản 151

- - - - -

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hoá, vật tư (Nguyên liệu, vật liệu; công cụ, dụng cụ; hàng hoá) mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bên cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

- Cách sử dụng khác của đơn vị (thuyết minh chi tiết):

Nguyên tắc xác định giá:

Nguyên tắc giá gốc Nguyên tắc khác: Giá trị thuần có thể thực hiện được

Phương pháp tính giá xuất:

Ref

- Bình quân gia quyền từng lần nhập xuất [D521.2](#)
- Bình quân gia quyền cuối kỳ (cuối tháng, cuối quý, cuối năm) [D521.2](#)
- Đích danh [D521.2](#)
- Nhập trước xuất trước [D521.2](#)

Kết luận

- Phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán
- Chính sách kế toán áp dụng nhất quán với năm trước.



Tài khoản 152

- Tài khoản dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp. Nguyên liệu, vật liệu phản ánh vào Tài khoản này được phân loại như sau:

Tên tài khoản	Mã tài khoản	Tên một số vật tư
Nguyên liệu, vật liệu chính	1521	băng dính, băng sợi, vải dẫn điện, vải ni, túi màng, trục bằng thép,...
Vật liệu phụ	1522	bột biền, cao su,...
Nhiên liệu	1523	

- Cách sử dụng khác của đơn vị (thuyết minh chi tiết):

Nguyên tắc xác định giá:

Nguyên tắc giá gốc Nguyên tắc khác: Giá trị thuần có thể thực hiện được

Phương pháp tính giá xuất:

Ref

- Bình quân gia quyền từng lần nhập xuất [D521.2](#)

- Bình quân gia quyền cuối kỳ (cuối tháng, cuối quý, cuối năm) [D521.2](#)
- Đích danh [D521.2](#)
- Nhập trước xuất trước [D521.2](#)

Kết luận

- Phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán
- Chính sách kế toán áp dụng nhất quán với năm trước.

Tài khoản 153

- Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại công cụ, dụng cụ của doanh nghiệp. Công cụ, dụng cụ là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với TSCĐ.

Tên tài khoản	Mã tài khoản	Tên một số vật tư
CCDC	153	hộp giấy, tâm lót, thùng carton, khay chữ u, vách ngăn

- Cách sử dụng khác của đơn vị (thuyết minh chi tiết):

Nguyên tắc xác định giá:

- Nguyên tắc giá gốc
- Nguyên tắc khác: Giá trị thuần có thể thực hiện được

Phương pháp tính giá xuất:

Ref

- Bình quân gia quyền từng lần nhập xuất [D521.2](#)
- Bình quân gia quyền cuối kỳ (cuối tháng, cuối quý, cuối năm) [D521.2](#)
- Đích danh [D521.2](#)
- Nhập trước xuất trước [D521.2](#)

Kết luận

- Phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán
- Chính sách kế toán áp dụng nhất quán với năm trước.

Tài khoản 154

- Tài khoản này dùng để tổng hợp chi phí sản xuất, kinh doanh phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm Chi phí sản xuất, kinh doanh phản ánh trên
- Tài khoản 154 gồm những chi phí sau:

-
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
-
-

Chi phí nhân
 công trực tiếp
 Chi phí sử dụng máy thi công (Đối với
 hoạt động xây lắp);
 Chi phí sản xuất
 chung

- Cách sử dụng khác của đơn vị (thuyết minh chi tiết):

Kết luận

- Phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán
- Chính sách kế toán áp dụng nhất quán với năm trước.

Tài khoản 155

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại thành phẩm của doanh nghiệp

-

Tên tài khoản	Mã tài khoản	Tên một số thành phẩm
Thành phẩm	155	thanh lăn kim loại có bọc cao su
		miếng nhựa mỏng
		thanh lăn xốp
		cuộn dây carbon trong
		bàn phím cao su
		cuộn PET tự dính
		chổi từ tĩnh điện
		băng chổi
		miếng bọt xốp
		đệm lót cao su,...

- Cách sử dụng khác của đơn vị (thuyết minh chi tiết):

Nguyên tắc xác định giá:

Phương pháp tính giá xuất:

- Nguyên tắc giá gốc
- Nguyên tắc khác: Giá trị thuần có thể thực hiện được

Ref

- Bình quân gia quyền từng lần nhập xuất [D521.2](#)
- Bình quân gia quyền cuối kỳ (cuối tháng, cuối quý, cuối năm) [D521.2](#)
- Đích danh [D521.2](#)
- Nhập trước xuất trước [D521.2](#)

Kết luận

- Phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán
- Chính sách kế toán áp dụng nhất quán với năm trước.

PHỤ LỤC SỐ 2.11: GIẤY TỜ LÀM VIỆC CỦA KTV – BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU

D530

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH JT**

Ngày khóa sổ: **31/12/2017**

Nội dung: **Bảng tổng hợp số liệu**

	Tên	Ngày
Người thực hiện	NTG	05/03/2017
Người soát xét 1		
Người soát xét 2		

A. MÔ TẢ CÔNG VIỆC

Mục đích:

- Tổng hợp số liệu đầu năm, cuối năm và số liệu điều chỉnh thuần trong quá trình thực hiện kiểm toán Tổng hợp các kết luận trong quá trình kiểm toán

Nguồn gốc số liệu:

- Cân đối phát sinh
- Sổ chi tiết các tài khoản liên quan

Cách thức thực hiện:

- Điền số liệu vào các cột Cuối kỳ trước KT, Điều chỉnh thuần và Đầu kỳ sau KT Tổng hợp các kết luận trong quá trình kiểm toán

B. NỘI DUNG THỰC HIỆN

TK	Diễn giải	Giấy tờ chi tiết	Cuối kỳ	Điều chỉnh thuần	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			Trước KT		Sau KT	Sau KT
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)= (1)+(2)	(4)
151	Hàng mua đang đi đường	D541	-	-	-	
152	Nguyên vật liệu	D542	85.255.794.962	-	85.255.794.962	18.228.521.887
153	Công cụ dụng cụ	D543	160.446.226	-	160.446.226	881.397.674
154	CP SXKD dở dang	D544	2.815.157.617	-	2.815.157.617	779.170.192

155	Thành phẩm	D545	216.913.374	-	216.913.374	700.921.482
156	Hàng hóa	D546		-	-	
157	Hàng gửi bán	D547	-	-	-	
158	Hàng hóa kho bảo thuế	D548	-	-	-	
159	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Ghi giá trị âm)	D549	-	-	-	-
	Tổng cộng	D540	88.448.312.179	-	88.448.312.179	20.590.011.235
		c/c	TB,GL		B360	B310
						B380 PY

TB,GL: Khớp với số liệu trên bảng CĐPS và Sổ Cái
 PY: Khớp với BCKT năm trước
 c/c: Kiểm tra việc cộng tổng và đồng ý

Tổng hợp kết quả kiểm toán

D540

- Tổng hợp số liệu

Qua trao đổi, kế toán đơn vị cho biết tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị ổn định, không có biến động nhiều so với năm trước, tuy nhiên cuối năm NVL tồn kho tăng 368% và chi phí SXKD dở dang tăng 261% so với cuối năm trước

- Phân tích biến động
Hàng tồn kho cuối kỳ tăng gấp 4 lần so với đầu kỳ
- Kiểm tra số dư đầu kỳ với các tài liệu độc lập
Không phát sinh chênh lệch
- Kiểm tra dư cuối kỳ với các tài liệu độc lập
Không phát sinh chênh lệch

D542

- Kiểm tra số dư đầu kỳ và kiểm tra tính chia cắt niên độ
TK 152 được hạch toán đúng kỳ

- Đối ứng bất thường
Không phát sinh đối ứng bất thường
- Kiểm tra mẫu để đánh giá tính có thật, tính chính xác, tính phù hợp của các nghiệp vụ phát sinh
Các nghiệp vụ phát sinh là có thật, chính xác, tính phù hợp

D543

- Kiểm tra số dư đầu kỳ và kiểm tra tính chia cắt niên độ
TK 153 được hạch toán đúng kỳ
- Đọc lướt sổ cái phát hiện các đối ứng bất thường
Không phát sinh đối ứng bất thường
- Kiểm tra mẫu để đánh giá tính có thật, tính chính xác, tính phù hợp của các nghiệp vụ phát sinh
Các nghiệp vụ phát sinh là có thật, chính xác, phù hợp

D544

- Tổng hợp chi phí sản xuất
- Biên đồ tình hình biến động chi phí sản xuất
Không phát sinh biến động bất thường
- Kiểm tra tiêu thức phân bổ và tính giá thành của đơn vị
Đơn vị sử dụng phần mềm kế toán

D545

- Kiểm tra số dư đầu kỳ và kiểm tra tính chia cắt niên độ
TK 155 hạch toán đúng kỳ
- Đọc lướt sổ cái phát hiện các đối ứng bất thường
Không phát sinh nghiệp vụ bất thường
- Kiểm tra mẫu để đánh giá tính có thật, tính chính xác, tính phù hợp của các nghiệp vụ phát sinh
Các nghiệp vụ phát sinh là có thật, chính xác, phù hợp

D549

- Xác định giá bán ước tính và chi phí bán ước tính
Đơn vị không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

**PHỤ LỤC SỐ 2.12: GIẤY TỜ LÀM VIỆC CỦA KTV – TỔNG HỢP, ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU HÀNG TỒN KHO VÀ CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS**

D540

		Tên	Ngày
Tên khách hàng:	CÔNG TY TNHH JT	Người thực hiện: <i>NTG</i>	05/03/20 17
Ngày khóa sổ:	31/12/2017	Người soát xét 1:	
Nội dung:	<i>Tổng hợp, đối chiếu số liệu hàng tồn kho và chỉ tiêu phân tích</i>	Người soát xét 2:	

A. MÔ TẢ CÔNG VIỆC

Mục đích:

- Tổng hợp số liệu đầu kỳ, phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ của các tài khoản hàng tồn kho, đối chiếu các tài liệu độc lập
- Xác định mức tăng giảm và tỷ lệ tăng giảm của từng tài khoản

Nguồn gốc số liệu:

- Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu, Sổ chi tiết vật tư, tổng hợp nhập xuất tồn, biên bản kiểm kê hàng tồn kho

Cách thức thực hiện:

- Nhập số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ vào các cột số đầu kỳ, phát sinh nợ và phát sinh có, so sánh số liệu giữa các tài liệu độc lập

B. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tổng hợp đối chiếu số liệu

Tổng hợp số liệu

TK	Tên TK	Số đầu kỳ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số cuối kỳ	Tăng/ Giảm	Tỷ lệ	Tham chiếu
----	--------	-----------	--------------	--------------	------------	------------	-------	------------

(a)	(b)	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)	(5)=(4)-(1)	(6)=(5)/(1)%	(c)
151	Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-	-		D541
152	Nguyên liệu, vật liệu	18.228.521.887	186.569.797.074	119.542.523.999	85.255.794.962	67.027.273.075	368%	D542
153	công cụ, dụng cụ	881.397.674	1.196.510.883	1.917.462.331	160.446.226	(720.951.448)	-82%	D543
154	Chi phí SXKH dở dang	779.170.192	184.264.078.350	182.228.090.925	2.815.157.617	2.035.987.425	261%	D544
155	Thành phẩm	700.921.482	182.226.166.602	182.710.174.710	216.913.374	(484.008.108)	-69%	D545
156	Hàng hóa	-	-	-	-	-		D546
157	Hàng gửi đi bán	-	-	-	-	-		D547
158	Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-	-		D548
159	Dự phòng giảm giá HTK	-	-	-	-	-		D549
Cộng(MS 140)		20.590.011.235	554.256.552.909	486.398.251.965	88.448.312.179	67.858.300.944	330%	

GL, PY, BS

GL, BS

GL, BS

GL, BS

Ghi chú

GL

Đã đối chiếu khớp với số liệu sổ cái tài khoản

BS

Đã đối chiếu khớp với số liệu BCDKT trước kiểm toán năm nay

PY

BCTC đã kiểm toán năm trước

Nhận xét

>>

Qua trao đổi, kế toán đơn vị cho biết tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị ổn định, không có biến động nhiều so với năm trước, tuy nhiên cuối năm NVL tồn kho tăng 368% và chi phí SXKD dở dang tăng 261% so với cuối năm trước

2. Kiểm tra đối chiếu số liệu hàng tồn kho với các tài liệu độc lập

Kiểm tra dư cuối kỳ với các tài liệu độc lập

<u>TK</u>	<u>Tên Tk</u>	SDCK trên BCDPS năm nay	Số dư trên THNXT năm nay	Chênh lệch	Tham chiếu tới THNXT	Số dư trên BBKK	Chênh lệch	Tham chiếu việc kiểm tra kiểm kê
(a)	(b)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(c)	(4)	(5)=(1)-(4)	(c)
151	Hàng mua đang đi đường	-	-	-		-	-	D521.1.B.1
152	Nguyên liệu, vật liệu	85.255.794.962	85.255.794.962	-		85.255.794.962	-	D521.1.B.1
153	công cụ, dụng cụ	160.446.226	160.446.226	-		160.446.226	-	D521.1.B.1
154	Chi phí SXKH dở dang	2.815.157.617	2.815.157.617	-		2.815.157.617	-	D521.1.B.1

155	Thành phẩm	216.913.374	216.913.374	-		216.913.374	-	D521.1.B.1
156	Hàng hóa	-	-	-		-	-	D521.1.B.1
157	Hàng gửi đi bán	-	-	-		-	-	D521.1.B.1
158	Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-		-	-	D521.1.B.1
159	Dự phòng giảm giá HTK	-	-	-		-	-	D521.1.B.1

Nhận xét

>>

Không phát sinh chênh lệch

PHỤ LỤC SỐ 2.13: GIẤY TỜ LÀM VIỆC CỦA KTV –CHƯƠNG TRÌNH QUAN SÁT, CHỨNG KIẾN KIỂM KÊ HÀNG TỒN KHO

D521

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH
JT**

Ngày khóa sổ: **31/12/2017**

Nội dung: **CHƯƠNG TRÌNH QUAN SÁT, CHỨNG KIẾN
KIỂM KÊ HÀNG TỒN KHO**

	Tên	Ngày
Người thực hiện	42799	24/10/2017
Người soát xét 1		
Người soát xét 2		

A. MỤC TIÊU

Giúp KTV đánh giá hiệu quả thủ tục kiểm kê HTK của đơn vị; Đảm bảo rằng các thủ tục này được tuân thủ trong suốt quá trình kiểm kê nhằm xác định đầy đủ, chính xác số lượng HTK; Thông qua việc quan sát kiểm kê để thu thập thông tin về tình trạng của HTK như: hàng lỗi thời, chậm luân chuyển, hàng hư hỏng, giảm giá, hàng gửi bên thứ 3. hàng nhận giữ hộ...

B. CÔNG VIỆC THỰC HIỆN

B.1. Các thông tin chung

1.	Ngày kiểm kê	31/12/2017
2.	Địa điểm kiểm kê	Tại doanh nghiệp
3.	KTV tham gia kiểm kê	
4.	Thành viên DN tham gia kiểm kê/ Chức vụ	
5.	Đối tượng kiểm kê	
6.	Mô tả tính chất, đặc điểm của đối tượng kiểm kê	

B.2. Các thủ tục kiểm tra và đánh giá

	Tham chiếu	Có	Không	Không áp dụng
Tổng quan				
1. Đơn vị có lập kế hoạch kiểm kê.		v		
2. Đơn vị có tài liệu hướng dẫn quy trình/cách thức kiểm kê		v		
3. Các thủ tục trong tài liệu hướng dẫn kiểm kê là phù hợp để đảm bảo:		v		
- Đếm và ghi lại đầy đủ số lượng HTK quan sát thực tế		v		
- Xác định chính xác số lượng HTK		v		

- Xử lý các khác biệt về đơn vị đo lường thực tế và đơn vị ghi sổ kế toán		v		
- Xác định đầy đủ các loại HTK của đơn vị khác gửi hoặc HTK gửi tại đơn vị khác		v		
4. Khách hàng đã tuân thủ quy trình kiểm kê theo tài liệu hướng dẫn		v		
<u>Kiểm kê hiện vật</u>				
5. KTV đã quan sát tổng quát kho hàng, nhận diện các chủng loại HTK của DN và khu vực bảo quản, lưu trữ		v		
6. HTK đã được sắp xếp một cách thuận tiện cho việc kiểm kê		v		
7. Việc kiểm soát sản xuất và luân chuyển HTK trong quá trình kiểm kê được thực hiện đầy đủ		v		
8. Các khoản mục HTK không kiểm kê đã được sắp xếp tách riêng		v		
9. KTV đã quan sát quy trình kiểm kê của DN và nhận thấy quy trình kiểm kê đó được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính chính xác		v		
10. KTV đã thực hiện chọn mẫu và kiểm đếm lại một số loại HTK để xác định tính chính xác của thủ tục kiểm kê của DN		v		
11. Các chênh lệch kiểm kê đã được xác định kịp thời và nguyên nhân chênh lệch đã được giải thích hợp lý		v		
12. DN có giám sát và kiểm tra quá trình kiểm kê		v		
13. Sản phẩm dở dang đã được xác định hợp lý theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành		v		
14. KTV đã quan sát toàn bộ cuộc kiểm kê đã đảm bảo tất cả các khoản mục HTK đều được kiểm kê		v		
<u>Thủ tục ghi chép</u>				
15. Đơn vị đã kiểm soát đầy đủ việc phát hành và thu hồi các tài liệu kiểm kê (thẻ, phiếu kiểm kê,...)?		v		
16. KTV đã nhận được thông tin đầy đủ để đảm bảo những thủ tục kiểm kê sau kỳ và kiểm soát các tài liệu kiểm kê		v		
<u>Hàng hỏng, lỗi thời</u>				
17. Các loại HTK hỏng, lỗi thời hoặc không sử dụng đã được xác định đầy đủ trong quá trình kiểm kê		v		
<u>Quan sát</u>				
18. KTV đã quan sát hoặc xác định địa điểm lưu giữ HTK khác hoặc hàng gửi bán		v		
19. Đảm bảo các loại HTK nhận ký gửi hoặc hàng gửi bán không bao gồm trong HTK kiểm kê		v		

C. KẾT LUẬN

Theo ý kiến của tôi, trên cơ sở bằng chứng thu thập được từ việc thực hiện các thủ tục ở trên, các mục tiêu kiểm toán trình bày ở phần đầu của chương trình kiểm toán đã đạt được, ngoại trừ các vấn đề tồn tại sau:

Chữ ký của người thực hiện: _____

PHỤ LỤC SỐ 2.14: GIẤY TỜ LÀM VIỆC CỦA KTV – ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KIỂM KÊ VỚI SỔ SÁCH.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

[D521.1](#)

		Tên	Ngày
Tên khách hàng:	CÔNG TY TNHH JT	Người thực hiện: NTG	05/03/2017
Ngày khóa sổ:	31/12/2017	Người soát xét 1:	7
Nội dung:	Đối chiếu số liệu kiểm kê với sổ sách	Người soát xét 2:	

A. MÔ TẢ CÔNG VIỆC

Mục đích:

Đối chiếu số liệu kiểm kê với sổ sách của hàng tồn

- kho

Nguồn số liệu:

Bảng tổng hợp nhập xuất tồn hàng tồn kho và biên bản kiểm

- kê hàng tồn kho

Thực hiện:

Đối chiếu số lượng hàng tồn kho cuối kỳ trên sổ sách với kiểm kê thực tế chi

- tiết theo vật tư

B. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Xem xét lại hồ sơ, báo cáo kiểm kê của KTV

- *Xác định tỷ lệ quan sát và chọn mẫu kiểm kê:*

Mã kho	Tên kho	Số dư theo Sổ KT tại khóa sổ	Giá trị quan sát kiểm kê	Tỷ lệ %	Giá trị KTV chọn mẫu kiểm đếm lại	Tỷ lệ %	Tham chiếu
(a)	(b)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)	(5)=(4)/(1)	(c)

NVL	Kho NVL	85.255.794.96 2	85.255.794.96 2	100%	-	0%	D540
	Kho CCDC	160.446.226	160.446.226	100%		0%	D540
	Kho Thành phẩm	2.815.157.617	2.815.157.617	100%		0%	D540
	Kho hàng hóa	216.913.374	216.913.374	100%		0%	D540
	Kho hàng gửi đại lý			0%		0%	D540
	Kho hàng bảo thuế			0%		0%	D540
Cộng		85.255.794.96 2	85.255.794.96 2	100%	-	0%	

2. Đối chiếu số liệu kiểm kê với sổ sách của hàng tồn kho

- Kho NVL

Mã VT	Tên vật tư	DV T	SL sổ sách	Số tiền sổ sách	SL kiểm kê	Chênh lệch	Tham chiếu
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)-(3)	(c)
BB001	Bọt biển YP-028A		14.182	5.424.567.299	14.182	-	-
BB002	Bọt biển 1.8AESC		10.906	1.829.255.291	10.906	-	-
BB003	Bọt biển YP-014B		12.035	3.145.778.035	12.035	-	-
BB004	Bọt biển SC350		4.620	1.060.127.959	4.620	-	-
BB005	Bọt biển SRS-32P		2.705	1.547.978.256	2.705	-	-
BB010	Bọt biển YP-039B10		12.164	2.207.163.229	12.164	-	-
BB011	Bọt biển YP-014C		6.781	1.209.209.689	6.781	-	-
BD1006	Băng dính hai mặt dẫn điện FC30AD		1.741	2.139.173.117	1.741	-	-
BSOI002	Băng sợi SD-53W		348	2.180.017.756	348	-	-

BSOI005	Băng sợi SD-42W-1		461	4.245.489.413	461	-	-
SOI001	Sợi inox SUS316		526	4.085.951.812	526	-	-
TAM001	Tấm PP 0.25T		43.716	4.103.347.259	43.716	-	-
TAM026	Tấm PP PP-M-G		3.103	1.016.799.486	3.103	-	-
THEP002	Thanh thép tròn 1215		139.416	2.905.251.655	139.416	-	-
TRUC014	Trục máy in bằng thép LY9198-001		667.577	2.009.239.491	667.577	-	-
TRUC015	Trục máy in bằng thép LY8255-001 (trục 8254)		350.744	1.002.585.254	350.744	-	-
TRUC016	Trục bằng thép LY2376-001		418.120	1.191.823.713	418.120	-	-
TRUC019	Trục thép LR2311-001		521.226	1.766.652.847	521.226	-	-
VAI002	Vải dẫn điện FN70		158	1.856.623.715	158	-	-
VAI003	Vải ni FCT450N		339	1.621.764.598	339	-	-
VAI004	Vải ni FUJILON		105	1.087.355.633	105	-	-
	Tổng cộng		2.210.973	47.636.155.50 7	2.210.973	-	-

Tham chiếu

D521.1.B.1

Kho CCDC

Mã VT	Tên vật tư	DV T	SL sổ sách	Số tiền sổ sách	SL kiểm kê	Chênh lệch
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)-(3)
HGT001	Hộp giấy trắng 259*130*25		3.000	5.517.697	3.000	-
TAM004	Tấm lót 300*225		13.000	14.968.716	13.000	-
TAM016	Tấm carton 420*285		4.864	9.877.920	4.864	-

THUNG003	Thùng carton 515*475*330		1.344	33.248.883	1.344	-
THUNG004	Thùng carton 388*288*198		545	5.579.205	545	-
THUNG011	Thùng carton 650*480*280		442	6.457.986	442	-
THUNG027	Thùng carton 445*310*175		2.072	21.270.350	2.072	-
THUNG028	Thùng carton 390*295*205		500	5.727.300	500	-
THUNG030	Thùng carton 435*300*160		500	6.066.750	500	-
	Tổng cộng		26.267	108.714.807	26.267	-

Tham chiếu

D521.1.B.1

Kho Thành phẩm

Mã VT	Tên vật tư	DV T	SL sổ sách	Số tiền sổ sách	SL kiểm kê	Chênh lệch
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)-(3)
TP1000021	Chổi trừ tĩnh điện LY6699-001		24.000	17.763.266	24.000	-
TP1000035	Chổi trừ tĩnh điện 63212210AE		5.250	13.720.434	5.250	-
TP1000149	Chổi trừ tĩnh điện CZ271-80501		9.000	10.522.193	9.000	-
TP1000152	Chổi trừ tĩnh điện B3Q10-60124		21.000	11.913.400	21.000	-
TP1000159	Chổi trừ tĩnh điện B3Q10-60142		36.000	44.997.696	36.000	-
TP1000084	Bảng dính hai mặt bằng nhựa LY7860-001		90.000	22.713.874	90.000	-
	Tổng cộng		185.250	121.630.863	185.250	-

Tham chiếu

D521.1.B.1

Kết luận:

Không phát sinh chênh lệch

PHỤ LỤC SỐ 2.15: GIẤY TỜ LÀM VIỆC CỦA KTV – TÍNH CỖ MẪU

TÍNH CỖ MẪU

<u>Nội dung</u>		<u>Giá trị</u>	<u>Tham chiếu</u>
Tiêu chí được sử dụng để ước tính mức trọng yếu	(a)	Doanh thu	
Giá trị tiêu chí được lựa chọn	(b)	244.569.918.601	
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu	(c)	2%	
Mức trọng yếu tổng thể	(d)=(b)*(c)	3.668.548.779	
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu thực hiện (50%-75%)	(e)	75%	
Mức trọng yếu thực hiện	(f)=(d)*(e)	2.751.411.584	
Tỷ lệ sử dụng để ngưỡng sai sót không đáng kể (0% - 4%)	(g)	4%	
Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua	(h)=(f)*(g)	110.056.463	
Mức độ đảm bảo cần thiết từ mẫu	(i)	Trung bình	
Loại khoản mục	(k)	Khoản mục trên BC KQKD	
Hệ số rủi ro (R)	(l)	0,5	
Khoảng cách mẫu (KCM)	(m)=(f)/(l)	5.502.823.169	
Tổng thể	(n)	182.226.166.602	
Tổng giá trị các phần tử đặc biệt	(o1)		
Cỡ mẫu các phần tử đặc biệt	(o2)	-	
Tổng giá trị các phần tử lớn hơn KCM	(p1)	-	
Cỡ mẫu các phần tử lớn hơn KCM	(p2)	-	
Giá trị các phần tử còn lại	(q) = (n)-(o1)-(p1)	182.226.166.602	
Cỡ mẫu lý thuyết	(r)=(q)/(m)+[(o2)+(p2)]	33	
Cỡ mẫu thực tế [Tham chiếu đến wps kiểm tra chi tiết]	(s)	8	
Chênh lệch cỡ mẫu lý thuyết - thực tế (*)	(t)=(r)-(s)	25	
Tỷ lệ mẫu kiểm tra so với tổng thể	(u)		

(a) Tiêu chí được sử dụng để ước tính mức trọng yếu: Chọn 1 trong các tiêu chí: Doanh thu, Lợi nhuận trước thuế, Tổng tài sản, Vốn chủ sở hữu

(b) Giá trị tiêu chí được lựa chọn: lấy giá trị tương ứng từ Báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán tương ứng với tiêu chí được chọn

(c) Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu: Được xác định cụ thể theo bảng sau:

STT	Tiêu chí sử dụng	Tỷ lệ
1	Lợi nhuận trước thuế	5%-10%
2	Doanh thu	0.5% - 3%
3	Tổng tài sản	2%
4	Vốn chủ sở hữu	2%

(d) Mức trọng yếu tổng thể = Giá trị tiêu chí được lựa chọn * Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu

(e) Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu thực hiện: Chọn tỷ lệ từ: 50% đến 75%

(f) Mức trọng yếu thực hiện = Mức trọng yếu tổng thể * Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu thực hiện

(g) Tỷ lệ sử dụng để ngưỡng sai sót không đáng kể: chọn các tỷ lệ từ 0% đến 4%

(h) Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua = Mức trọng yếu thực hiện * Tỷ lệ sử dụng để ngưỡng sai sót không đáng kể

(i) Mức độ đảm bảo cần thiết từ mẫu (Cao/Thấp/Trung bình): được xác định dựa trên kết quả đánh giá rủi ro của KTV đối với mỗi khoản mục tương ứng. Cần kết nối với kết quả xác định ở các Mẫu A310, A410-A450, A510, A610-A640.

(k) Loại khoản mục: Là khoản mục trên Bảng cân đối kế toán hay Báo cáo kết quả kinh doanh

(l) Hệ số rủi ro: được xác định dựa trên mức độ đảm bảo cần thiết từ mẫu, cụ thể:

STT	Mức độ đảm bảo	Khoản mục trên bảng CĐKT	Khoản mục trên BC KQKD
1	Thấp	1	0
2	Trung bình	2	1
3	Cao	3	1

(m) Khoảng cách mẫu áp dụng cho khoản mục = Mức trọng yếu thực hiện/ Hệ số rủi ro

(n) Tổng thể: Là tổng thể (hoặc tổng thể đã được phân nhóm) cần lấy mẫu;

(o) Các phần tử đặc biệt: Là các phần tử mà KTV xét đoán là có tính chất đặc biệt, bất thường... và cần phải kiểm tra 100% các phần tử này;

(p) Các phần tử lớn hơn KCM: Là các phần tử có giá trị lớn hơn KCM (e) ... và cần phải kiểm tra 100% các phần tử này;

(q) Các phần tử còn lại = Tổng thể - (Các phần tử đặc biệt + Các phần tử lớn hơn KCM)

(r) Cỡ mẫu lý thuyết = (Giá trị các phần tử còn lại/KCM) + Số lượng phần tử đặc biệt + Số lượng phần tử lớn hơn KCM;

(s) Cỡ mẫu thực tế: Là số lượng mẫu mà KTV lựa chọn, dựa trên xét đoán nghề nghiệp của KTV, trên cơ sở tham khảo phương pháp tính cỡ mẫu

lý thuyết và lựa chọn theo xét đoán. Việc xác định cỡ mẫu thực tế tùy thuộc vào mức độ rủi ro của khoản mục kiểm tra (kê khai cao hay kê khai thấp),

mức độ tin cậy của bằng chứng kiểm toán thu được từ công việc kiểm toán các phần hành liên quan, bằng chứng từ thử nghiệm kiểm soát;

(t) Chênh lệch cỡ mẫu lý thuyết- thực tế = Cỡ mẫu lý thuyết- cỡ mẫu thực tế

(u) Tỷ lệ mẫu kiểm tra so với tổng thể = Giá trị mẫu thực tế kiểm tra/Giá trị tổng thể.

Lưu ý:

(1) Mẫu này áp dụng cho tất cả các phần hành kiểm toán cần kiểm tra chọn mẫu.

(2) Không có sự đảm bảo về số lượng chính xác của cỡ mẫu. KTV phải sử dụng xét đoán chuyên môn để xác định cỡ mẫu tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Cỡ mẫu được xác định phải đủ lớn để giảm rủi ro lấy mẫu xuống một mức thấp có thể chấp nhận được.

PHỤ LỤC SỐ 2.16: GIẤY TỜ LÀM VIỆC CỦA KTV – KIỂM TRA TÍNH GIÁ HTK THEO PHƯƠNG PHÁP BÌNH QUÂN GIA QUYỀN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
UNISTARS

D521.2

		Tên	Ngày
Tên khách hàng:	CÔNG TY TNHH JT	Người thực hiện: <i>NTG</i>	<i>05/03/2017</i>
Ngày khóa số:	31/12/2017	Người soát xét 1:	
Nội dung:	Kiểm tra tính giá HTK theo phương pháp bình quân gia quyền	Người soát xét 2:	

A. MÔ TẢ CÔNG VIỆC

Mục đích:

- Kiểm tra tính giá

Nguồn gốc số liệu:

- Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu

Công việc thực hiện:

- Chọn số một số vật tư có giá trị nhập xuất trong năm lớn để
- kiểm tra việc tính giá

B. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phương pháp tính giá hàng tồn kho năm trước

- Năm trước đơn vị áp dụng phương pháp tính giá nào?

Tích "v" vào PP sử dụng

- 1 Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ v
- 2 Phương pháp bình quân gia quyền di động
- 3 Phương pháp nhập trước xuất trước
- 4 Phương pháp đích danh

Cách thức thu thập thông tin?	Tích "v" vào PP sử dụng	Tham chiếu
1 Từ working paper do kiểm toán năm trước cung cấp Phòng vấn kế toán	v	
2 Thực hiện kiểm tra lại cách tính	v	
3	v	

2. Phương pháp tính giá hàng tồn kho năm được kiểm toán

Lưu ý kiểm tra các khoản

sau:

STT	Diễn giải	Tick "v" khi thực hiện kiểm tra	Nguyên nhân không thực hiện	Tham chiếu
1	Âm kho đầu kỳ	v		
2	Âm cuối kỳ	v		
3	Âm thời điểm	v		
4	Tồn giá trị mà không tồn số lượng và ngược lại	v		
5	Giá bình quân nhập, giá bình quân xuất, giá bình quân tồn biến động lớn	v		

Kiểm tra việc tính giá HTK

Năm

Mã vật tư

Thán
g
Phương pháp tính
giá áp dụng

Mã VT	Tên VT	DV T	Tồn đầu		Nhập		Xuất			Tồn cuối		Số tính lại của KTV	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Đơn giá xuất	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Giá trị tồn kho theo phương pháp mà đơn vị công bố áp dụng	Chênh lệch
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5) x (6)	(8)	(9)	(10)	(11)=(10)-(9)

PHỤ LỤC SỐ 2.17: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Số: 2017/0336/BCTC/Unistars

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH JT

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH JT

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars, đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH JT, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 tới trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc cuối niên độ (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũn như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Giới hạn phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã tham gia chứng kiến kiểm kê chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31/12/2017 nhưng do khác nhau về quản lý và theo dõi trong quá trình nhập xuất vật tư, thành phẩm nên công tác kiểm kê và thủ tục bổ sung nhằm xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm kết thúc năm tài chính không đem lại kết quả như mong muốn. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục trên cũng như ảnh hưởng của các khoản mục đó đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ giới hạn phạm vi kiểm toán nêu trên, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty TNHH JT cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017:

- Đã phản ánh trung thực hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt, 04 bản tiếng Anh. Công ty TNHH JT giữ 05 bản tiếng Việt và 03 bản tiếng Anh. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Đoàn Tiến Hưng Đỗ Đức Duy

Giám đốc **Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính:
VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		177.184.864.012	29.536.237.967
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.252.010.916	552.810.947
1. Tiền	111	V.01	18.252.010.916	552.810.947
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		700.000.000
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			700.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.484.540.917	7.693.415.785
1. Phải thu khách hàng	131		70.321.948.674	6.107.944.114
2. Trả trước cho người bán	132		134.560.000	1.557.737.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ HDXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		28.032.243	27.734.171
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140		88.448.312.179	20.590.011.235
1. Hàng tồn kho	141	V.04	88.448.312.179	20.590.011.235
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		283.038.384.825	190.281.513.839
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.695.000	15.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218		35.695.000	15.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		232.520.181.974	144.804.138.170
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	232.484.691.974	14.267.976.999
- Nguyên giá	222		244.398.965.590	14.853.042.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-11.914.273.616	-585.065.144
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			

3. TSCĐ vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	35.490.000	130.536.161.171
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		50.482.507.851	45.462.375.669
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	50.482.507.851	45.462.375.669
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		460.223.248.837	219.817.751.806
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		210.830.254.789	42.003.696.099
I. Nợ ngắn hạn	310		210.830.254.789	42.003.696.099
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả người bán	312		203.177.407.407	40.753.948.667
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	60.000.532	1.480.000
5. Phải trả người lao động	315		7.291.252.000	1.196.686.000
6. Chi phí phải trả	316	V.17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	301.594.850	51.581.432
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		249.392.994.048	177.814.055.707
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	249.392.994.048	177.814.055.707
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		212.757.885.230	186.176.235.230

2. Thặng dư vốn cổ phần	412		
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		
4. Cổ phiếu quỹ	414		
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	36.635.108.818	-8.362.179.523
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	432		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	460.223.248.837	219.817.751.806

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018
Công ty TNHH JT

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			244.588.138.6	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	01	6.181.440.382
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		150.856.077	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		244.437.282.5	6.181.440.382
			182.825.314.0	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	83	7.830.472.538
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		61.611.968.44	(1.649.032.156)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	760.322.086	283.887.215
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	384.890.258	564.427.331
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		167.844.000	
8. Chi phí bán hàng	24		3.391.050.774	143.215.746
			13.190.598.77	
9. Chi phí quản lý kinh doanh	25		8	4.505.450.086
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		45.405.750.71	(6.578.238.104)
11. Thu nhập khác	31		41.173.436	
12. Chi phí khác	32		449.635.812	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(408.462.376)	
			44.997.288.34	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1	(6.578.238.104)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
			44.997.288.34	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1	(6.578.238.104)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Công ty TNHH JT

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ và kinh doanh	01		180.074.479. 705	112.393.815
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(144.837.059. 340)	(67.223.414.700)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03			
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(167.844.000)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.152.447.35 5	228.046.001
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(45.190.634.4 91)	(5.646.686.736)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.968.610.77 1)	(72.529.661.620)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(619.821.423)	(407.721.894)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(19.500.000.0 00)	(13.510.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.200.000.0 00	14.010.000.000
5. Tiền chi vốn góp vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi từ đầu tư vốn góp vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.345.603	54.945.444
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		86.524.180	147.223.550
III. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính				
1. Thu tiền từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		26.581.286.5 60	61.495.387.340
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		23.842.000.0 00	26.603.100.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(23.842.000.0 00)	(26.603.100.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		26.581.286.5 60	61.495.387.340

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		17.699.199.9	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		69	(10.887.050.730)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		552.810.947	11.439.861.677
			18.252.010.9	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VII.34	16	552.810.947

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Công ty TNHH JT

Người lập

**Phụ trách kế
toán**

Giám đốc

NHẬN XÉT CỦA CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Họ và tên người nhận xét:

Chức vụ:

Nhận xét quá trình thực tập tốt nghiệp của Sinh viên: Nguyễn Thị Giang

Khóa: CQ52. Lớp: 22.02

Đề tài: Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính

Nội dung nhận xét:

1. Về tinh thần thái độ thực tập của sinh viên

2. Về ý thức kỷ luật, tuân thủ quy định của Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc tế Unistars

3. Về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng mềm

4. Về kiến thức chuyên môn

Người nhận xét
(Ký tên đóng dấu)

NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Họ và tên người hướng dẫn khoa học: TS.Tạ Văn Khoái

Nhận xét quá trình thực tập tốt nghiệp của Sinh viên: Nguyễn Thị Giang

Khóa: CQ52; Lớp: 22.02

Đề tài: *Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars thực hiện*

Nội dung nhận xét:

1. Về tinh thần thái độ thực tập của sinh viên

.....
.....

2. Về chất lượng và nội dung của luận văn/đồ án

-Sự phù hợp giữa tên và nội dung đề tài với chuyên ngành.

.....
.....

-Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp nghiên cứu.

.....
.....

Hà Nội, ngày....tháng....năm 2018

-Điểm: -Bảng số:

-Bảng chữ:

Người nhận xét

(Ký tên)

NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI PHẢN BIỆN

Họ và tên người phản biện:

Nhận xét quá trình thực tập tốt nghiệp của Sinh viên: Nguyễn Thị Giang

Khóa: CQ52; Lớp: 22.02

Đề tài: *Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars thực hiện*

Nội dung nhận xét:

-Sự phù hợp giữa tên và nội dung đề tài với chuyên ngành.

.....
.....

-Đối tượng và mục đích nghiên cứu

.....
.....

-Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp nghiên cứu.

.....
.....

-Nội dung khoa học

.....

-Điểm: -Bảng số:

-Bảng chữ:

Người nhận xét

(Ký và ghi rõ họ tên)